

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập thất niên)
Tòa Thánh Tây Ninh
Tập San

THẾ ĐẠO



The Three Venerable Saints of Cao Đài

- 1*-“ Khai Đạo - Tờ Khai Đạo” (Đức Nguyên)
- 2*-“ Tết Trung Thu” - “ Tiết Trùng Cửu” (Đỗ Chiêu Đức)
- 3*-“Sơ giải Hội Yến Điều Trì Cung” (Giải Tâm)
- 4*-“Khám phá lục nghệ” (Thanh Ngọc / ĐKN)
- 5*-“ Thiên Chúa Giáo” (HT Nguyễn Văn Hồng)
- 6*-“ Tìm hiểu con đường TLHS (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)
- 7*- “ Kinh Tâm Tuệ Giác Vượt Thoát Tình Thức” Việt - Anh (Tỳ Kheo Thích Minh Điền - HT Nguyễn Hữu Nghiệp)

Tập Mới

Số 89

10-2022



T&N DENTAL CARE, INC.

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S.

TÔ MỸ HUỆ, D.D.S.

125 N. JACKSON AVE., SUITE 104 - San Jose, CA 95116
(408) 923-8272

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:00 am - 6:00 pm
Nghỉ Thứ Tư & Chủ Nhật

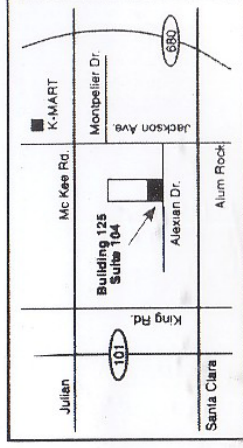
(Cạnh Alexian brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave. và Mc Kee Rd., có thể đến bằng đường Alexian Drive vì mặt tiền phòng mạch trong ra đường này - Tuyến đường xe Bus 70, 74 và 81)



Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc Nha Khoa toàn diện.
Được giải thưởng về "Need, character and scholarship".
Nguyên là Bác Sĩ Y Khoa tại bệnh viện Nguyễn Văn Học và Chợ Quán.

Với sự cộng tác của bác sĩ nha khoa SHAELEE DUNG NGUYỄN

Phòng mạch hoàn toàn mới, khang trang, rộng rãi.
Nhân viên ân cần, vui vẻ, hướng dẫn các vấn đề về bảo hiểm, cách giữ răng cho bền tốt.
Các bác sĩ luôn luôn tìm mọi phương pháp chữa trị tốt nhất cho quý vị.
Có thể đậu xe phía trước hoặc vào bãi đậu xe riêng của khu Jackson Medical Center.



Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine
Issue # 89
October - December 2022



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
PO. Box 21577
San Jose, CA 95151

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Tập San Thế Đạo do Ban Thế Đạo Hải Ngoại chủ trương và phát hành mỗi 3 tháng 1 số phổ biến đến quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và Thân hữu qua đường Bưu Điện và số đầu tiên (số 1) phát hành vào tháng 9 năm 1998 và đến ngày hôm nay đã được 89 số.

Tập San Thế Đạo là tiếng nói của Ban Thế Đạo Hải Ngoại nhằm mục đích phổ biến tin tức đạo sự và phổ truyền giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

Tập San Thế Đạo rất mong được sự yểm trợ tinh thần và vật chất cũng như sự cộng tác, góp ý của quý Chức Sắc, Chức Việc, đồng đạo và thân hữu trên mọi phương diện về giáo lý, thi họa, văn hóa xã hội . . . nhằm mục đích phát triển Ban Thế Đạo Hải Ngoại ngày càng rộng rãi, tốt đẹp và mạnh mẽ hơn.

Trong mọi vấn đề, xin quý vị vui lòng liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
banthedao@comcast.net

MỤC LỤC

01	“ Đại Lễ Khai Đạo” (Đức Nguyên)	05
02	“ Khai Đạo - Tờ Khai Đạo” (Đức Nguyên) . .	09
03	Thuyết Đạo ngày Rằm tháng 10 Nhâm Dần: “ Con Đường Lập Đức” (Hiền Pháp Trương Hữu Đức)	22
04	Ngài Hiền Pháp giảng đạo ngày Vía Đức Lý Đại Tiên (18-8- Quý Mão)	24
05	“ Tết Trung Thu “ (Đỗ Chiêu Đức)	28
06	“ Tiết Trùng cửu” (Đỗ Chiêu Đức)	40
07	“ Sơ giải Hội Yên Diêu Trì Cung” (Giải Tâm)	49
08	Vườn Thơ Thế Đạo: Thi Họa “ Tưởng Niệm Lễ Hội Yên.	66
09	“ Khám Phá lục nghệ - 6 con đường đạt Đạo của người xưa - Phần 1 (Thanh Ngọc - Đại Kỷ Nguyên).	70
10	“ Khám Phá lục nghệ - 6 con đường đạt Đạo của người xưa - Phần 2 (Thanh Ngọc - Đại Kỷ Nguyên).	78
11	“ Khám Phá lục nghệ - 6 con đường đạt Đạo của người xưa - Phần 3 (Thanh Ngọc - Đại Kỷ Nguyên).	86
12	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	98
13	Danh sách yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại từ ngày 21-6-2022 đến ngày 15-9-2022.	99

- 14 Phân ưu:
 Hiền Tài Nguyễn Kim Huê quy vị ngày 30-8-
 2022 tại Sài Gòn - Việt Nam, hưởng trung
 thọ 78 tuổi 101
- 15 Thánh Thất GA: “Một chuyến đi thăm . .”
 (Tường thuật HT Võ Ngọc Độ) 102
- 16 Thánh thất Nashville TN:Tường thuật HT
 Huỳnh Văn Bớt “ Phái đoàn Hương Đạo
 Nashville TN đi thăm HT Lê Thành Hưng
 tại tiểu bang Alabama 106
- 17 Tâm thư TT San Antonio TX ngày 5/5/2022
 kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất 110
- 18 Hình ảnh công trình đang được thực hiện . . 111
- 19 “ Thiên Chúa Giáo
 (Khảo luận của Đức Nguyên) 114
- 20 “Tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng
 Hằng Sống” (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc) . 141
- 21 “ Kinh Tâm Tuệ Giác Vượt Thoát Tình
 Thức” (Tỳ Kheo Thích Minh Điền - Dịch
 ra Anh Ngữ HT Nguyễn Hữu Nghiệp) 161



ĐẠI LỄ KHAI ĐẠO

Ngày tổ chức Đại Lễ Khai Đạo được Đức Chí Tôn ấn định là ngày rằm Hạ nguơn năm Bính Dần (15-10-Bính Dần), tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, Tây Ninh.

Đức Chí Tôn ra lệnh cho các Chức sắc tạm ngưng công cuộc truyền Đạo ở Lục tỉnh, để về chung lo cho ngày Đại Lễ, để Đạo Cao Đài chánh thức ra mắt trước các cấp Chánh quyền thuộc địa Pháp, ra mắt quốc dân và các dân tộc trên thế giới.

Chúng ta đọc bài Thánh Ngôn sau đây trích trong TNHT¹ ngày thứ bảy 12-8-Bính Dần (dl 18-9-1926).

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

“Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con, biết à!

Thầy lại qui Tam giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng 10 có Đại Hội cả Tam giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba Chi làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm Cha chương quản, hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!

1- TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

Thầy buộc các con phải hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à! Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy, các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy, nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại Hội.”

Ngày Đại Lễ Khai Đạo là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử tiến hóa của Nhơn loại trên quả Địa cầu này, vì nó báo cho Nhơn loại biết một thời kỳ tiến hóa mới bắt đầu.

* Cho nên, ngày Khai ĐĐTKPD² đã được Thiên Thơ tiên định, đó là ngày rằm Hạ nguơn năm Bính Dần.

- Tại sao ngày Khai Đạo phải là rằm Hạ Nguơn mà không là một ngày nào khác? Bởi vì Đạo Cao Đài mở ra để cứu độ Nhơn sanh thời Hạ Nguơn mạt kiếp.

- Tại sao phải là năm Bính Dần mà không là một năm nào khác? Bởi vì khởi đầu một Nguơn là năm Giáp Tý tức là năm Khai Nguơn (2 chữ Giáp và Tý là khởi đầu của Thập Thiên Can và Thập nhị Địa chi), kế đó là Ất Sửu, rồi Bính Dần, tương hợp với câu: Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần. Khai Đạo là để phổ độ Nhơn sanh nên phải khai vào năm Bính Dần, sau năm Khai Nguơn.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã có nói:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên Thơ,
Khai Đạo muôn năm trước định giờ.*

* Việc lựa chọn nước VN, một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc, để Đức Chí Tôn khai Đạo, rồi từ đó, nền Đại Đạo truyền bá ra khắp hoàn cầu, cũng đã được chư Tiên, Phật nơi

2- ĐĐTKPD: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Ngọc Hư Cung quyết định từ trước.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn có dạy rõ:

“Vì TKPD, Thiên Địa hoằng khai, nơi Tây phương Cực Lạc và Ngọc Hư Cung mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật Tông Nguyên Lý đã cho hiểu trước đến buổi hôm nay rồi, tại tăng đồ không kiếm chơn lý mà hiểu.” (TNHT)

“Vốn Thầy tạo lập nền Chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con ví biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng, đợi đến ngày thành tựu, các con mới thấy rõ Thiên cơ thì chừng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng? vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai.” (TNHT)

“Thầy có hội chư Tiên, Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt quốc.” (TNHT)

“Thầy vì đức háo sanh, nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc Hạ Nguồn này mà vớt sanh linh khỏi vòng khổ hải.” (TNHT)

“ĐĐTKPD chiếu theo luật Thiên đình, Hội Tam Giáo, mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để diu dắt nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi.” (TNHT)

“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm con thanh nộ của Thầy, Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu. Từ tạo Thiên lập Địa, chưa nước nào dưới quả Địa cầu 68 này đặng vậy.” (TNHT)

Trong Đại Lễ Khai Đạo ngày 15-10-Bính Dần, Ngài Đầu Sư

Thượng Trung Nhựt thay mặt Hội Thánh mời đủ các quan chức cao cấp của nhà cầm quyền Pháp tại Nam Kỳ, các Chủ nhiệm và ký giả các báo chí ở Sài Gòn, đông đảo nhân sĩ trí thức, đến tham dự Đại Lễ Khai Đạo tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm là chùa Gò Kén Tây Ninh.

Tại Thánh Thất, Hội Thánh được Đức Chí Tôn dạy bảo, sắp đặt, phân trách nhiệm, nên tổ chức tiếp đãi các quan khách rất ân cần và nồng hậu. Bỏn đạo và chư thiện nam tín nữ từ khắp các nơi trong nước đổ dồn về dự lễ rất đông, ngoài sức tưởng tượng của chánh quyền Đồi.

Đặc biệt trong ngày Đại Lễ này, Hội Thánh không thu nhận tiền bạc hỷ cúng của nhơn sanh, chỉ thu nhận những cúng phẩm như trái cây, bông, trà, nhang đèn.

Đại Lễ Khai Đạo đã gây được một tiếng vang rất lớn đối với toàn cả Nam Kỳ, đối với nước Pháp và đối với quốc tế nữa. Nhiều tờ báo ở Sài Gòn, chữ Việt và chữ Pháp, đều có bài tường thuật tỉ mỉ Đại Lễ Khai Đạo, với nhiều hình ảnh kèm theo, rồi báo chí bên nước Pháp cũng đang tiếp theo, gây được sự chú ý trên trường quốc tế.

Tuy Đại Lễ Khai Đạo tổ chức trong 3 ngày đã chấm dứt, nhưng thiện nam tín nữ từ khắp các tỉnh vẫn tiếp tục kéo về Thánh Thất Gò Kén nhập môn và lễ bái không ngớt, đồng thời, người Cao Miên từ tỉnh Soài Riêng cũng lũ lượt đi xuống nhập môn và làm công quả, kéo dài ngớt 3 tháng như vậy.

Cao Đài Tự Điển (Đức Nguyên)

KHAİ ĐẠO - TỜ KHAİ ĐẠO

Khai: Mở ra, mở đầu, mở mang, bắt đầu. **Đạo:** tôn giáo.

Khai Đạo là mở ra một tôn giáo mới để cứu giúp nhơn sanh, tức là mở ra một con đường tu hướng dẫn nhơn sanh tu hành, đạt được sự an vui, hết phiền não và linh hồn sẽ được giải thoát khỏi luân hồi, lên sống an lạc nơi cõi TLHS.³

Năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng cơ bút mở ra tại miền Nam Việt Nam một nền tôn giáo mới gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay Đạo Cao Đài, để cứu vớt nhơn sanh trong thời Hạ Nguơn mặt kiếp, trước khi có cuộc Tận Thế và Hội Long Hoa.

Tờ Khai Đạo (Đạo Cao Đài) là một bản văn gửi cho nhà cầm quyền Pháp đương thời là Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol để thông báo chánh thức với nhà cầm quyền Pháp biết là một số người có tên trong văn bản, đứng ra thành lập một nền Tân Tôn giáo gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nói tắt là Đạo Cao Đài, và bắt đầu hoạt động tại miền Nam Việt Nam.

Tờ Khai Đạo này không phải là Đơn Xin Khai Đạo, mà là một bản Tuyên Ngôn chánh thức mở Đạo, chiếu theo luật lệ nước Pháp áp dụng cho Nam Kỳ, thuộc địa của Pháp, dân chúng được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, sùng bái cúng kiếng Trời Phật, miễn là không làm rối loạn trật tự và an ninh trong xứ.

Những người đứng tên trong Tờ Khai Đạo cử Ngài Lê Văn

3- TLHS: *Thiên Ưng Hằng Sống*

Trung, cựu Thượng Nghị Viện Đông Dương, đích thân cầm Tờ Khai Đạo đem lên giao tận tay Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, được ông Le Fol tiếp nhận vui vẻ.

Tờ Khai Đạo không phải là Đơn Xin, nên không có sự chờ đợi nhà cầm quyền Pháp chấp thuận cho phép. Do đó, sau khi gửi Tờ Khai Đạo lên Thống Đốc Le Fol rồi, những vị đứng tên Khai Đạo lo gấp rút truyền Đạo, thu nhận tín đồ, xúc tiến xây dựng cơ sở, chuẩn bị tổ chức Đại Lễ Khai Đạo ra mắt quốc dân và quốc tế.

Về việc lập Tờ Khai Đạo, diễn tiến thứ tự như sau:

- Đoàn cơ ngày 16-8-Bính Dần (dl 22-9-1926), Đức Chí Tôn dạy: *“Các con xin chánh phủ Lang Sa đăng khai Đạo thì cực chẳng đã Thầy ép lòng mà chịu vậy cho từng nơi Thiên cơ. Thầy rất đau lòng mà chịu vậy, chớ biết sao!”*

Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt: *«Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét sửa trước nghe!»* (TNHT, Bài 36, ngày 16-8-Bính Dần).

- Đúng một tuần lễ sau, ngày 23-8-Bính Dần (dl 29-9-1926), các môn đệ gồm cả thầy 247 tín đồ nam nữ họp đại hội tại nhà Ông Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn, ở đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo, Quận I Sài Gòn) trong một đêm mưa to gió lớn, nước ngập hết các đường sá, xe hơi không chạy được, nhờ vậy nên buổi đại hội không bị mật thám Pháp ngăn trở. Tất cả môn đệ đều đồng ý ký tên vào Tờ Khai Đạo do Ngài Đầu Sư Thượng

Trung Nhựt dự thảo bằng tiếng Pháp.

- Sau đó, quý Ngài lập đàn cơ tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng Tờ Khai Đạo lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét.

Đức Chí Tôn giáng phê:

«Mấy con không nói một điều gì đến Thầy hết, nhưng thôi kệ, cứ gọi đi.» «Thầy dặn con, Trung, nội thứ năm tuần tới, phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe!»

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tuân lệnh Đức Chí Tôn, chờ đến thứ năm tuần tới là ngày 7-10-1926 (âl 1-9-Bính Dần), Ngài đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho Ông Le Fol và được Ông Le Fol tiếp nhận.

Bản lưu của Tờ Khai Đạo ấy đã thất lạc từ lâu, nay được thấy trong Luận văn thi Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp của một sinh viên Pháp tên là Pierre Bernardini nhan đề: Le Caodaïsme au Cambodge, Université de Paris VII, 1974, page 282, 283, 284.

Chúng tôi xin chép ra sau đây để rộng đường tham khảo:

DÉCLARATION OFFICIELLE ADRESSÉE PAR LES FONDATEURS DU CAODAÏSME À M. LE FOL, GOUVERNEUR DE LA COHINCHINE.

Saigon, le 7 Octobre 1926.

Monsieur le Gouverneur,

Les soussignés, ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaître ce qui suit:

Il existait en Indochine Trois Religions (Bouddhisme, Tao-

isme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bé hộ, lộ bắt thập di), tel est l'adage inscrit dans nos annales.

Hélas! Ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser, tandis que le but de toutes les religions est le même: Faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.
2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.
3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps.

Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom “ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ”, qui signifie la Troisième Amnistie Générale, est donné par l'Esprit Su-

prême qui est venu aider les soussignés à fonder cette Nouvelle Religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dit CAO ĐÀI ou "LE TRÈS HAUT, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiaire de médiums écrivains, Ngọc Hoàng Thượng Đế transmet au soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces Trois Anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius.
2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque.

Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des "Saintes Paroles" de Ngọc Hoàng Thượng Đế, paroles estimées plus précieuses que tout ce qui existe ici-bas.
2. La traduction de quelques passages du livre de prières que Ngọc Hoàng Thượng Đế nous a enseignées.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est

difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance de cette Nouvelle Religion apportera à nous tous la paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués.

Ont signé:

Mme LÂM NGỌC THANH,

M. LÊ VĂN TRUNG,

.....

Bản dịch Tờ Khai Đạo ra tiếng Việt:

**TUYÊN NGÔN CHÍNH THỨC ĐƯỢC NHỮNG
NGƯỜI SÁNG LẬP ĐẠO CAO ĐÀI GỬI TỚI ÔNG LE
FOL, THỐNG ĐỐC NAM KỲ.**

Sài Gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926.

Kính Ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh kính báo cho Ông biết những điều dưới đây:

Tại Đông Dương đã có ba nền tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo). Tổ Tiên của chúng tôi tu hành theo ba giáo lý

ấy và đã sống hạnh phúc nhờ nghiêm chỉnh tuân theo những lời giáo huấn tốt đẹp của các vị Tổ Sư Tam giáo truyền dạy.

Vào thời xưa, người ta sống không lo âu, đến nỗi người ta có thể ngủ không đóng cửa và cũng không thèm lượm của rơi ngoài đường. (Gia vô bé hộ, lộ bất thập di), ấy là câu ngôn ngữ ghi chép trong sử sách của chúng tôi.

Than ôi! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa vì những lý do sau đây:

1. Những người hành đạo của các tôn giáo ấy đã tìm cách phân chia, trong lúc đó, mục đích của tất cả tôn giáo đều giống nhau: Làm điều thiện, tránh điều ác, và thành kính thờ phượng Đấng Tạo Hóa.

2. Họ đã làm sai lạc hoàn toàn bản chất, ý nghĩa của các giáo lý thiêng liêng quý báu ấy.

3. Sự tranh đua về lợi danh, lòng tham vọng của con người, đều là những lý do chánh của sự bất đồng tư tưởng hiện nay. Những người VN ngày nay đã hoàn toàn từ bỏ những phong tục và truyền thống tốt đẹp của thời xưa.

Ngao ngán trước tình trạng các sự việc nêu trên, một nhóm người VN có nhiệt tâm với truyền thống và tôn giáo, đã nghiên cứu cải cách các tôn giáo nói trên, để nắn đúc thành một tôn giáo duy nhất gọi là Đạo Cao Đài hay Đại Đạo.

Danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Đại Ân Xá Kỳ Ba, được Đấng Chí Linh ban cho và Ngài đã đến giúp đỡ những người ký tên dưới đây thành lập nền Tân Tôn giáo ấy.

Đấng Chí Linh đã đến dưới danh xưng Ngọc Hoàng Thượng

Đế, gọi là Cao Đài hay Đấng Tối Cao, Thượng Đế Toàn Năng.

Qua trung gian của các đồng tử phò cơ, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền cho những người ký tên dưới đây những bài Thánh giáo có mục đích cô đọng và giảng dạy các giáo huấn tốt đẹp của ba nền tôn giáo xưa.

Tân Giáo lý sẽ dạy cho dân chúng:

1. Luân lý cao thượng của Đức Không Tử.
2. Đạo đức ghi trong Phật giáo và Lão giáo. Đạo đức ấy bao gồm làm điều thiện, tránh điều ác, yêu thương nhơn loại, thực hành sự hòa hợp, hoàn toàn tránh chia rẽ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình bày với ông:

1. Vài đoạn trích lược của tập Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời nói được đánh giá là quý báu hơn hết tất cả những gì hiện có nơi cõi phàm trần.
2. Bản dịch vài đoạn trong quyển Kinh Cầu Nguyện mà Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy chúng tôi.

Mục đích theo đuổi của những người ký tên dưới đây là đem dân chúng trở lại thời thái bình và hòa hợp của thời xưa. Như thế, con người sẽ hướng về một thời đại mới rất hạnh phúc, khó tả ra đặng.

Nhân danh đồng đảo dân chúng VN mà họ đã hoàn toàn tán thành những điều nghiên cứu này, có danh sách đính kèm theo đây, những người ký tên dưới đây hân hạnh và kính cẩn bày tỏ với Ông là những người ấy sẽ đi phổ thông cho toàn thể nhơn loại Giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng, nền Tân Tôn giáo này sẽ đem lại cho tất cả chúng ta hoà bình và hòa hợp, những người ký tên dưới đây yêu cầu Ông tiếp nhận chánh thức Bản Tuyên Ngôn của họ.

Những người ký tên dưới đây xin Ông Thống Đốc vui lòng chấp nhận sự chắc chắn của những tình cảm tôn kính và chân thành của họ.

KÝ TÊN:

- *- Bà Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp chủ ở Vũng Liêm.
- *- Ông Lê Văn Trung, Cựu Thượng Nghị Viện thọ Ngũ đẳng bửu tinh, Chợ Lớn.
- *- Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
- *- Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây Gia Định.
- *- Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
- *- Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- *- Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
- *- Vương Quan Kỳ, Tri Phủ, Sở Thuế Thân, Sài Gòn.
- *- Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định.
- *- Ngô Tường Vân, Thông Phán, Sở Tạo Tác Sài Gòn.
- *- Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- *- Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cả Cần Giuộc.
- *- Đoàn Văn Bản, Đốc học trường Cầu Kho.
- *- Lê Văn Giảng, Thơ ký kế toán hãng Ippolito Sài Gòn.
- *- Huỳnh Văn Giới, Thông Phán Sở Tân Đáo Sài Gòn.

- *- Nguyễn Văn Tường, Thông ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn.
- *- Cao Quỳnh Cư, Thơ ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn.
- *- Phạm Công Tác, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- *- Cao Hoài Sang, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- *- Nguyễn Trung Hậu, Đốc học trường Tư thực Dakao.
- *- Trương Hữu Đức, Thơ ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn.
- *- Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ Chợ Đũi Sài Gòn.
- *- Nguyễn Văn Chúc, Cai Tổng Chợ Lớn.
- *- Lại Văn Hành, Hương Cả Chợ Lớn.
- *- Nguyễn Văn Trò, Giáo viên Sài Gòn.
- *- Nguyễn Văn Hương, Giáo viên Dakao.
- *- Võ Văn Kinh, Giáo tập Cần giuộc.
- *- Phạm Văn Ti, Giáo tập Cần Giuộc.

Nhận xét về TỜ KHAI ĐẠO:

Chúng ta nên lưu ý rằng: **Tờ Khai Đạo** không phải là **Đơn Xin Khai Đạo**, mà là Bản Tuyên Ngôn chánh thức của một số tín đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ biết: một số người đứng ra thành lập một nền Tân Tôn Giáo với một Tân Giáo lý, sẽ truyền bá trong nước VN và cho toàn nhơn loại trên thế giới.

Ông Gustave Meillon, Giám Đốc Viện Pháp Việt, có viết: Le 7 Octobre 1926, le Gouverneur de la Cochinchine recoit la Déclaration Officielle de la fondation du Caodaisme. Prudent il se contente d'en prendre acte, sans toute fois s'engager formellement à le reconnaître.

(Ngày 7-10-1926, Thống Đốc Nam Kỳ nhận được Bản Tuyên Ngôn chánh thức về sự thành lập Đạo Cao Đài. Ông khôn khéo tiếp nhận văn kiện, tuy nhiên không cam kết công nhận chánh thức mới Đạo.)

Ngày 23-8-Bính Dần là ngày Đại Hội đầu tiên của các tín đồ Cao Đài để soạn thảo Bản Tuyên Ngôn Khai Đạo, tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, Sài Gòn. Đây là một ngày lịch sử quan trọng của Đạo Cao Đài.

Cho nên, hằng năm, khi đến ngày 23 tháng 8 âm lịch, bốn đạo làm Lễ Kỷ Niệm ngày Lập Tờ Khai Đạo. Khi ông Nguyễn Văn Tường còn sinh tiền thì Lễ này tổ chức tại nhà của ông. Sau khi ông Tường qui vị, lễ này được tổ chức tại Thánh Thất Cầu Kho, nhà của ông Đốc học Đoàn Văn Bản.

Khi xây dựng Thánh Thất Nam Thành thay thế Thánh Thất Cầu Kho, thì cuộc Lễ Kỷ Niệm lập Tờ Khai Đạo tổ chức tại Thánh Thất Nam Thành, địa chỉ ngày nay là: 124 -126 đường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, Sài Gòn.

Ngày 23-8-Mậu Thìn (1928), tức là đúng 2 năm sau ngày Lập Tờ Khai Đạo, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tổ chức Lễ Kỷ Niệm tại nhà ông Nguyễn Văn Tường.

Trong dịp này, Ngài Thượng Trung Nhựt đọc một bài Thuyết đạo nhắc lại gốc tích ngày Lễ Kỷ Niệm này, như sau:

Chư Đạo hữu rất yêu dấu,

Chư Đạo tử, chư Đạo muội.

Tôi rất hữu hạnh vì ngày nay được thay mặt trong ĐĐTKPĐ đăng thố lộ ít lời nhắc tích ngày Kỷ Niệm hôm nay.

Máy Âm Dương chuyển vận, cơ Tạo Hóa vắn xoay, ngày tháng như thoi đưa, ngảnh lại ngày Đấng Chí Tôn hiệp chúng ta nơi đây đặng lo **LẬP TỜ KHAI ĐẠO** tới nay là 2 năm chẵn. Tôi xin nhắc lại cho chư Hiền hữu, chư Hiền muội lẫm tường:

Đấng Chí Tôn có dạy:

Bản Cổ sơ khai, nhơn sanh ư Dàn, cho nên ngày **Đấng Chí Tôn mở Đạo là ngày mừng 1 Tết năm Bính Dần**. Ngày ấy, Thầy sắp đặt 12 người lo khai ĐĐTKPĐ, mỗi người lãnh phận sự lo đi truyền bá.

Bước qua tháng 8 năm Bính Dần, gần lúc Trung Thu trăng thanh gió mát, tôi cùng hai em: Cư, Tắc, cầu nguyện cùng Đấng Từ Bi xin phép đến bữa Nguyệt đán cho phép sắm lễ cúng Diêu Trì Cung và cầu Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương và Chín vị Tiên Nữ hầu bà xin dạy Đạo.

Đấng Chí Tôn rộng lượng cho cầu Diêu Trì Cung bữa rằm Trung Thu. Khi cầu cơ thì Đấng Chí Tôn giáng, kêu tôi, dạy phải cho môn đệ của Thầy, tối 23 tháng 8, tựu tại nhà Đạo hữu Tường đây.

Tôi không biết rõ Thánh ý, điều tôi vâng mạng cho chư Đạo hữu hay lời Thánh truyền, tới bữa 23 tháng 8 năm Bính Dần, là ngày 29 Septembre 1926, chư Đạo hữu tựu tại đây, rồi cầu Đấng Chí Tôn giáng dạy tôi phải biên tên hết các nam nữ lưỡng phái đặng đứng **TỜ KHAI ĐẠO** cho Chánh phủ. Khi ấy có mặt nơi đàn hết thầy là **240 vị Đạo hữu nam nữ**.

Tôi có nạp tên mấy vị ấy tại Chánh phủ khi tôi dâng **Tờ Khai Đạo**, là ngày **7 Octobre 1926**.

Khi ấy, tôi có bạch với Đấng Chí Tôn rằng, tôi không có giờ đủ mà đệ Tờ Khai Đạo cho ông Thái Lão Trần Đạo Quang ký tên.

Đấng Chí Tôn có phán dạy tôi cứ việc đem tên Trần Đạo Quang vô Tờ Khai Đạo. Đấng Chí Tôn có phán rằng: “Con cứ đem tên nó vô Tờ Khai Đạo, Đạo Quang không chối cãi đâu mà con phòng ngại.”

Thiệt, từ ngày ấy, anh cả chúng ta là Trần Đạo Quang hết lòng sốt sắng vì Đạo nên Đấng Chí Tôn phong cho chức Chương Pháp trong ĐĐTKPĐ.

Ấy là sự tích ngày Kỷ Niệm hôm nay.

Nhìn mặt nhau đây thì chúng ta thấy chúng ta phản lão hoàn đồng, chúng ta trẻ lại hai tuổi, vì chúng ta trở lại thấy việc hai năm trước.

Vậy là ngày vui, ngày quý báu của chúng ta.

Biết vui biết quý báu chừng nào thì phải biết cái ân huệ của Đấng Chí Tôn ban thưởng cho chúng ta chừng này. Muốn đền ơn quý trọng ấy, phải làm sao? Phải hết lòng vì Đạo, hết lòng tín ngưỡng Đấng Chí Tôn và chư Phật, chư Tiên, vì háo sanh, vì cuộc tuần hoàn mà gieo mối Đạo Trời TKPĐ, ngõ hầu độ rồi sanh linh khỏi hết trả vay nơi trầm luân khổ hải này. . . .

(Trích Tiểu sử Đức Q. Giáo Tông, trang 33, do Hội Thánh in 1973)

BÀI THUYẾT ĐẠO
Ngày rằm tháng 10 năm Nhâm Dần (Giờ Tý)
— 000 —

CON ĐƯỜNG LẬP ĐỨC

Trong Nho Giáo có phân ra ba hạng người (tam phẩm chi nhơn) trong nhân gian:

- *- Thượng Phẩm (bất giáo Thiện)
- *- Trung Phẩm (giáo hậu Thiện)
- *- Hạ Phẩm (giáo diệc bất Thiện)

Hạng thứ nhất là hạng người không dạy mà trở nên lành ấy là hạng THÁNH (Bất giáo nhi thiện phi Thánh nhi hà). Thánh là đường nào!

Hạng thứ nhì là hạng người dạy rồi trở nên Lành, ấy là bậc HIỀN (Giáo nhi hậu thiện phi Hiền nhi hà). Hiền là đường nào!

Hạng thứ ba là hạng người dạy rồi mà cũng không Lành, ấy là hạng NGU (Giáo diệc bất Thiện phi Ngu nhi hà) Ngu là đường nào!

Trong bài Thánh Giáo ngày Rằm tháng 9 Bính Dần (1926) ĐỨC CHÍ TÔN dạy như vậy:

“THẦY là chư PHẬT, Chư PHẬT là THẦY.
Các con là chư PHẬT, chư PHẬT là các con.
Có THẦY mới có các con, có các con rồi mới có chư THẦN, THÁNH, TIÊN, PHẬT”

Chúng ta nên hiểu ý ĐỨC CHÍ TÔN muốn đến khuyên dạy chúng ta phải cố gắng trong trường Đạo để trở nên Thần, Thánh, Tiên, Phật vì các Đấng ấy trước khi đắc vị cũng là người như chúng ta.

Vậy chúng ta chỉ có hành đạo cho đúng phương pháp, y theo lời dạy của ĐỨC CHÍ TÔN cùng Các Đấng Thiêng Liêng thì sự đạt vị không phải là khó.

Ta có câu phương ngôn:

Thế thượng vô nan sự (trên đời không có gì là khó) duy hữu nhơn tâm tự bất kiên (nhưng chỉ vì lòng người không bền lòng kiên nhẫn đó thôi).

Lại có câu phương ngôn Pháp: Hễ muốn là được (Vouloir c'est pourvoir).

Căn cứ vào đó ta nhận thấy con đường tán hóa để đạt phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật rất gần chúng ta, vì chúng ta có Phước lớn nên có Thầy TRỜI cùng các Đấng đến dạy. Ta chỉ còn một cách kiên nhẫn làm tròn sứ mạng và bổn phận Môn Đồ của ĐẠI ĐẠO thì sẽ đạt phẩm vị chắc chắn. Dầu không được Thánh cũng là Hiền.

Thử hỏi ai lại không muốn vào bậc Thánh Hiền? Ai lại muốn ở vào hạng Ngu sao?

Chúng ta lại còn có trách nhiệm phải độ người dữ trở nên Hiền, ĐỨC CHÍ TÔN nói: Chúng ta là đèn và gương soi sáng của nhơn sanh, nên phải tập mình cho xứng đáng.

Vậy chúng ta phải nêu gương đạo hạnh cho đàn hậu tấn noi theo, vì chỉ có đạo đức thực hành trong nhơn gian thì mới làm cho Đời trở nên tốt đẹp thiện mỹ. Đạo đức không phải

chỉ nói suông mà được đâu. Ta phải tự giác trước rồi mới giác tha, nếu ta chỉ nói không mà không làm thì ai tin cho?

ĐỨC CHÍ TÔN đã gom anh chị em ta lại một nhà và bảo chúng ta coi nhau như ruột thịt thì chúng ta cứ theo đó mà làm thì con đường LẬP ĐỨC không còn xa với chúng ta nữa.

HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI.
TRƯƠNG HỮU ĐỨC

BÀI GIẢNG ĐẠO TẠI TÒA THÁNH
Ngày 18 - 8 năm Quý Mão (dl. 5-10-1963)
Ngày Vía ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN

— 0 0 0 —

Kính thưa chư Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu Lương phái.

Hôm nay, ngày Vía ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN, Đại Diện ĐẠO PHÁP, Kiêm GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, chúng tôi xin nhắc sơ lược Thiên Tài của Đức Ngài như sau này:

Sách chép rằng khi lên bảy tuổi, thân mẫu của Ngài đưa Ngài lên lầu, bỗng nhiên Ngài ngâm được bốn câu thi này:

Vòi vọi lâu trăm thước,
Vói tay hái được sao.
Chỉ e nói lớn tiếng,
Kinh động Tiên trên TRỜI.

Lên mười tuổi, Ngài đã suốt thông kinh sử, xuất khẩu thành chương, ai cũng gọi Ngài là Tiên giáng thế, vì vậy mà người ta phong tặng Ngài là LÝ TRÍCH TIÊN.

Học rộng, tài cao, nhưng người không thích làm quan, lại còn hoài bão tư tưởng của LÃO TRANG và tư tưởng giải thoát của nhà PHẬT. Vì thuyết Nhơn Sanh Quan ấy, nên Ngài xa đời, thường hay vân du các nơi danh sơn thắng cảnh và thường ở trên núi cao tịch mịch để dưỡng khí thanh cao.

ĐỨC LÝ còn làm nhiều việc phi thường như đọc bức thơ của Vua Phiên gửi đến Vua Đường và hồi đáp bằng Phiên văn làm cho Vua Tôi Phiên Quốc hết lòng khâm phục.

Vả lại, thời xưa như đời Đường chẳng như Thế giới chưa thông đồng, loài người chưa giao tiếp với nhau. Một người Trung Quốc lúc bấy giờ đọc và viết được Phiên Văn là một việc phi thường.

Năm Ất Sửu (1925) là năm bắt đầu việc xây bàn đề sau này mở ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN có ý đến giúp mở Đạo, nên nhơn dịp lễ Giáng Sinh ĐỨC GIA TÔ GIÁO CHỦ, người giảng cho bài thi như sau:

Đường Trào hạ thế hưởng Tam Quan,
Chẳng vị công danh chỉ hưởng nhàn.
Ly rượu trăm thi Đòi vẫn nhắc,
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thơ văn đồ chứa chan.
Bồng đảo còn mơ khi bút múa,
Tả lòng thế sự vẽ giang san.

Cũng nhơn dịp ấy, Đỗ Mục Tiên họa lại bài thi trên như vậy:

Chẳng kể công khanh bỏ ấn Quan,

Bông lai vui Đạo hưởng an nhàn.
Thi Thần vui hứng ngoài rừng Trước,
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.
Nồng hạ Trời thương đưa gió quạt,
Nắng thu đất cảm đổ mưa chan.
Vân du thế giới vui mùi Đạo,
Mời viếng Kỳ Sơn, tối Cẩm San.

Hiện nay, ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN Đại diện cho Đạo Giáo trong Tam Trấn Oai Nghiêm, kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để diu dắt HỘI THÁNH.

Ngày 29 tháng 10 năm 1926, ĐỨC CHÍ TÔN giảng cơ dạy như vậy:

“Từ đây quyền thưởng phạt THẦY giao vào tay LÝ THÁI BẠCH các con liệu mà cầu rỗi nơi NGƯỜI”.

Và khi tái cầu ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN giảng cơ dạy như sau đây ¹:

“Từ đây THẦY đã giao quyền thưởng phạt về tay Bản Đạo vậy các Đạo Hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền Đạo cho vững vàng hiệp ý với Thiên Cơ mà bước lên địa vị cao thượng, chớ sứt sè ôm thói mờ hồ, thì đã uổng công trình cực nhọc từ bấy lâu nay, lại thêm chẳng đặng theo Thánh Ý của THẦY là BẠCH CHÍ TÔN đã hết sức nhọc nhằn về sanh chúng.

Mở một môi Đạo chẳng phải là một sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một môi Đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới dục lòng kẻ có công, có phạt mới răn

1- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - trang 45

được lòng tà vạy.

Thường phạt tuy chẳng phải hữu hình, nhưng là một sự mừng vui chưa có bậc cao thượng nào sánh bằng và một sự buồn bã nào sánh đặng. Dầu có ăn năn, hối hận mấy kiếp ngày giờ cũng đã qua rồi, ngôi Cực lạc vẫn có người choán hết.

Phần nhiều các Đạo Hữu dày công xây đắp nền Đạo, nhưng sự ham muốn còn bôn chôn theo tình thế.

Công quả đã nhiều, mà bước tới nữa thì dường như ngán bước, gặp sự gay go đã mõi lòng. Thảm thay! Tiếc thay! Đặng Bậc CHỈ TÔN cầm quyền Thế Giới, diu đất, rửa tội mà chẳng bươn chải kịp thời, để đua nhau nghĩ tính về miếng đỉnh chung, nếu THẦY chẳng Đại Từ, Đại Bi thì công quả đã chảy theo dòng nước.

Từ đây Bản Đạo phải để ý diu đất bước đường cho các Đạo Hữu, phải gắng công thêm nữa cho kịp với cơ TRỜI. Ai hữu phước thì Đạo vị đặng cao thêm, ai vô phần thì bị đọa Tam Pháp. Phước phần cũng khó lựa người, rủi rủi, may may, đừng trách nơi Bản Đạo”.

Thưa quý vị,

Chúng tôi nhận thấy bài Thánh Giáo này rất hữu dụng, và còn nhiều bài Thánh Giáo hữu hiệu khác của Ngài nữa. Vạy chúng ta nên nhắc nhở lẫn nhau để thực hành Thánh Giáo của Đức Ngài chỉ dạy hầu làm tròn nhiệm vụ của mình.

HIẾN PHÁP

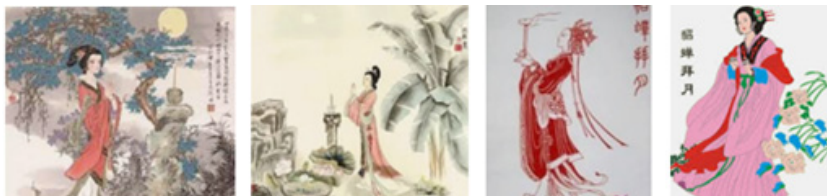
Tạp Ghi và Phiếm Luận: TẾT TRUNG THU



TẾT TRUNG THU chữ Nho gọi là TRUNG THU TIẾT 中秋節. Một năm có 4 mùa, gọi là Tứ Quý 四季, mỗi một quý có 3 tháng, chia làm Mạnh, Trọng, Quý 孟、仲、季 3 phần; nên theo Âm lịch, Tháng Bảy là Mạnh Thu 孟秋, tháng Tám là Trọng Thu 仲秋 và Tháng Chín là Quý Thu 季秋. Tết Trung Thu nằm trong Tháng Tám nên còn gọi là Tiết Trọng Thu 仲秋節.

TẾT TRUNG THU là ngày rằm (15) tháng Tám Âm lịch với tiết trời trong vắt, nên ta thấy trăng tròn, to và sáng hơn những tháng trước đó, vì thế nên dân gian còn gọi đêm rằm tháng Tám là NGUYỆT TỊCH 月夕, có nghĩa là Đêm Trăng, vì mọi người cùng nhau ngắm trăng nên còn gọi là Tiết NGOẠN NGUYỆT 玩月, và vì dân gian có tục lệ cúng

trăng nên lại có tên là Tiết BÁI NGUYỆT 拜月, nhất là các cô gái đương xuân mới lớn, lòng xuân phơi phới bái nguyệt để gởi gắm những ước nguyện trong lòng, nổi tiếng nhất trong lịch sử cổ xưa là Điêu Thuyền Bái Nguyệt 貂蟬拜月. Nên ngày rằm tháng Tám còn được gọi là ngày NỮ NHI TIẾT 女兒節, là ngày lễ hội của các cô gái mới lớn.



Một trong những khúc hát nổi tiếng ở các giáo phường của đời Đường là Bái Tân Nguyệt 拜新月, có nghĩa là “Lạy mừng trăng mới”, có nguồn gốc xa xưa từ đời Tần Hán, mãi cho đến đời Đường mới thịnh hành tục lệ cúng trăng này. Gọi là cúng vàng trăng mới, chứ thực ra chỉ có ngày Thất Tịch, mừng bảy tháng bảy âm lịch là trăng mới thôi, còn thì đa số các bà các cô cúng trăng vào ngày Trung Thu rằm tháng tám. Cúng để ước nguyện gặp được người chồng tốt, hay gia đạo bình an hạnh phúc, nhất là luôn luôn được đoàn viên sum họp một nhà, như khi nàng cung nữ của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều được tuyển vào cung đã mơ ước cùng nhà vua :

Mượn điều Thất Tịch mà thề bách niên !

Còn các cô gái đương xuân với lòng xuân phơi phới thì bái lạy vàng trăng bất cứ lúc nào để ước ao và để gởi trao tâm nguyện, như bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt rất nổi tiếng của Lý Đoan 李端 đời Đường sau đây :

開簾見新月， Khai liêm kiến tân nguyệt,
 即便下階拜。 Tức tiện hạ giai bái.
 細語人不聞， Tế ngữ nhân bất văn,
 北風吹裙帶。 Bắc phong xuy quần đai.



Có nghĩa :

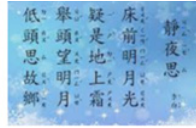
Vén rèm ra thấy vàng trăng mới, nằng bèn bước ngay xuống
 thềm mà vái lạy. Lầm rầm khăn khứa nhỏ to không ai nghe
 biết được gì, chỉ thấy dải lụa đào thắt lưng phát phơ trước
 làn gió bắc mà thổi !

*Cuốn rèm thấy ánh trăng trong,
 Xuống thềm quỳ lạy lầm rầm ước ao.
 Khăn chi ai biết được nào...
 Bắc phong phe phẩy lụa đào phát phơ !*

Trăng rằm Trung Thu còn là một khối Đoàn Viên 團圓,
 ĐOÀN là Khối tròn, VIÊN là Tròn trịa không sút mẻ.
 Nên ĐOÀN VIÊN là một khối tròn đầy đặn hoàn hảo. Gia
 Đình Đoàn Viên 家庭團圓 là tất cả những thành viên trong
 gia đình đều về hội tụ đầy đủ không thiếu ai cả. Nên TẾT
 TRUNG THU còn được gọi là ngày TẾT ĐOÀN VIÊN 團
 圓節. Người du tử ngày xưa lang bạt giang hồ, hay những

thương nhân buôn bán phương xa... nhưng đến Tiết Trung Thu cũng phải rón cổ gắng quay về để gia đình được đoàn viên mà cùng ngắm trăng tròn đón Tết. Những ai không về được nhà thì ngắm trăng Trung Thu cũng nhớ về quê nhà, như Thi Tiên Lý Bạch đã viết trong bài Tĩnh Dạ Tư 靜夜思 :

床前明月光， Sàng tiền minh nguyệt quang,
疑是地上霜。 Nghi thị địa thượng sương.
舉頭望明月， Cử đầu vọng minh nguyệt,
低頭思故鄉。 Đê đầu tư cố hương !



Có nghĩa :

Trước đầu giường nhìn ánh trăng sáng bàng bạc khắp nơi, cứ ngỡ như là sương gieo đầy mặt đất. Ngẩng đầu lên nhìn vàng trắng sáng tròn trịa, nên cúi đầu xuống lại nhớ đến cố hương ! Nhớ đến gia đình không thể về được để đoàn viên như vàng trắng đầy đặn.

*Trước giường nhìn trăng sáng,
Ngỡ sương gieo khắp nơi,
Ngẩng trông trăng đầy đặn,
Nhớ quê dạ bồi bồi !*

Còn Thi Thánh Đỗ Phủ trong bài Nguyệt Dạ Ưc Xá Đệ 月夜憶舍弟 (Đêm trăng nhớ về em trai) nổi tiếng với 2 câu thơ bất hủ là :

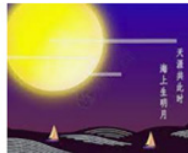
露從今夜白， Lộ tòng kim dạ bạch,
月是故鄉明。 Nguyệt thị cố hương minh.

Có nghĩa :

*Đêm nay sương trắng từ đây,
Quê nhà trăng mới sáng đầy khắp nơi !*

Từ nay sương thu trắng sẽ phủ khắp nơi, nhưng chỉ có vàng trăng ở quê nhà là sáng nhất mà thôi ! Cũng cùng một ánh trăng, nhưng trong mắt kẻ tha hương vàng trăng của xứ người vẫn lạnh lẽo cô đơn và luôn gợi nhớ đến vàng trăng ấm áp vui tươi ở quê nhà. Nhất là những người yêu nhau càng nhớ nhau lắm trong những đêm trăng. Như trong bài Vọng Nguyệt Hoài Viễn 望月懷, ngắm trăng mà nhớ về nơi xa của Trương Cửu Linh 張九齡 thi nhân đời Đường với 4 câu đầu như sau :

海上生明月， Hải thượng sanh minh nguyệt,
天涯共此時。 Thiên nhai cộng thử thời.
情人怨遙夜， Tình nhân oán diêu dạ,
竟夕起相思。 Cảnh tịch khởi tương tư...



Có nghĩa :

*Trăng lên trên biển khơi,
Cùng lúc khắp chân trời.
Người yêu xa vắng quá,
Đêm thương nhớ khôn nguôi !...*

Từ xưa đến nay, vàng trắng Trung Thu cũng gọi nên biết bao ý thu cho thi nhân, hãy đọc bài thơ “Thập Ngũ Dạ Vọng Nguyệt Ký Đỗ Lang Trung 十五夜望月寄杜郎中 của Vương Kiến 王建 sau đây sẽ rõ :

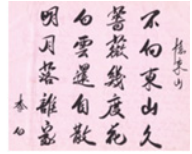
中庭地白樹棲鴉, Trung đình địa bạch thụ thê nha,
冷露無聲濕桂花. Lãnh lộ vô thanh thấp quế hoa.
今夜月明人盡望, Kim dạ nguyệt minh nhân tẫn vọng,
不知秋思落誰家. Bất tri thu tứ lạc thùy gia ?!

Có nghĩa :

*Trong sân sáng trắng qua nương cây,
Lạnh lẽ sương sa hoa quế lay.
Trăng sáng đêm nay ai chẳng ngắm,
“Ý thu” ai biết ... lạc nhà ai ?!*

Càng thi vị hóa ánh trăng hơn với bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt “Ức Đông Sơn 憶東山” của Thi Tiên Lý Bạch :

不向東山久, Bất hướng Đông Sơn cửu,
薔薇幾度花。 Tường vi kỷ độ hoa.
白雲還自散, Bạch vân hoàn tự tán,
明月落誰家。 Minh nguyệt lạc thùy gia ?!



Có nghĩa :

*Đông Sơn lâu quá không qua,
Tường vi mấy độ hoa đà phôi phai.*

Ngân ngơ mây trắng còn bay...

Trăng vàng rụng xuống nhà ai đêm này ?!

Vàng trắng, ánh trắng, bóng trắng... trong văn học và cả trong dân gian cũng có rất nhiều tên để gọi. TRĂNG chữ Nho là NGUYỆT 月, theo thần thoại Trung Hoa trong mặt trăng có cây quế, nên còn gọi trăng là VÀNG NGUYỆT QUẾ 月桂, và vì trong trăng còn có những vùng tranh tối tranh sáng, nên lại gọi là QUẾ PHÁCH 桂魄, như 2 câu đầu trong bài thơ Thu Dạ Khúc 秋夜曲 của Vương Nhai 王涯 đời Đường là :

桂魄初生秋露微, QUẾ PHÁCH sơ sanh thu lộ vi,
輕羅已薄未更衣。 Khinh la dĩ bạc vị canh y.

Có nghĩa :

*TRĂNG vừa mới mọc sương thu nhẹ,
Mỏng mảnh áo là chưa kịp thay.*

Ngoài QUẾ PHÁCH, trăng còn được gọi là QUẾ CUNG 桂宮 mà thi sĩ Tản Đà nhà ta đã gọi là CUNG QUẾ trong bài thơ “Muốn Làm Thằng Cuội”:

*Đêm thu buồn lắm! CHỊ HẰNG ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.
CUNG QUẾ đã ai ngời đó chưa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.*

Trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều tả nàng cung nữ thất sủng trong cung với tâm trạng :

*Trong CUNG QUẾ âm thầm chiếc bóng,
Đêm năm canh trông ngóng lần lần...*

CHỊ HẰNG tức Hằng Nga, người Hoa ít khi gọi bằng HẰNG NGA 姮娥, mà thường gọi Chị Hằng là THƯỜNG NGA 嫦

娥. Như trong bài thơ “Thường Nga 嫦娥” của Lý Thương Ẩn trong buổi tàn Đường :

雲母屏風燭影深 Vân Mẫu bình phong chúc ảnh thâm,
長河漸落曉星沉 Trường hà tiệm lạc hiều tinh trầm.
嫦娥應悔偷靈藥 Thường Nga ưng hối thâu linh dược,
碧海青天夜夜心. Bích hải thanh thiên dạ dạ tâm

Có nghĩa :



*Bình phong Vân mẫu nến lay thêm,
Sao rụng Ngân hà trở sáng thêm.
Trộm thuốc HẰNG NGA chùng tiếc nuôi,
Trời xanh biển biếc hận đêm đêm !*

Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du gọi Trăng là GƯƠNG NGA, BÓNG NGA. Trong buổi đầu khi Kim Kiều gặp gỡ; lúc trở về nhà, đêm đó khi :

*GƯƠNG NGA chênh chếch vòm sông,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân.
Hải đường lã ngọn đông lân,
Giọt sương trầu nặng cành xuân la đà...*

thì Thúy Kiều đã :

*Một mình lặng ngắm BÓNG NGA,
Rộn đường gặt với nổi xa bời bời !...*

Theo thần thoại Trung Hoa, Thường Nga hay Hằng Nga là vợ của anh hùng xạ nhựt Hậu Nghệ 后羿, người đã bắn rơi

chín cái mặt trời là chín con qua lửa thiêu đốt nhân gian, nên được bà Tây Vương Mẫu tặng cho viên thuốc trường sinh bất tử. Hằng Nga đã lén trộm thuốc của chồng uống vào, nên thân hình nhẹ nhõm bay lên và bay tuốt... vào cung trăng lạnh lẽo, rồi trở thành chủ nhân của cung Quảng Hàn và con Thỏ Ngọc giã thuốc trường sinh. Vì tích này mà mặt trăng còn được gọi là QUẢNG HÀN CUNG 廣寒宮 hay CUNG QUẢNG, như khi Thúy Kiều nhớ Thúc Sinh lúc chàng về thăm Hoạn Thư :

*Thân sao nhiều nổi bất bằng,
Liều như CUNG QUẢNG Ắ HẰNG nghĩ nao !
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa Vành Trăng khuyết, ba sao giữa trời !*

Vì có con Thỏ Ngọc giã thuốc trong trăng, nên mặt trăng còn được gọi là NGỌC THỎ 玉兔. Khi Vương Quan kể về thân thế của ca nhi Đạm Tiên đã kết bằng 2 câu :



*Trái bao THỎ LẶN ẮC TÀ,
Ấy mò vô chủ ai mà viếng thăm !*

THỎ LẶN là Trăng lặn, ẮC TÀ là Mặt Trời chiều; Trăng lặn là hết đêm, Mặt Trời về chiều là hết ngày. Nên THỎ LẶN ẮC TÀ chỉ ngày tháng qua đi. “Trái bao THỎ LẶN ẮC TÀ,” là biết bao là ngày tháng đã qua đi !

Cũng theo thần thoại Trung Hoa, trong cung trăng lại có con Thiềm Thừ 蟾蜍 (con cóc) ba chân; vì các hồ thiên thạch

trên bề mặt mặt trăng trông giống như các hoa văn trên lưng con Thiềm Thừ; Lại có tích cho rằng vì Hằng Nga trộm thuốc bay lên cung trăng nên mới bị trời phạt biến thành con Thiềm Thừ tinh. Vì thế người Hoa còn gọi Cung Trăng là THIỀM CUNG 蟾宮. Trong bài thơ Úc Giang Thượng Ngô Xử Sĩ 憶江上吳處士 của Thi Nô Giả Đảo 賈島 có câu :

閩國揚帆去， 閩國 dương phàm khứ,
蟾蜍虧復圓。 THIỀM THỪ khuy phục viên.

Có nghĩa :

*Mân Nam giương buồm tách bến,
THIỀM THỪ đang khuyết đã tròn.*

Còn trong truyện Nôm khuyết danh Trinh Thử của ta cũng có câu :

*THIỀM CUNG bóng đã tà tà,
Khuyên rằng mau trở lại nhà với con*



Trong cung trăng còn có một nhân vật nam là Ngô Cương 吳剛, vốn là lính gác Nam Thiên môn, tình cờ gặp được Hằng Nga quá đẹp, nên ở lại cung trăng chơi một ngày, bị Ngọc Đế phạt phải đốn cây Quế trong cung Quảng Hàn.

Tương truyền hễ Ngô Cương ban cành quế cho ai thì người đó sẽ thi đỗ Trạng Nguyên, vì thế mà hình thành thành ngữ THIỀM CUNG CHIẾT QUẾ 蟾宮折桂. Có nghĩa là “Bẻ Quế Cung Thiềm” để chỉ những người thi đậu. Trong truyện

Nôm khuyết danh Phạm Tải Ngọc Hoa của ta cũng có câu :

*Những mong BẺ QUẾ nên danh,
Mà đèn công dưỡng sinh thành hai thân.*

Qua đến Việt Nam ta thì Ngô Cương thành Chú Cuội, và Cành Quế thành Cành Đa. Cũng trong bài thơ “Muốn Làm Thằng Cuội” của Tản Đà cũng có câu :

*CUNG QUẾ đã ai ngồi đó chữa ?
CÀNH ĐA xin chị nhất lên chơi !*

Tục lệ cúng trăng đã có từ xa xưa, nhưng đến đời Tùy, Đường mới thật sự thịnh hành các lễ ngoạn nguyệt, thưởng nguyệt, bái nguyệt; và đến đời Nam Bắc Tống thì tất cả nam phụ lão ấu, giàu nghèo quý tiện gì đều cúng trăng vào đêm rằm tháng tám, cầu cho gia đạo bình an, đoàn viên hạnh phúc. Vật cúng thường là các loại quả 瓜果 là dưa trái có hình tròn, như bưởi bồng, hồng, Thị, dưa hấu, khoai môn được xắt thành từng khoanh tròn, bánh in bánh đậu xanh, bánh được làm bằng các loại mứt, loại hạt... có hình tròn gọi là BÁNH TRUNG THU tượng trưng cho trăng tròn và cũng là niềm mơ ước cho gia đình cũng mãi mãi được đoàn viên hạnh phúc. Đến đời Minh, Thanh thì các tục lệ đón Tết Trung Thu càng đa dạng hơn với các hoa đăng đủ loại, múa lân múa rồng, thả đèn trời để cầu an...

TẾT TRUNG THU qua đến Việt Nam ta thì lại diễn tiến thành TẾT NHI ĐỒNG với các lồng đèn đủ loại... Người lớn thì cũng mừng trăng cúng trăng và thưởng thức Bánh Trung Thu, nhưng trẻ em thì lại vui mừng hơn vì được dịp rước đèn như lời hát...

*TẾT TRUNG THU đốt đèn đi chơi,
Em đốt đèn đi khắp phố phường...*



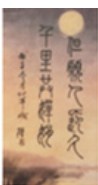
Trước mắt người Châu Á chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa ở rải rác khắp các châu lục; nhất là sau 1975, người Việt Nam ta cũng hiện diện khắp nơi trên thế giới. Tuy định cư ở nước ngoài, nhưng cứ mỗi lần Trung Thu ngắm cảnh trăng tròn thì lại nhớ đến chốn cũ quê xưa, nhớ về làng xưa người cũ... rồi cũng phải dành âm thầm ngâm hai câu thơ của Tô Đông Pha trong Thủy Điều Ca Đầu 水調歌頭 để cùng an ủi nhau :

但願人長久， 鄧 nguyện nhân trường cửu，
千里共嬋娟。 Thiên lý cộng THUYỀN QUYÊN。

Có nghĩa :

*Những mong người mãi trường tồn,
Cùng chung ngàn dặm trăng tròn một thôi !*

Chỉ cần còn sống đề ngắm trăng, thì tuy có cách trở xa xôi ngoài ngàn dặm, ta cũng nên cảm thấy yên ủi vì cũng cùng ngắm chung một vầng trăng này mà thôi !



Cầu mong cho tất cả mọi người đều có được một cái TẾT TRUNG THU sum vầy vui vẻ, ĐOÀN VIÊN như ánh trăng rằm tháng Tám vàng vạc mãi trên không.

杜紹德 鄧 Chiêu Đức

TIẾT TRÙNG CỬU Lễ Ông Bà ngày xưa của ta

Sau Tết Trung Thu là Tết Trùng Cửu, chữ Tết do chữ Tiết đọc trại ra mà thành. TIẾT 節 là Thời Tiết 時節 chỉ Khí hậu có liên quan đến mùa màng. TIẾT cũng có nghĩa là ngày Lễ Tết trong năm. Một năm có mấy cái Tết lớn. Nguyên Đán là cái Tết lớn nhất mở đầu cho một năm nằm trong tháng Giêng, Thanh Minh là Tết nằm trong tháng 3, Đoan Ngọ là Tết của tháng 5, Tháng 8 thì có Tết Trung Thu và Tháng 9 thì ta có Tết Trùng Cửu.

Trùng Cửu, Trùng là Trùng lặp, là lặp lại. Cửu là số 9. Nên Trùng Cửu 重九 là 2 số 9 được lặp lại, tức là ngày mùng 9 tháng 9 Âm lịch. Theo Kinh Dịch thì số 9 thuộc Dương, nên Trùng Cửu còn được gọi là Trùng Dương 重陽. Đây là cái Lễ tiết cuối cùng sau mùa thu hoạch, rồi trời sẽ trở lạnh để vào đông cho đến Tiết Đông Chí về, sẽ lại chuẩn bị để đón mừng năm mới !





Ngoài việc được gọi là Tiết Trùng Dương 重陽節 ra, Trùng Cửu còn được gọi là Tiết Đạp Thu 踏秋節, có nghĩa là Đạp lên lá vàng khô của mùa Thu, tức là Đi dạo chơi trong mùa Thu trước khi trời trở lạnh. Trong dân gian xưa còn gọi ngày này là Ngày Của Người Già : LÃO NHÂN TIẾT 老人節 hoặc KÍNH LÃO TIẾT 敬老節. Có thể là do sau khi mùa màng được thu hoạch vào mùa Thu, con cháu có nhiều món ngon vật quý để dâng hiến cho Ông Bà, hoặc đã có tiền để chăm lo săn sóc đến đời sống của Ông Bà hơn.

Khi ông bà cha mẹ già đã quá cô, thì con cháu cũng nhân dịp Đạp Thu mà kéo nhau lên núi để Tảo Mộ (Ở những nơi có đồi núi thì người chết được chôn cất ở trên cao, vùng đồng bằng để trồng trọt canh tác. Cho nên ta thấy Cụ Nguyễn Du tả cảnh Tảo mộ của Tiết Thanh Minh là : " Ngón ngang gò đống kéo lên, Thoi vàng hồ rặc tro tiền giấy bay, là thế !). Vì vậy, mà Tiết Trùng Cửu còn được gọi là Tiết ĐĂNG CAO 登高節. Ngoài ra, Tiết Trùng Cửu còn được gọi là Tiết THÙ DU 茱萸節, Tiết CÚC HOA 菊花節....



Cây lá và trái Thù Du (trái cherry ở Mỹ)

THÙ DU là loại cây ăn trái được thu hoạch vào khoảng cuối tháng 6. Cây lá có tính sát trùng tiêu độc, ngừa phong đón gió, nên trong ngày Lễ Trùng Cửu dân gian hay bẻ một nhánh lá nhỏ giắt bên mình để « trừ tà », để được bình an khoẻ mạnh nên ngày lễ này còn được gọi là Tiết Thù Du là vì thế.



Hoa Cúc và tục lệ uống rượu Cúc trong ngày Trùng Cửu

Trong bài thơ “ Bốn mùa ăn chơi “ của người xưa thì câu thứ 3 là “ Thu ẩm Hoàng Hoa tửu “. Hoàng Hoa tức là Hoa Cúc đó, loại hoa có màu vàng và nở vào mùa thu, nên được dùng để ủ rượu uống cho ấm vào những ngày cuối thu lạnh lẽo này, để ngừa cảm cúm, như ta chích “ flu shot “ vào mùa này ở Mỹ vậy ! Nên Tiết Trùng Cửu còn được gọi là Tiết

Cúc Hoa là vì thế !

Theo truyền thuyết thì ...

Vào thời Nam Bắc Triều, người của Nam Triều là Ngô Quân Chi thuộc nước Lương, ghi trong «Tục Tề Hải Ký» rằng Đồi Đông Hán, ở huyện Nhữ Nam có một người tên là Hoàn Cảnh, cha mẹ đều chết vì bệnh ôn dịch ở cuối thu, nên anh ta quyết định lên núi tâm sư học đạo để trừ ôn dịch ôn thân. Đạo nhân Phí Trường Phòng dạy cho phép tiên dưỡng sinh và y học. Một năm, sau Trung Thu, đạo nhân gọi Hoàn Cảnh đến mà bảo rằng : Mừng 9 tháng 9 năm nay, ôn thần lại đến gieo rắc bệnh dịch, con hãy về quê mà cứu nhân độ thế. Nói đoạn bèn trao cho anh ta một cây Thanh Long Kiếm, một bao lá Thù Du và một bình Rượu Cúc, căn dặn mọi người phải lên cao mà tránh nạn.

Đến hôm mừng 9 tháng 9, Hoàn Cảnh gọi hết bà con lối xóm cùng dâng cao lên núi, giắt cho mỗi người một lá Thù Du và uống một ly rượu Cúc, rồi đơn thân độc mã đứng chặn ở sườn núi, chiến đấu và tiêu diệt ôn thần. Từ đó về sau không ai còn bị chết về bệnh dịch nữa, và cũng từ đó về sau mới có tục Đăng Cao, cài lá Thù Du lên áo và uống rượu Cúc trong ngày Tiết Trùng Cửu cho đến hiện nay.



Trùng Cửu xưa



Trùng Cửu nay

Trong văn học, nhất là trong Đường Thi, ngày Trùng Cửu luôn luôn được nhắc đến một cách thân thiết gần gũi qua các thi nhân nổi tiếng như Lưu Trường Khanh với ...

九日登李明府北樓

CỬU NHẬT ĐĂNG LÝ MINH PHỦ BẮC LÂU

九月登高望， Cửu nguyệt đăng cao vọng,
蒼蒼遠樹低。 Thương thương viễn thọ đề.
人煙湖草裡， Nhân yên hồ thảo lý,
山翠現樓西。 Sơn thúy hiện lầu tây. (tây)

劉長卿 **Lưu Trường Khanh**

Diễn nôm :

NGÀY CHÍN LÊN BẮC LÂU CỦA LÝ MINH PHỦ

Tháng chín lên cao ngắm,
Xanh xanh cây cỏ xa.
Hồ mờ sương người vắng,
Lầu tây núi biếc nhà !





Còn Thi tiên Lý Bạch với ...

九月十日即事

CỬU NGUYỆT THẬP NHẬT TỨC SỰ

昨日登高罷， Tạc nhật đấng cao bãi
今朝再舉觴。 Kim triều tái cử trường。
菊花何太苦， Cúc hoa hà thái khổ，
遭此兩重陽。 Tao thử lưỡng Trùng Dương .

李 白 **Lý Bạch**

Chú Thích :

Mùng 9 tháng 9 gọi là Tiết Trùng Dương, hái hoa cúc, uống rượu cúc, nhưng...

Mùng 10 tháng 9 gọi là Tiểu Trùng Dương, lại hái hoa cúc, lại uống rượu cúc.

Chỉ trong hai ngày, hoa cúc BỊ HÁI, BỊ VUI DẬP đến 2 lần.

Lý Bạch ví thân phận đi đày của mình giống như là hoa cúc liên tiếp bị vùi dập vậy, nên mới hạ 2 câu cuối là : “ Cúc hoa hà thái khổ, Tao thử lưỡng Trùng Dương “. Có nghĩa : Hoa Cúc sao mà lại khổ thế, phải gặp cái nạn của 2 lễ Trùng Dương này !

KHỔ 苦 là Khổ sở, Cực khổ. KHỔ cũng có nghĩa là ĐẮNG nữa ! Tân là Cay, nên Tân Khổ là Cay Đắng, Đắng Cay!

Diễn nôm :

Chuyện của ngày mười tháng chín

Hôm qua sau leo núi,

Sáng nay lại nâng ly.

Hoa Cúc sao mà khổ,

Trùng Dương đến nhị kỳ !

Nhưng nổi tiếng và tiêu biểu nhất cho lễ Trùng Cửu là bài thơ của Thi Phật Vương Duy....

CỬU NGUYỆT CỬU NHẬT

ỨC SƠN ĐÔNG HUYNH ĐỆ

九月九日憶山東兄弟 王維

獨在異鄉為異客，

每逢佳節倍思親。

遙知兄弟登高處，

偏插茱萸少一人。



九月九日忆山东兄弟

王维

独在异乡为异客，每逢佳节倍思亲。
遥知兄弟登高处，遍插茱萸少一人。

Độc tại dị hương vi dị khách,
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân.
Diêu tri Huynh đệ đẳng cao xứ,
Thiên tháp thù du thiếu nhất nhân !

Vương Duy

Chú Thích :

Khi làm bài thơ này Vương Duy chỉ mới 17 tuổi, đang xa nhà đến Trường An để mưu cầu công danh. Nhà ông ở Bồ Châu, phía đông của núi Hoa Sơn, nên mới đề tựa là “Ức Sơn Đông Huynh Đệ “. Bài thơ nổi tiếng với 2 câu đầu mà không có người du tử nào không trầm trồ với 2 từ “dị hương, dị khách “.

Nghĩa bài thơ :

Mùng chín tháng chín nhớ anh em ở phía đông núi. một mình ở nơi đất lạ làm người khách lạ, nên mỗi lần gặp Lễ Tết là lại nhớ người thân thêm bội phần. Ta biết rằng ở nơi

xa xôi kia, anh em ta đang đăng cao trong ngày lễ này, và mỗi người đều có giắt một lá Thù Du lên áo, chỉ thiếu có một người không được giắt là ta mà thôi !

Diễn nôm :

Xứ lạ quê người làm khách lạ,
Mỗi lần lễ tết nhớ khôn nguôi.
Anh em mừng chín đăng cao đó,
Đều giắt thù du thiếu một người !

Lục bát :

Đơn thân xứ lạ quê người,
Mỗi khi lễ tiết ngậm ngùi nhớ nhau.
Quê xa huynh đệ đăng cao,
Thù du giắt áo ghen ngào riêng ta !

HẾT

(Soạn giả: Đỗ Chiêu Đức)

Lời dạy của Đức Chí Tôn

- Đạo phát triển một ngày, thì nhân sanh tội lỗi cả muôn ngàn, vì vậy mà Thầy muốn cho mỗi đứa đều để lòng lo liệu chân hưng nền Thánh Giáo. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 19/2/1927) .

SƠ GIẢI HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG

(Biên soạn: Giải Tâm)

Lời Tựa

Hằng năm Hội Thánh tổ chức lễ Rằm tháng 8 rất long trọng, đó là lễ chánh trong nền Đại Đạo gọi là Hội Yến Diêu Trì. Nhưng sự diễn tiến từ đầu đến cuối ít người hiểu tường tận. Kẻ hiểu việc này không hiểu việc khác, như là chư tín đồ và Bàn Trị Sự ở các tỉnh xa xăm về thấy lễ long trọng thì mừng cho nền Đạo được sung mãn mà ít người hiểu bắt đầu làm gì? Lễ chánh ra sao? Cuối cùng công dụng của nó như thế nào? mà phải tổ chức rình rang tốn kém.

Mục đích chúng tôi muốn giúp cho toàn Đạo rõ yếu lý của cuộc Lễ từ Thẻ Pháp đến Bí Pháp bằng cách:

1. Trích lục những bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp nói về Hội Yến Diêu Trì, hoặc có liên quan đến Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật.

2. Trích lục những Thánh Giáo của Phật Mẫu cùng Cửu Vị Nữ Phật đã dạy Đạo từ thử đến giờ.

Nếu hiểu được Đạo lý cho tường tận thì sự đoạt Đạo chỉ còn là phương tiện của thời gian. Còn nghĩ rằng tu khó đắc Đạo, vậy từ xưa đến nay có lắm kẻ thành Tiên, Phật họ học ở đâu mà đoạt vị, nên Tiên Nho có câu:

*“Mạc Đạo Thân Tiên vô học xứ,
Cổ kim đa thiếu thượng thặng nhơn.”*

Chúng tôi mong quyển sách nhỏ này sẽ hữu ích cho những ai đã trọn hiếu với Chí Tôn mà còn kém đức tin với Bà Mẹ Thiêng Liêng là Phật Mẫu vậy.

Thánh Địa ngày 15-4 Mậu Ngọ

Giải Tâm

CHƯƠNG I

Định Nghĩa Lễ Hội Yến Diêu Trì

Ngày Rằm tháng 8 Đinh Hợi (1947) Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Báo Ân từ như sau:

Bản Đạo giải rõ lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, hồi Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ phổ độ nghĩa là từ xưa chư Tiên, chư Thánh hạ trần lập công. Khi đoạt vị trở về mới được dự Hội Yến Diêu Trì Cung. Nếu được Hội nghĩa là phải đoạt Đạo bỏ xác này trở về cõi hư linh với Chư Thần. Ngày nay Chí Tôn lập Diêu Trì Cung tại thế gian này cho con cái của Ngài dự yến với xác thịt trông thấy đây, tưởng chưa có Tôn Giáo nào có, nên Chí Tôn mới nói: “Tại thế các con thấy cơ quan đoạt Đạo hiện tại chớ không phải xa xôi gì, đi tìm cao xa là không thấy đặng.”

Bản Đạo tiên tri dường này cả thấy nên ghi nhớ: “Bản Đạo e cho ngày kia Hội Thánh truất bỏ ai, không cho dự lễ này thì còn hệ trọng cả lễ Ăn Minh Thánh của Gia Tô Giáo.” Bời không dự được lễ Hội Yến này thì linh hồn sẽ không đi đến đâu được. Sợ e quyền Hội Thánh quá đổi sẽ làm nô lệ biết bao tinh thần từ ngày mở Đạo Cao Đài đến giờ, chư môn đệ qui liễu không mê mẩn, Gia Tô Giáo gọi là chết lạnh. Chết lạnh hay chết dũ là tại Bí Pháp đoạt Đạo tại thế, do đó mà

linh hồn thăng hay đọa.

Ngày kia Hiệp Thiên Đài cầm quyền ấy nếu truất quyền Hội Yến Diêu Trì Cung của người nào thì người ấy chết.

CHƯƠNG II

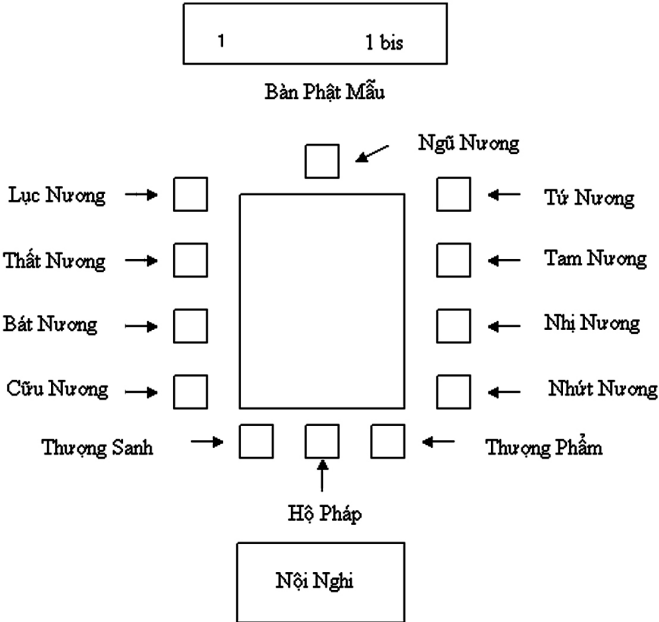
Diễn Tả Cuộc Lễ

a. Tổ chức

Thường niên 9 giờ tối ngày rằm tháng 8 bắt đầu Hội Yến. Sự tổ chức có thể tóm lược như vậy.

Nơi Báo Ân Từ ngoại nghi trở vô Lễ Viện sắp đặt nghi tiết đại lễ như sau:

Hình số 1



Trên chỗ dựa các ghé đều thêu chữ lớn như Nhứt Nương hay Cửu Nương hoặc Hộ Pháp, Thương Phẩm....Nơi bàn hoa quả còn để trước mặt mỗi vị 1 cái ly, 1 cái tách; ly thì để chứa rượu, tách thì để điếm trà.

Trên bàn thờ Phật Mẫu nơi số 1 cũng có 1 cái ly và 1 cái tách đó là phần của Phật Mẫu, còn bên mặt số 1bis cũng có 1 cái ly và 1 cái tách để kính Chí Tôn.

Vì lễ này Đức Phật Mẫu làm chủ, Chí Tôn có dự nhưng dùng Bí Pháp ẩn thân không xuất hiện, dầu Phật Mẫu cũng không thấy đặng.Nhưng chúng ta phải kính Đức Chí Tôn nên khi chước rượu hoặc trà cho Phật Mẫu thì cũng phải chước rượu trà cho Chí Tôn nơi số 1bis.

b.Ban Nhạc:

Đúng giờ hành lễ, rước Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật bằng 5 bài Bắc, không có trống như Nhạc Tấu Quân Thiên.

5 bài Bắc tức là: 1.Xàng xê. 2.Ngũ đối thượng. 3.Ngũ đối hạ (72 câu). 4.Long Đăng. 5.Tiểu khúc.

Thường nhạc khí có: Cò, kìm, sến, tranh, sáo tam...

Dứt đờn thì trước hết là Thần Hoa.

c.Dâng Hoa:

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đứng giữa khoanh tay hầu, lớn trước nhỏ sau. Đồng Nhi bắt đầu thái bài của Phật Mẫu nhạc đệm giọng Đảo Ngũ Cung.

*Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc thiên,
Thiên thiên Cửu phẩm đắc cao huyền
Huyền hư tác thể Thần Tiên Nữ,*

Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên.

Kể thài bài của Nhứt Nương, nhạc đệm giọng Động Đình Hồ.

*Hoa thu ủ như màu thẹn nguyệt,
Giữa thu ba e tuyết đông về.
Non sông trải cánh Tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.*

Tiếp bài Nhị Nương, nhạc đệm giọng Động Đình Hồ (từ đây đến bài của Hộ Pháp nhạc tiếp tục đệm giọng ấy).

*Cấm tú văn chương hà khách Đạo,
Thi thần tửu Thánh vấn thùy nhân.
Tuy mang lẩy tiếng hồng quần,
Cánh tiên còn mển cỡi trần anh thư.*

Tiếp bài Tam Nương:

*Tuyển đức năng hành Đạo,
Quản trí đắc cao huyền.
Biển mê lắc léo con thuyền,
Chở che khách tục Cửu tuyền ngăn sông.*

Tiếp bài Tứ Nương:

*Gấm lót ngõ chưa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa.
Đội trông nho sĩ tài vừa,
Đằng giao khởi phụng chẳng giữa Tiên thi.*

Tiếp bài Ngũ Nương:

*Liễu yếu điệu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngần khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.*

Tiếp bài Lục Nương:

*Huệ ngào ngạt đưa hương vô dị
Đáng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây nhẹ thả cánh hồng,
Tiêu diêu phát phước cõi tông đưa Tiên.*

Tiếp bài Thất Nương:

*Lẽ bái thường hành tâm Đạo khởi,
Nhơn từ cái thế tử vô ưu.
Ngày xuân gọi thế hảo cừu,
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

Tiếp bài Bát Nương:

*Hồ hớn Hoa Sen trắng nở ngày,
Càng gần hơi đẹp lại càng say.
Trêu trắng hằng thói dẫu mày,
Cột mây tranh chức Phật đài thêm hoa.*

Tiếp bài Cửu Nương:

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi Đạo Phật Trời cũng thương.*

Tiếp bài Đức Hộ Pháp:

*Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chỏi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn đời.*

Kê bài Đức Thượng Phẩm:

*Ngánh lại mà đau cảnh đoạn tràng,
Cõi Thiên mừng đặng dứt dây oan.
Nợ trần đã phũ lòng son sắc,
Ngôi vị nay vinh nghĩa đá vàng.
Cởi tấm chơn tình lòà nhứt nguyệt,
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phí,
Để mắt xanh coi nước khải hoàn.*

Sau rớt bài thài Đức Thượng Sanh:

*Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tấm trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm roi bạc Thánh Hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ,*

*Đức ân dụng phép tạo nhơn duyên.
Những mong huệ trạch trên nhuần gội,
Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyên.*

Dứt bài thài Đức Thượng Sanh là xong tuần dâng Hoa, đến tuần dâng Rượu.

d. Dâng Rượu.

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài khởi đầu người lớn nhứt đi trước, từ chỗ đang đứng đi qua phía bàn Nội Nghi là nơi để bình rượu, 2 tay cầm bình bước qua bên trái mình đi lên bàn thờ Phật Mẫu xá 3 xá, châm vào ly rượu ở số 1 tức là kính dâng Phật Mẫu. Kế châm vào ly rượu số 1bis tức là kính Chí Tôn. Xong đi vòng qua bên mặt (theo mũi tên) chước tửu nơi bàn của Nhứt Nương (trên lưng ghế có thêu tên Nhứt Nương Diêu Trì Cung nên dễ nhận định). Kế đó châm bàn của Nhị Nương, rồi Tam Nương đi vòng đến Cửu Nương. Tới đây đến số 11 châm tửu nơi ly Đức Hộ Pháp ở giữa, kế châm bên mặt số 12 là của Đức Thượng Phẩm, rồi châm bên trái số 13 là của Đức Thượng Sanh.

Hai tay nâng bình rượu trở lại đứng trước bàn Nội Nghi, sau ghé Đức Hộ Pháp, nghiêm chỉnh xá 3 xá, xong để bình rượu vào vị trí cũ rồi bước qua bên trái trở xuống chỗ đứng của mình.

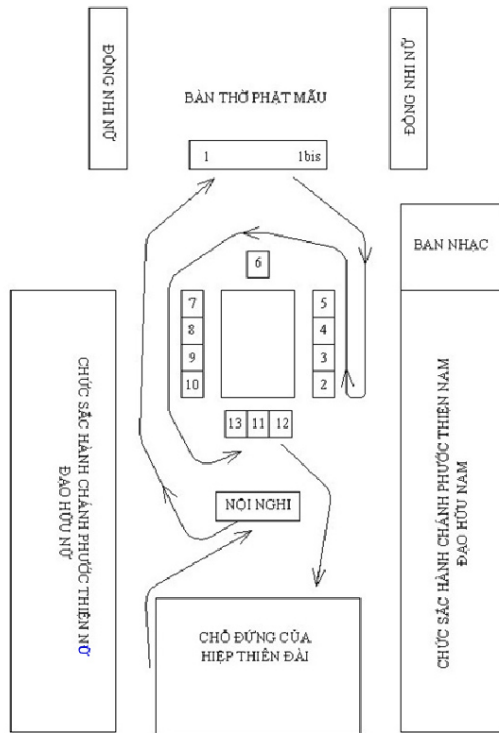
Phải cố gắng thế nào khi dứt thài 1 bài là phải dứt châm ở bàn Đức Thượng Sanh, không nên sớm lắm mà cũng không nên trễ lắm.

Khởi từ bài của Phật Mẫu là 1 vị Chức Sắc của Hiệp Thiên Đài làm phận sự mình chước tửu, đến bài Nhứt Nương là

người thứ hai, bài Nhị Nương là người thứ ba vân vân... đến bài của Đức Thượng Sanh là người thứ 13 vậy phải dứt tuần rượu.

Muốn đi đừng lộn, xin hãy xem (hình số 2) thì rõ tận tường. Không biết Bí Pháp yếu trọng thế nào mà hễ ai đi trật thì Đức Hộ Pháp rầy lắm. Đức Ngài nói: “Hãy coi Bàn Đạo đi mà bắt chước làm theo”. Có lần ông Tả Phan Quân đi trật Đức Ngài cấm không cho châm chước nữa; cũng có lần Ngài Khai Pháp cấm 1 vị Luật Sự nữ không cho lên châm chước vì xét rằng vị ấy không xứng đáng.

Dứt tuần Rượu đến tuần Trà.



HÌNH 2

e. Dâng Trà:

Trở lại vị lớn nhất của Hiệp Thiên Đài đến cầm bình trà nơi Nội Nghi đến bàn Phật Mẫu xá 3 xá, rồi rót vào tách số 1, kể vào tách số 1 bis đi một vòng như đã chước tửu hồi này xuống bàn Nhứt Nương, rồi Nhị Nương, Tam Nương.... đến Cửu Nương, đến bàn Đức Hộ Pháp rồi bàn Đức Thượng Phẩm, cuối cùng qua bàn Đức Thượng Sanh là dứt, xá 3 xá để bình trà nơi Nội Nghi trở xuống bên trái lại đứng chỗ cũ.

Cũng như dâng rượu, mỗi bài thài là xong phận 1 vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, đi 13 quận như vậy là xong lễ dâng Trà. Cũng cố gắng đừng đi sớm lắm, cũng đừng trễ lắm, bài nào cũng đến bàn Đức Thượng Sanh là dứt thài, cũng bắt đầu bài của Phật Mẫu, rồi Nhứt Nương, Nhị Nương... đến Đức Thượng Sanh là dứt lễ.

Ghi chú:

Khi chước rượu hay châm trà nơi một ghé nào nên đứng bên tay trái của ghé ấy mà châm, tưởng như có người bằng xương, bằng thịt ngồi tại ghé, không nên ở sau lưng ghé với tới rót vì làm như vậy là thất lễ. Cũng như tay mình đưa trên đầu của vị ngồi thì không đứng phép hữu hình thay hưởng chi là phép Thiên Liêng cần phải thận trọng hơn nữa; phải kính cẩn cúi đầu khi chước xong, thành thật thủ lễ nghiêm nghị mới đặng.

Khi hết lễ Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gập rồi bái ban (không có Lễ Sĩ xướng) Chức Sắc Hành Chánh, Phước Thiện cùng Chức Việc Đạo Hữu nam nữ đồng phục bạch y vào bái.

Bái xong là lễ thành.

f. Đàn cơ.

Thường niên hội Đức Hộ Pháp còn sanh tiền là khi Hội Yến xá hơi chừng nửa giờ thì có đàn cơ cầu tại Báo Ân Từ cho Phật Mẫu cùng Cửu Vị Nữ Phật dạy Đạo. Khách thập phương vì tâm Đạo tốn công của đến chiêm ngưỡng Phật Mẫu khi về mang theo một bài Thánh Giáo để phổ biến cho kẻ ở nhà thưởng thức lời vàng tiếng ngọc của Đấng Mẹ hiền, có gì an ủi cho họ hơn. Lễ Hội Yến còn là một dịp để Chức Sắc gặp nhau hàng huyên sau 1 thời gian xa cách; nó thiêng liêng quý giá thâm trầm, Đạo đức làm sao đâu.

g. Bên lễ cuộc lễ.

Ngoài lễ chính thức này chúng ta còn thưởng thức lễ Cộ Bông rất ngoạn mục của từng cơ quan trong Đạo, mỗi phân Đạo là 1 cộ. Những cơ quan như Hội Thánh Ngoại Giáo, Đường Nhơn, Tàn Nhơn...ngoài Cộ ra còn có Nhạc Tàn, Nhạc Tàu hòa tấu rình rang mang phần nào nhiệt cho cuộc lễ. Học Sinh Đạo Đức Học Đường mỗi em 1 lồng đèn hoặc hình ngôi sao, hình cá chép, tròn vuông đủ cỡ đủ màu rầm rầm rộ rộ kéo đi chật đường, chật xá.

Lân thì cũng vài ba con nhảy múa nhịp nhàng theo giọng trống tiếng còi làm giục lòng người quên cả ưu phiền của thế cuộc.

Rồng Nhang rược quả Châu như uốn khúc gọi hồn thiêng của con Hồng cháu Lạc nhắc những trang sử oai hùng của Tiên Vương.

Quân Đội còn tổ chức bắn pháo bông, pháo thăng thiên đủ

kiểu, đủ màu làm cho bầu trời Thánh Địa như gấm trải thêu hoa, chiếu sáng cả góc trời.

Ngoài Cộ đèn còn có lễ Đấu Xảo Bánh Mứt chung bày ở hậu điện Báo Ân Từ, có ban chấm hạng cho những ai nữ công nữ hạnh khéo léo được tưởng thưởng công bằng.

Đặc biệt Lễ Hội Yến Diêu Trì có Văn Minh Điện đồ thay tại Đại Đồng Xã là vui hơn cả. Câu đồ do các Đấng giáng cơ cho, hoặc quý Chức Sắc lớn đặt luật ra rồi xướng từng câu. Ai đáp trật thì gõ cái cóc, ai đáp gần đúng thì gõ cái ben, ai đáp đúng thì đánh cái thùng, xã giàn bắt cáu tưởng thưởng; có khi lãnh sữa, đường tạt vỡ kẹo bánh rất là vui tươi hào hứng.

Sáng sớm có lễ phát quả phẩm là huệ của Phật Mẫu. Những bông hoa trái cây trên bàn Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật cùng Thượng Sanh, Thượng Phẩm, Hộ Pháp, được 1 ban phân phát cho những ai muốn xin. Hoa thì đem về phơi khô để uống như trà vì kẻ tâm Đạo tin rằng có huyền diệu của Phật Mẫu chứng kiến tức là thuốc Tiên rất linh nghiệm, có thể trị được các bệnh nan y. Trái cây họ cũng đem về xẻ nhỏ ra cho gia đình mỗi người một miếng nhỏ cùng nhau hưởng lộc của Phật Mẫu cũng như họ được ăn quả Đào Tiên nơi tay Đức Mẹ trao cho.

Hậu lễ còn có lễ cầu nguyện gia đình đông con và khéo nuôi tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp ban phước lành cho họ.

Sau cùng lễ phát quà cho nhi đồng những mầm non của Đạo được ung đúc Đạo đức từ thuở sơ sanh sẽ trở nên rường cột tương lai của Đạo Nghiệp.

Đặc biệt nhất của buổi lễ là Cộ Cửu Vị Tiên Nương chúng tôi sẽ đi vào chi tiết của Cộ này để quý vị bốn phương biết tường tận những điều ít ai thấu đồng, dầu có ở tận Tòa Thánh mà không ở vào những cơ quan chuyên môn cũng không tài nào hiểu đặng những cái tế nhị của sự việc.

h. Cộ Cửu Nương:

Hằng năm cộ này được trưng bày đặc sắc nhất do ban kỹ thuật Tòa Thánh đặc trách. Cộ được để trên một chiếc xe hơi coi lên trên hình Thanh Loan xòe cánh chở tượng Phật Mẫu. Hai bên có 4 vị: 2 vị cầm phướn và 2 vị cầm quạt hầu:

Trước Thanh Loan có 1 cô giả **Lục Nương** chấp Phướn.

Hàng kế bên trái là **Ngũ Nương** cầm Như Ý.

Dưới bên mặt là **Cửu Nương** cầm ông Tiêu.

Kế nữa bên trái là **Nhị Nương** cầm Lư Hương.

Bên mặt là **Tam Nương** cầm Long Tu Phiến.

Dưới nữa bên trái là **Nhứt Nương** cầm Tỳ Bà.

Bên mặt là **Tứ Nương** cầm Kim Bản.

Chót hết bên trái là **Thất Nương** cầm Bông Sen.

Bên mặt là **Bát Nương** cầm Giỏ Hoa Lam.

Trước Cộ có bàn Hương Án.

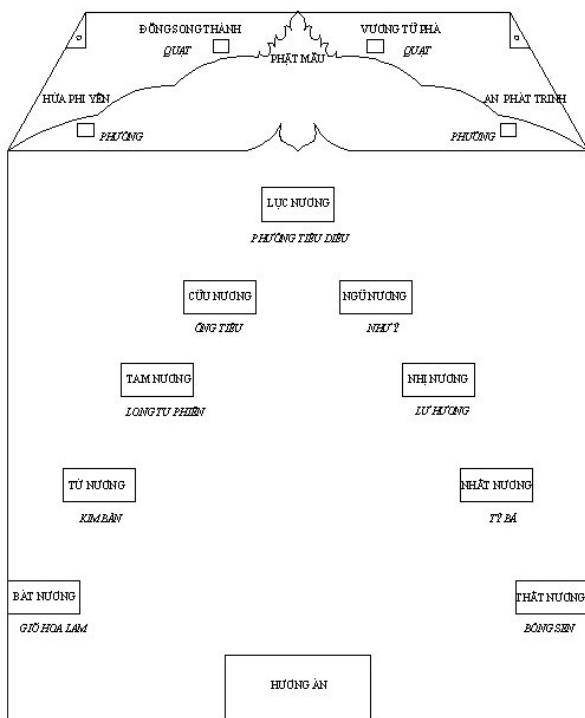
Trên cộ còn có Ban Nhạc theo đờn đệm thổi sáo đưa hơi theo tiếng Thái véo vác của Cửu Nương giả, được lựa chọn trong hàng Giáo Nhi đẹp, có giọng tốt, không tật nguyên. Những em này cũng phải chay lạc kỹ càng mới được. Vì có lần mấy em ăn mặn bị quả bằng cách phạt mữa ra trước chất.

Chung quanh cột lại điểm thêm đèn màu chớp tắt treo tròn ten, tạo ngũ sắc tường vân làm cho khách nhìn vào tưởng là cảnh Bồng Lai tại thế.

Khách thập phương về Thánh Địa thường lũ lượt theo cột Cửu Nương để nghe thái thi Tiên rồi hồn được láng láng như như trút được nỗi ưu hoài nơi thế tục.

Xin xem sơ đồ sau đây để quý vị biết vị trí của từng vị nơi cột Cửu Nương. (Hình số 3).

HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG SƠ ĐỒ CỘT CỬU NƯƠNG



Lưu ý:

-Thanh Loan từ mõ đến đuôi 1,6m từ cánh trái qua cánh mặt 2,6m.

-Ngai của những vị cầm quạt và phướng thì vuông vức 0,4m còn ngai của Cửu vị Nữ Phật thì 0,8m vuông vức.

-Bàn Hương Án bề ngang 0,6m dài 0,9m lập ở giữa và phía trước.

-Cộ bề dài 7,2m bề cao 5,3m bề ngang 2,6m

ĐỀ DỄ NHỚ

Chúng tôi xin công hiến thương lục hạ bên dưới đề dễ nhớ bửu pháp của từng vị.

Đi vào tận Báo Ân Từ,

Ngó lên thấy tượng hơn mười Bà Tiên;

Ít ai rõ thấu căn nguyên,

Trên tay Bửu Pháp diệu huyền thế nao:

1-Tỳ Bà khải khúc ly tao,

Nhứt Nương Ngạn Uyển vườn đào xem hoa.

2-Lư Hương trầm tỏa khói lò,

Nhị Nương dâng hiến Phật Bà Mẫu Nghi.

3-Tam nương bác ái từ bi,

Phát Long Tu Phiến hồn qui Cung Thiên.

4-Kim Bản Đạo hạnh ghi tên,

Tứ Nương chấm đâu kẻ hiền tâm trung.

5-**Ngũ Nương** thương gái trọn tòng,
Ban Gây Như Ý Thiên Cung đợc vào.

6-Tiêu Diêu rêu Phươn nhiệm mầu.
Lục Nương dẫn độ hồn châu Chí Tôn.

7-Diêm Đài **Bà Thất** ôn tồn,
Bông Sen khữ quĩ cả phồn phải lui.

8-**Bát Nương** Thân Bút làm vui,
Giỡ Lam nặng triệu đủ mùi thi thơ.

9-**Cửu Nương** khuyên lánh trần nhơ,
Tiêu thiều độ chúng qua bờ sông ngân.

-Hai cô thủ quạt ân cần,

Đông Song Thành đáng phẩm trần bia danh.
Dương Tử Phú trái tài lành,

Phục vụ Từ Mẫu khắc canh không rời.
- Cầm phươn hai vị chiều mời,

Hứa Phi Yến mặt, là nơi ứng hầu,
An Phát Trinh trái, mãi châu,
Chung quanh mây phủ năm màu như thêu.

-Cung Loan Phật Mẫu dường kêu,

Ráng lo tu niệm Cung Diêu mẹ chờ.

i. Lợi Ích Sau Buổi Lễ Hội Yến

Mỗi năm trong nền Đại Đạo có hai lễ lớn, nhứt là lễ Vía Đức Chí Tôn vào mùng 9 tháng giêng, và lễ Hội Yến Diêu Trì

vào ngày rằm tháng 8. Sẵn dịp Chúc Sắc về đông đủ dự lễ, Hội Thánh Hành Chánh và Hội Thánh Phước Thiện đều có hội để kiểm điểm quá khứ, định chương trình tương lai trong năm để tìm khuyết điểm hầu sắp đặt cho bộ máy của Đạo điều hòa nhịp nhàng tiến bộ.

Riêng Bộ Pháp Chánh sau Lễ Hội Yên, Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài phải bắt thăm lại để phân phối đi các tỉnh hầu tránh tình cảm lẫn át lý trí.

Vậy sự quan trọng của cuộc Lễ Hội Yên không phải về Thể Pháp và Bí Pháp của nó mà thôi mà nó còn ảnh hưởng đến sự tiến triển của bộ máy các cơ quan chính trị Đạo là khác nữa.

Thánh Địa rằm tháng 7 Kỷ Hợi (1979)

(Trích Quyển “ Sơ Giải Hội Yên Điều Trì Cung”)

(Quang Minh)

HẾT

“ Đi phổ thông chọn Đạo Thầy trong một nước hay một dân tộc nào mà phong hóa không thể từng theo Đạo Luật đặng, nếu không chế giãm cho phù hợp thức lệ, lễ nghi của sắc dân ấy thì khó mà độ rỗi cho đặng . . . ”

(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển- Quyển 1 và quyển 2- Tân Luật Pháp Chánh Truyền- ĐĐTKPĐ TTTN - Hội Thánh giữ bản quyền - VN - Trang 275).

VƯỜN THƠ THẾ ĐẠO



TƯỢNG NIỆM LỄ HỘI YẾN

Năm xưa nhớ lại hội phàm Tiên
Mách bảo ba ông Tướng Soái Thiên
Phật Mẫu Cửu Nương đều giáng ngự
Hồng trần may phước ngộ thiêng liêng
Khai Nguơn Mẹ lãnh Thiên Cơ định
Mở Đạo Thầy ban tạo thể yên.
Rượu cốc nâng chung câu dạy Đạo
Điều Trì Hội Yến nhớ hằng niên...

Yên Hà

16/8/2022

HỌA 1

Bàn Đào Hội Yến cõi Thần Tiên,
Mở tại trần gian chủ Cửu Thiên.
Tướng soái ba vị người thế tục;
Điều Trì Chín vị đáng thiêng liêng.
Độ đời vạn giáo nhìn chung cõi,
Khai Đạo Tam Kỳ tạo vĩnh yên
Bí Pháp bày ra phương đạt Đạo;
Nhớ Rằm tháng tám lễ thường niên.

Hoàn Nguyên

San Jose 16/8/2022

HỌA 2

Trung Thu Hội Yến (Nhâm Dần 2022)

Kỷ niệm hằng năm Đại Hội Tiên
Tham gia ba vị giữa Hoàng Thiên
Cửu Nương, Phật Mẫu, Bàn Đào ngự
Giáng thế thiêng liêng dạy Đạo viên
Tướng Soái Chí Tôn lòng ngưỡng mộ ¹
Ba Ngài Chúc Sắc dạ bình yên ²
Nâng chung tiến tửu nơi trần tục
Hội Yến Điều Trì Đại Lễ niên...!

Mai Xuân Thanh

Aug. 17, 2022

1- Ba vị tướng soái của Đức Chí Tôn thời tiền khai Đại Đạo

2- Như footnote 1

HỌA 3: Ngõ Ngàng

Ngõ ngàng con trẻ buổi đầu tiên
Dò dẫm nương theo thấu cõi thiên
Trời đất bao la đâu dễ hiểu
Chí Tôn cơ bút dạy tương liên
Ba Ngài Tướng Soái ân tình trước
Chín Vị Diêu Trì ngưỡng nghĩa yên
Hội ngộ Bàn Đào Thầy chỉ dẫn
Rượu cùng nhấp cạn nhớ từng niên ...

Yên Hà

24/8/2022

HỌA 4

Tình Mẹ phi thường

Diêu Trì Phật Mẫu Hội chư Tiên,
Đạt Đạo thể nhân nhập cảnh Thiên.
Thọ quả tiên đào vui vĩnh cửu,
Nâng ly thánh tửu hiệp thiêng liêng.
Con đường hằng sống Cao Đài độ,
Nhân loại đại đồng cứu thế yên.
Nhớ chữ “ phi thường ”³ trông tình Mẹ,
Thẹn thường cầu nguyện suốt trường niên.

Duy Hòa

Sacramento, 25-8-2022

3-Phật Mẫu Chơn Kinh ”Ngồi trông con đặng phi thường”

HỌA 5

Mẹ Mong Con Đặng Phi Thường...

Diêu Trì Hội Yến giữa phàm Tiên
Dự lễ Bàn Đào mở Đạo... Thiên
Quả phẩm quỳnh tương mời cửu vị
Tiệc hoa ngọc trản chúc thiêng liêng
Phổ truyền vạn giáo cùng chân lý
Giáo huấn ngàn đời một gốc yên
Cứu khổ phò nguy thường có Mẹ
Tình yêu hoàn hảo mãi chung niên

Mai Xuân Thanh

Aug. 26, 2022

HỌA 6

Tình Mẹ phi thường

Diêu Cung Hội Yến cảnh Thần Tiên.
Phật Mẫu mừng Con đến cảnh Thiên.
Tiên Tử Mẹ ban người Đạo Đức.
Đào Tiên Mẹ thưởng cõi Thiêng Liêng.
Thiêng Liêng Hằng Sống Con an hưởng.
Đức vẹn Tâm thành cứu thế yên.
Hai chữ “Phi Thường” Con trọn Đạo.
Hiếu Trung CHA -MẸ hưởng thiên niên.

Mỹ Nga

27/08/2022 (01/08/Nhâm Dần).

Khám phá lục nghệ – 6 con đường đạt Đạo của người xưa (P.1)

(Thanh Ngọc) | DKN 20/09/2021



Ảnh minh họa.

Người xưa từ thuở nhỏ đã thuận theo sáu con đường lớn này mà tiến bước, một mạch cho đến khi đạt đến cảnh giới cao thiên nhân hợp nhất. Mà giáo dục trong học đường ngày nay chỉ chú trọng những kiến thức và kỹ năng trên sách vở, bỏ qua phương diện thực chất nhất, cốt yếu nhất rồi...

Sách “Chu Lễ – Địa Quan – Bảo Thị” có ghi chép : “Bảo Thị chường quản việc can gián khuyên bảo vua, dạy dỗ con cháu quý tộc theo đạo, đó là dạy lục nghệ : thứ nhất là ngũ lễ (lễ nghĩa), thứ hai là lục nhạc (âm nhạc), thứ ba là ngũ xạ (bắn cung), thứ tư là ngũ ngự (cưỡi ngựa đánh xe...), thứ năm là lục thư (thư pháp), thứ sáu là cử số (toán học)”. Con cháu

quý tộc thời xưa khi đến tám tuổi nhập học tiểu học, do Bảo Thị dạy dỗ các em dựa trên các giá trị đạo đức cao thượng phù hợp với thiên thượng của bản thân, dạy các em sáu loại kiến thức và kỹ năng là lễ nghĩa, âm nhạc, bắn cung, cưỡi ngựa, thư pháp và toán học.

Trong lục nghệ, ngoại trừ bắn cung và cưỡi ngựa, những nội dung khác trong sách giáo khoa tiểu học của Trung Quốc đại lục ngày nay đa phần đều có liên quan, nhưng những điều mang tính thực chất như mục đích học tập và yêu cầu thì đều khác rất xa so với thời xưa. Người xưa chú trọng “tiểu học nhi thượng đạt” (học những cái nhỏ về sự vật, nhân tình thế thái, để rồi hiểu những pháp tắc của tự nhiên), các môn đồ tiểu học học tập lục nghệ, một mặt, là vì sáu loại tri thức và kỹ năng này rất cần thiết trong cả cuộc đời của các em, một mặt khác, và cũng là phương diện trọng yếu hơn, đó là trong cả cuộc đời của các em cần thông qua việc học tập sáu loại tri thức và kỹ năng này cuối cùng thăng hoa đến cảnh giới cao thiên nhân hợp nhất, do đó cần phải là bởi một Bảo Thị vốn có phẩm đức phù hợp với thiên thượng dạy dỗ các em.

Loại cảnh giới cao thiên nhân hợp nhất này quyết định ý nghĩa cuộc sống và chất lượng sinh tồn của một cá nhân, cũng quyết định sự thịnh suy của một dân tộc, xã hội, đó là pháp bảo để con người có thể đứng vững ở vị trí bất bại, hoàn toàn vượt xa so với việc chỉ nắm vững sáu loại tri thức và kỹ năng.

Vậy cũng chính là nói, lục nghệ thực tế là sáu con đường lớn (đại đạo) thông thiên để các môn sinh tiểu học thời xưa có thể làm được “tiểu học nhi thượng đạt”. Người xưa từ thuở nhỏ đã thuận theo sáu con đường lớn này mà tiến bước, một

mạch cho đến khi đạt đến cảnh giới cao thiên nhân hợp nhất. Như vậy thì, “học nhi ưu tắc sĩ” (học tập giỏi thì làm quan) cũng trở thành điều hợp lý trong xã hội. Bởi vì những người “học nhi ưu” (học tập giỏi) kia đều là những người ngộ được thiên đạo, những người ngộ được thiên đạo mà làm quan trị quốc bình thiên hạ, thiên hạ đương nhiên sẽ thái bình thịnh vượng.

Mà giáo dục trong học đường ngày nay chỉ chú trọng những kiến thức và kỹ năng trên sách vở, bỏ qua phương diện thực chất nhất, cốt yếu nhất đó là việc học tập và trau dồi tri thức vốn là để thăng hoa đến cảnh giới cao, chỉ nắm được những thứ vỏ ngoài của lục nghệ đã coi như “học nhi ưu” (học tập giỏi) rồi. Những người như vậy mà ra làm quan, phục vụ xã hội, đạo đức nếu không xuống dốc, xã hội mà không trở nên hỗn loạn mới là chuyện lạ!

1. Ngũ Ngự



Một trong kỹ năng Lục nghệ, *Ngự*. (Nguồn: Wikipedia)

Xe ngựa là phương tiện đi lại quan trọng của người thời xưa,

đồng thời đó cũng là nhân tố quan trọng để giành được chiến thắng trong các cuộc chiến tranh. Chiến xa là phương tiện chủ yếu trong chiến trận thời xưa, khi đánh trận thì cần đi nhanh tiến xa, tấn công kẻ địch, nhanh chóng giành tiên cơ (chớp thời cơ chiếm những yếu tố lợi thế), nên kỹ năng của người đánh xe chính là yếu tố quyết định tới thành bại của cuộc chiến. Trong bài này chúng ta sẽ tìm hiểu về ngũ ngự, là 5 kỹ thuật đánh xe mà người xưa cần phải nắm vững.

Đánh xe như thế nào mới đạt đến thiên đạo? Trước tiên chúng ta hãy xem câu chuyện cổ nhân học đánh xe.

Triệu Tương Tử học đánh xe với Vương Vu Kỳ. Khi học xong, trước lúc về nhà, Triệu tử thí công phu đánh xe với Vương Vu Kỳ. Lần thí thứ nhất Triệu Tương Tử thua, bèn nói: “Không đúng không đúng, là do ngựa của ta không tốt”. Thấy thế Vương Vu Kỳ đổi ngựa cho Triệu Tương Tử rồi tiếp tục thí. Lần thí thứ hai Triệu Tương Tử lại thua, Triệu nói: “Không đúng không đúng, là do xe của ta cũng không tốt”. Vương Vu Kỳ thấy thế bèn đổi xe ngựa với Triệu. Lần thí thứ ba Triệu Tương Tử đánh xe ngựa của Vương Vu Kỳ, Vương Vu Kỳ đánh xe của Triệu Tương Tử, kết quả Triệu vẫn thua. Lần này Triệu Tương Tử lại viện lý do: “Là do huynh không dạy hết kỹ thuật cho ta, nếu không sao lần này xe của ta tốt hơn nhưng ta vẫn thua huynh?”, Triệu hoài nghi Vương Vu Kỳ giấu nghề cho riêng mình. Vương nói: “Kỹ thuật thì ta đã chỉ dạy hết cho huynh rồi. Khi đánh xe thì ngựa phải liền với xe, dùng tâm điều khiển ngựa. Nhưng còn huynh, khi bị tụt lại phía sau ta thì cứ muốn vượt qua ta, khi hơn ta rồi lại e ta sẽ thắng huynh. Huynh đánh xe ngựa nhưng tâm huynh chỉ đặt ở nơi ta, thì làm sao có thể đạt được tiến tốc trí viễn?”

Câu chuyện này đã nói rõ cho chúng ta một đạo lý thâm sâu: **đánh xe cần có kỹ pháp, nhưng quan trọng hơn là cần có tâm pháp.** Tâm pháp liên quan trực tiếp đến vấn đề cảnh giới tâm của con người. Kỹ pháp thì thông qua miệng nói, tai nghe thì thầy có thể truyền lại cho trò, rồi qua quá trình luyện tập là có thể nắm vững được, còn tâm pháp thì người học phải tự mình ngộ, tu tâm, đề cao cảnh giới tâm tính thì mới có thể đạt được. Tâm pháp là thứ phải được trui rèn lâu dài, không phải là việc ngày một ngày hai mà có được. Tâm pháp đánh xe của Vương Vu Kỳ chính là khi người đánh xe đã tu bỏ được tâm cầu danh cầu lợi, chuyên tâm toàn chí vào việc điều khiển xe, ngựa, thì người và xe, ngựa đạt được sự hài hoà cao độ, phối hợp nhất trí, đồng tâm đồng đức, tề tâm hiệp lực, sau đó mới có thể tiến tốc trí viễn ¹.

Khi một người đánh xe đạt được hoà hợp cao độ với cả ngựa và xe, thì người đó sẽ hoà hợp nhất trí với những người xung quanh, với các thành viên trong gia đình cũng như với môi trường xã hội; dần dần tâm thái ấy sẽ thành tự nhiên, sẽ đạt được hài hoà hợp nhất với trời đất, đó cũng là cảnh giới cao thiên nhân hợp nhất, cũng là cảnh giới cao của đạo tu thân của người xưa. Người như thế tề gia thì gia đạo hoà thuận, trị quốc thì quốc sẽ an ổn, bình thiên hạ thì thiên hạ sẽ thái bình ². Trong việc tề gia trị quốc bình thiên hạ, không tuyển chọn người như thế thì sẽ tuyển ai đây?

1- Đi được nhanh, tiến được xa

2- Bản gốc: “tề gia tắc gia tề, trị quốc tắc quốc trị, bình thiên hạ tắc thiên hạ bình” Gia tề: Ý nói gia đình nề nếp, hoà thuận. Quốc trị: Ý nói trị vì đất nước được tốt. Thiên hạ bình: Ý nói thiên hạ yên bình, thái bình

2. Ngũ Xạ

Từ xạ 射 chỉ xạ tiễn, tức là bắn cung. Đây là một trong những nội dung chủ yếu trong cuộc sống của nam giới thời cổ đại. Từ việc đi săn bắt tìm thức ăn hay tham gia chiến đấu công phá thành trì cho tới gia nhập quân đội hay tuyển quan...đều không tách khỏi nghề xạ tiễn. Ngũ xạ chính là chỉ năm phương pháp bắn cung thời cổ đại.



Điều đáng xem trọng chính là đức hạnh và sự tu dưỡng của xạ thủ (ảnh: Shen Yun Performing Arts).

Bắn cung như thế nào mới đạt đến thiên đạo? Trước hết chúng ta hãy tìm hiểu về tiêu chuẩn yêu cầu đối với nghề bắn cung thời xưa. Trong sách “Lễ ký – Xạ nghĩa” của Khổng Tử, có ghi chép rằng: thời xưa khi chư hầu, khanh, đại phu tham gia bắn cung trước tiên phải cử hành lễ nghi tương ứng; từ đó khiến chư hầu hiểu rõ cái nghĩa quân thần, còn khanh, đại phu thì hiểu rõ được thứ tự trưởng ấu. Người bắn cung trong các bước tiến, thoái, xoay người, đều phải

hợp với lễ nghi, tư thế ngay chính, ý chính tâm thành, tay cầm cung tên một cách vững chãi, sau đó mới nói đến mục tiêu bắn cung. Thông qua việc bắn tên có thể quan sát được đức tính của người bắn. Thời xưa thông qua việc bắn cung, thiên tử có thể tuyển chọn được chư hầu và các quan viên như khanh, đại phu... Do đó, thiên tử sẽ cử hành một cuộc thi bắn cung lớn gọi là “xạ hầu”, tức là từ việc bắn cung có thể thăm dò được thái độ của chư hầu.

Từ việc học tập người xưa, chúng ta có thể thấy rằng nghệ thuật bắn cung có hàm chứa đạo nhân nghĩa bên trong. Bắn cung trước hết phải chính kỹ (chính lại bản thân mình), gồm cả hai phương diện là chính lại ngoại hình, dáng dấp bên ngoài và chính cái tâm bên trong. Chính kỹ rồi mới tới xạ tiễn (bắn cung), sau đó rồi mới nói đến chuyện bắn trúng đích. Nếu như bắn chưa trúng thì không được oán hận người vượt trội mình, mà phải quay lại tìm xét nguyên nhân ở bản thân, tiếp tục chính kỹ tu thân, đặt công phu tập luyện.

Chúng ta hãy cùng xem câu chuyện Kỹ Xương học bắn cung.

Kỹ Xương theo danh sư Phi Vệ học bắn cung. Thầy Phi Vệ nói: “Ngươi hãy trở về, trước tiên luyện tập việc nhìn không chớp mắt cho ta”. Khi trở về nhà Kỹ Xương liền nằm dưới chân bàn đạp khung cửi mà vợ anh dệt vải, hai mắt nhìn chăm chăm không chớp mắt vào bàn đạp khi đôi chân kia chuyển động. Sau hai năm, Kỹ Xương đã đạt đến trình độ dù có dùi đâm vào khoé mắt cũng không chớp mắt. Kỹ Xương bèn đi tìm thầy Phi Vệ, lần này thầy Phi Vệ nói: “Ngươi hãy trở về, luyện sao cho đôi mắt ngươi nhìn thấy vật nhỏ như vật lớn, nhìn vật cực nhỏ mà cũng như đang hiện rõ trước

mắt”. Kỹ Xương về nhà tìm một con rận, dùng sợi lông trâu nhỏ nhất cột con rận treo lên cửa sổ, ngày ngày nhìn con rận không chớp mắt. Cứ nhìn như vậy con rận càng ngày càng lớn lên. Sau ba năm, anh nhìn con rận như đã trở nên lớn bằng cái bánh xe. Kỹ Xương cầm cung lên, bắn vào con rận ấy, đầu mũi tên xuyên qua chính giữa con rận mà sợi lông trâu treo con rận vẫn không đứt. Kỹ Xương bậm lên thầy Phi Vệ, thầy anh cao hứng nói: “Người học thành tài rồi”. Sau này, Kỹ Xương trở thành cao thủ thiện xạ, bách phát bách trúng.

Việc luyện cho đôi mắt nhìn mà không chớp và nhìn vật nhỏ như vật lớn thì có rất nhiều phương pháp, còn rèn tâm pháp thì chỉ có một cách duy nhất. Tâm pháp trong xạ nghệ mà Kỹ Xương học được chính là chuyên tâm nhất chí, thành ý chính tâm. Tầm mắt nhìn được cũng chính là sức chứa của tâm, tâm thái thuần khiết thì tầm nhìn cũng rộng mở.

Trong việc học bắn cung của người xưa, các phương pháp luyện tập chỉ là yếu tố bề mặt, thực chất thì thành ý chính tâm mới là nhân tố quyết định. Quá trình học tập xạ tiễn cũng là quá trình tu chính lại cái tâm của người học. Tâm tính cao thì xạ nghệ mới cao được. Hay nói cách khác kỹ nghệ thiện xạ là nhờ đức hạnh tốt, tâm tính cao. Thế nên mới có việc thiên tử thông qua tổ chức cuộc thi xạ tiễn để tuyển chọn quan lại.

Xem tiếp Phần 2

Theo Chánh Kiến
Thanh Ngọc tổng hợp

Khám phá lục nghệ – 6 con đường đạt Đạo của người xưa (P.2)

(Thanh Ngọc) | DKN 21/09/2021



Người xưa rất chú trọng tác dụng giáo hoá đạo đức của nhã nhạc.

3. Lục Nhạc

Từ “nhạc” là chỉ âm nhạc. Lục nhạc là chỉ 6 loại nhạc vũ trụ danh gồm: Vân Môn của Hoàng Đế, Đại Hàm của vua Đường Nghiêu, Đại Thiệu của vua Ngu Thuấn, Đại Hạ của vua Hạ Vũ, Đại Hoạch của Thương Thang và Đại Vũ của Vũ Vương.

Nhã nhạc là phương cách giáo hoá văn hoá đạo đức chủ yếu nhất thời cổ đại. Trong Nhạc ký – Lễ Ký có viết rằng: “Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa, đại lễ dữ thiên địa đồng tiết”

(đại nhạc hòa đồng cùng Trời Đất, đại lễ cùng khánh tiết với Trời Đất).



Lục nhạc, tức 6 loại nhạc vũ trụ danh đều là những nhạc khúc thượng thừa được sáng tác khi con người cảm ứng được thiên đạo. Mà thiên đạo và bản tính con người vốn có sự tương thông mật thiết. Vì thế những nhạc khúc thượng thừa ấy đều có tác dụng giáo hoá tẩy tịnh tâm linh, đánh thức bản tính thiện lương phù hợp với thiên đạo vốn tồn tại trong mỗi con người. Thời xưa việc giáo dục âm nhạc của học sinh tiểu học chính là thông qua việc tập luyện nhã nhạc mà dần dần đề cao được đạo đức của mình, cuối cùng đạt đến cảnh giới thiên nhân hợp nhất.

Người xưa rất chú trọng tác dụng giáo hoá đạo đức của nhã nhạc, không chỉ là học sinh cần học tập nhã nhạc mà trong việc tề gia trị quốc bình thiên hạ cũng đều được tin dùng. Có rất nhiều ví dụ điển hình về việc này. Trong sách Thượng thư có ghi chép rằng vào thời vua Thuấn trị có tộc Hữu Miêu không phục, vua Thuấn không dùng võ lực để trị mà dùng đức giáo hoá 3 năm, chỉ để binh sĩ cầm thuẫn và rìu nhảy múa, khiến tộc Hữu Miêu nể phục. Năm ấy khi Khổng Tử dẫn dắt các đệ tử đi chu du, giữa đường bị bao vây, Khổng Tử đã đánh đàn còn Tử Lộ thì cùng các đệ tử hát xướng, chẳng bao lâu vòng vây được giải.

Dục vọng của con người là trái ngược với thiên đạo, khi con người phóng túng dục vọng, ai ai cũng hành sự dựa trên tự tư tự lợi của cá nhân thì thiên hạ ắt sẽ loạn. Người xưa khắc chế dục vọng là không dựa trên pháp luật áp chế từ bên ngoài mà khắc chế từ bên trong, dùng nhã nhạc giáo hoá nhân tâm, hoán tính bản tính từ trong tâm rồi mới đến hành xử bên ngoài, từ đó khiến nhân tâm quay về với thiên đạo. Người xưa gọi phương pháp giáo hoá này là lấy đức

chế dục, tức là dẫn dắt lòng người hướng về thiên đạo, dùng thiên đạo mà khắc chế dục vọng. Khi người dân trăm họ đều quy chân hướng thiện thì tự họ sẽ làm mọi việc dựa theo thiên đạo, lúc ấy tự nhiên sẽ khiến gia đạo được hoà thuận, đất nước yên ổn, thiên hạ thái bình. Những điển tích như Ngu Thuấn chuyển thù thành bạn, Khổng Tử dùng đàn ca hát xướng để giải vây đã giúp chúng ta thấy được hiệu quả của phương pháp lấy đức chế dục.

Trong sách Luận Ngữ có viết một câu chuyện như thế này. Khi Khổng Tử đến nước Tề nghe được nhạc vũ Đại Thiều của vua Ngu Thuấn xong thì ba tháng ròng ăn thịt mà không thấy mùi vị. Thời cổ đại thịt rất hiếm, khi người trên 70 tuổi có thịt để ăn thì đã được tính đó là biểu hiện của thời thái bình thịnh thế. Còn Khổng Tử nghe nhạc Thiều xong 3 tháng ăn thịt không cảm nhận được mùi vị của thịt. Nhã nhạc có tác dụng giáo hoá đạo đức rất lớn, từ câu chuyện trên chúng ta có thể cảm nhận được nhã nhạc có sức mạnh giáo hoá to lớn đến nhường nào.

Do đó thời xưa khi có việc đại sự hay việc trọng đại người ta đều dùng đến lễ nhạc. Người đức Đạo sẽ chơi những nhạc khúc phù hợp với thiên đạo, đạo đức của người chơi nhạc càng cao thì tác dụng giáo hoá tâm linh của nhạc khúc phát ra càng lớn.

Tiếng nhạc phát ra chính là biểu hiện của cảnh giới đạo đức của người chơi nhạc. Thời Tam quốc, khi Gia Cát Lượng thực hiện “không thành kế”, đại quân của Tư Mã Ý đã áp sát thành nhưng vẫn không dám tiến vào thành. Vì sao vậy? Vì từ âm thanh trầm tĩnh bình hoà của tiếng đàn mà Gia Cát Lượng đánh ra có thể nhìn ra được tâm thái của ông, và Tư

Mã Ý đoán rằng có quân mai phục bên trong nên đã lui binh. Nhìn bề mặt thì Gia Cát Lượng đã dùng tiếng đàn áp chế được thiên binh vạn mã của Tư Mã Ý nhưng thực chất chính là nhờ cảnh giới đạo đức của ông, tiếng đàn chỉ là biểu hiện bên ngoài của cái đức bên trong mà thôi.

Ngược lại, các loại nhạc rock, nhạc disco hiện đại lại khiến con người dâng trào dục vọng, tâm không bình, khí không hoà, gặp chuyện là nổi cơn tam bành, dễ dàng gây sự với người khác. Khi lòng người không tĩnh thì xã hội làm sao có thể an định được đây? Còn âm nhạc và vũ đạo của đoàn nghệ thuật Thần Vận (Shen Yun) biểu diễn trở thành những tác phẩm nghệ thuật hàng đầu thế giới chính là do họ thực hành tu luyện đạo đức chiều theo đặc tính tối cao của vũ trụ Chân Thiện Nhẫn; vậy nên âm nhạc và vũ đạo của Thần Vận khiến người xem chân động tâm linh, có tác dụng đưa đạo đức thăng hoa, đây cũng chính là phản ánh tác dụng của nhã nhạc trong giáo hoá đạo đức, giúp con người hợp với thiên đạo ở mức cao nhất thời nay.

4. Ngũ Lễ

Từ “lễ” ở đây ý chỉ những quy phạm về hành vi của con người. Người xưa phân chia ra lễ tế tự gọi là: “cát lễ”, lễ cưới hỏi gọi là: “gia lễ”, lễ tiếp đón khách gọi là: “tân lễ”, các lễ nghi dùng trong hoạt động quân sự gọi là: “quân lễ”, các lễ liên quan đến tang lễ, chôn cất gọi là: “hung lễ”, 5 loại lễ tiết này hợp lại gọi là ngũ lễ.

Người xưa không có phân biệt việc lớn hay nhỏ, tất cả đều cần phải tuân thủ theo những quy định, quy phạm nghi thức hoặc phép tắc về hành vi, các quy định đó cũng tương ứng

với thân phận con người trong xã hội. Người xưa gọi những người không biết lễ nghi là man di, còn với những người thông hiểu lễ nghĩa, lại dốc sức thực hành theo thì được gọi là thánh nhân. Năm ấy Khổng Tử nhờ việc biết lễ nghi mà nổi danh trong các nước chư hầu. Sau này khi trẻ em đi học thì phải học lễ, đặc biệt là đi đứng tiến lùi, nhận hay trao vật gì cũng phải phù hợp với những lễ tiết nhất định.

Từ ngoài mà nhìn thì dường như lễ tiết chỉ là những nghi thức mang tính hệ thống, là những thứ thuộc về hình thức, kỳ thực không phải như vậy. Đối với tất cả hành vi, người xưa đều coi việc hợp với thiên đạo là chuẩn tắc, và tất cả các nghi thức về lễ tiết lớn nhỏ cũng không phải ngoại lệ.

Trong Nhạc ký – Lễ ký có viết: “Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa, đại lễ dữ thiên địa đồng tiết” (Đại nhạc hòa đồng cùng Trời Đất, đại lễ cùng tiết [tấu] với Trời Đất). Trong “Tang phục tứ chế – Lễ ký” có viết rằng: “Phàm lễ chi đại thể, thể thiên địa, pháp tứ thời, tắc âm dương, thuận nhân tình. Có vị chi lễ”. Có nghĩa là, những phép tắc quy định lễ nghi thời xưa tuyệt không phải là muốn gì liền làm nấy, mà là phải phù hợp với Thiên Địa, bốn mùa, âm dương, lòng người. Vì thế trong quá trình trẻ con học tập lễ nghi, trên bề mặt mà nhìn thì là vì để tuân theo những lễ tiết như hiêu, đễ, trung, thuận mà người làm con, người làm em, người làm bề tôi, và người ở vị trí ít tuổi hơn cần tuân theo, nhưng trên thực chất là để họ hiểu được quy luật vận hành của thiên địa, sự luân chuyển của bốn mùa, biến hoá của âm dương và quá trình hình thành bản tính thường tình của con người. Rồi từ đó mà cuối cùng đạt đến một cảnh giới cao là tự giác hành sự chiếu theo quy luật biến hoá phát triển của thiên địa, bốn

mùa, âm dương và lòng người.

Thế thì “Lễ” của nhân gian như thế nào mới phù hợp với quy luật của thiên địa?

Chúng ta có thể phân tích ví dụ về quy luật thiên tôn địa ti. Thiên cao địa thấp (trời cao đất thấp), trời là chủ tử, đất chỉ thuận theo trời, trời sinh ra vạn vật, đất nuôi dưỡng vạn vật, trời vĩnh viễn cao hơn đất, bản phận của đất là nỗ lực để hoàn thành sứ mệnh của trời. Thân phận và vị trí trong quy luật thiên tôn địa ti vĩnh viễn không thể cải biến, nếu không thì sẽ đảo lộn trời đất, hết thảy đều không thể ổn định được.

Trong “Nhạc ký – Lễ ký” viết rằng: “Lễ giả, thiên địa chi tự dã” (Lễ, là điều đảm bảo trật tự trong trời đất). Lễ tiết thời cổ đại đều là chiếu theo, học theo Trời Đất, “Lễ” chính là thể hiện cho sự khác biệt của thiên địa ở nhân gian. Lấy mối quan hệ quân-thần (vua-tôi) làm ví dụ. Quân phải thuận chính hoà ái như trời, thần phải tòng thuận trung thành như đất, toàn lực giúp quân chủ hoàn thành sứ mệnh. Thân phận và vị trí trong mối quan hệ quân-thần không thể tùy ý thay đổi. Xạ lễ thời cổ đại quy định rằng khi vua và quan tử thí bắn cung, các quan phải đứng lùi về sau nhường vua một thước, không thể đứng ngang hàng với vua. Vì sao? Bởi vì vua và các thần tử có sự khác biệt. Thời Xuân Thu Chiến Quốc vua nước Yên và Yên Tương Tử đổi chỗ cho nhau, vua Yên xuống làm bề tôi còn Yên Tương Tử lên làm vua, kết quả nước Yên đại loạn 3 năm, suýt chút nữa thì vong quốc.

Tranh “Bộ liễn đồ” của danh họa Diêm Lập Bản, nội dung nói về việc Đường Thái Tông tiếp kiến sứ giả Thổ Phồn.

Ví dụ kế tiếp là mối quan hệ phu-phụ (vợ-chồng). Chồng làm chủ các việc, vợ thuận theo, khi đối nội thì vợ chồng tương kính như tân, khi đối ngoại thì phu xướng phụ tùy, dân gian Trung Quốc từ xưa đã có câu “gả cho gà thì theo gà, gả cho chó thì theo chó”³ không phải là không có đạo lý.

Lấy ví dụ về quan hệ phụ-tử (cha-con). Cha mẹ cần yêu thương nuôi dạy con cái, con cái phải hiếu thuận chăm sóc cho cha mẹ, ấy là đạo lý phụ tử tử hiếu.

Ví dụ về mối quan hệ huynh-đệ (anh-em). Anh cần yêu thương em, em phải kính trọng anh, ấy là huynh hữu đệ cung.

Bàn về mối quan hệ sư-sinh (thầy-trò). Một ngày làm thầy (sư) cả đời làm cha (phụ), nên gọi là sư phụ. Phải đối xử với thầy như đối xử với cha. Năm xưa khi Khổng Phu Tử qua đời các học trò của ông đã tập hợp lại cùng nhau để tang 3 năm, riêng Tử Cống một mình chịu tang thêm 3 năm, tổng cộng Tử Cống chịu tang 6 năm.

Lễ tiết thời xưa hết sức nhiều và nội dung cũng rất chi tiết, phức tạp. Nhưng cho dù lễ tiết có chi tiết tỉ mỉ đến bao nhiêu cũng đều lấy quy luật phát triển cũng như sự khác biệt giữa thiên địa làm chuẩn tắc. Đây là điều cơ bản để con người có thể làm người, cũng chính là điều căn bản để con người lập thân, cũng là cơ sở của việc tề gia trị quốc bình thiên hạ. Do đó thời xưa khi học sinh đi học thì phải học lễ trước tiên, học tập lễ tiết hiếu, đễ, trung, thuận, sắp xếp vị trí bản thân

3- Người Việt thường có câu là: thuyên theo lái gái theo chồng

cho phù hợp với các hoàn cảnh xã hội, giữ vững bốn phận của bản thân trong các hoàn cảnh để tránh gây kết oán và hối hận về sau. Trong Quan Nghĩa – Lễ Ký viết: “Hiếu để trung thuận hành chi, nhi hậu khả dĩ vi nhân; khả dĩ vi nhân, nhi hậu khả dĩ trị nhân dã. Cổ thánh vương trọng lễ” (Tạm dịch: Chiều theo hiếu để trung thuận mà xử sự thì sau đó mới có thể làm người, có thể làm người, rồi mới có thể cai trị người. Thế nên thánh vương xưa nay đều coi trọng lễ).

Ngày nay những lễ tiết xưa đều đã bị lãng quên. Con cháu trong nhà đã trở thành những ông vua nhỏ, cả nhà đều xúm lại quanh chúng, chúng trở thành những kẻ không chức không vị lại có đặc quyền, có thể hô mưa gọi gió, chỉ huy, yêu cầu hết thảy. Nền nghệ thuật hội họa thanh cao nhã nhận của truyền thống bị lạnh nhạt bỏ rơi, bị bài xích, còn cái gọi là phái hiện đại hỗn loạn hòe đồ lại chiếm cứ những nơi trưng bày nghệ thuật. Văn hoá thần truyền chính thống, những đạo lý phổ quát lại bị phê phán đàn áp, còn các loại tà thuyết lại chiếm thế thượng phong, vân vân và vân vân. Lý niệm về chính-tà, quý-tiện đã bị đảo lộn cả lên như thế, thử hỏi xã hội có thể không loạn được sao?

Theo Chánh Kiến Thanh Ngọc tổng hợp

Khám phá lục nghệ – 6 con đường đạt Đạo của người xưa (P.3 – hết)

(Thanh Ngọc)| DKN 22/09/2021

Lục nghệ vốn bắt đầu từ thiên đạo, người học lục nghệ nếu tuân theo [nguyên lý] của lục nghệ mà làm thì sẽ thăng hoa đạt đến thiên đạo. Giống như một ngọn núi

lớn có sáu con đường đại đạo để lên núi, từ các hướng khác nhau, từ các đường khác nhau mà leo núi thì cuối cùng vẫn quy về cùng một chỗ [là đỉnh núi]...

Tiếp theo [Phân 1](#) [Phân 2](#)

5. Lục Thư



Ảnh: DKN minh họa.

Người xưa căn cứ dựa trên hình dạng, âm điệu, ngữ nghĩa và điều lệ tạo chữ của chữ Hán mà quy nạp lại thành 6 phép cấu tạo chữ Hán gọi là lục thư, gồm: Tượng Hình (象形), Chỉ Sự (指事), Hội Ý (會意), Hình Thanh (形聲), Chuyển Chú (轉注) và Giả Tá (假借).

Từ xưa đến nay khi giáo dục cho học sinh thì việc dạy trẻ biết đọc, biết viết là nội dung quan trọng nhất, còn về trình độ lý giải nội hàm của Hán tự một cách sâu sắc thì đương nhiên giữa học sinh thời xưa và thời nay sẽ rất khác nhau.

Hán tự là văn tự Thần truyền. Cũng chính vì đó là văn tự mà Thần truyền cấp cho con người nên mới có thể lưu truyền

bền bỉ mấy ngàn năm, bất kể là con người có quyền lực lớn đến mấy, không ai có thể cải biến Hán tự từ căn bản. Lúc ban sơ khi mới tạo ra chữ viết, Thần đã dung nạp ý chỉ của mình vào trong hình dạng, âm điệu, ý nghĩa của chữ Hán, người xưa sẽ thông qua học tập hình-âm-nghĩa của chữ Hán mà liễu giải cũng như thể hội sâu sắc thiên cơ và ý chỉ của Thần. Đây chính là một cách hữu hiệu để người xưa đạt đến cảnh giới cao, thiên nhân hợp nhất.

Chữ lập theo triện văn, có thể thấy là nét ngang (一) ở dưới chữ đại (大))



Ví dụ về 3 chữ “大” đại, “天” thiên “立” lập. Chữ “大” đại là hình tượng một người đang đứng (dang hai tay) khi nhìn từ phía chính diện. Thêm một nét ngang “一” ở trên đầu chữ “大” đại sẽ thành chữ “天” thiên, còn thêm một nét ngang “一” phía dưới sẽ thành chữ “立” lập . Đỉnh đầu của con người đội trời, chân đạp đất, gọi là đỉnh thiên lập địa.

Vị trí của một người giữa Trời Đất quyết định việc hết thảy mọi hành vi chuẩn tắc của con người phải phù hợp với quy luật của Thiên Địa, nếu không bầu trời trên đầu sẽ sụp đổ, mặt đất sẽ sụt lún, thiên địa bất dung. Nếu thiên địa bất dung thì tương lai người ấy sẽ đứng ở đâu? Chỉ với ba chữ đại “大”, thiên “天”, lập “立” nhưng đã một cách hình tượng mà bao hàm cả địa vị của con người, chuẩn tắc hành vi của con người trong đó. Những giáo viên dạy Hán ngữ ngày nay liệu có thể lý giải thâm sâu đến mức độ này không, huống nữa là học sinh của họ?

Chúng ta hãy phân tích về chữ 婚 hôn. Sách “Thuyết Văn

Giải Tự” viết rằng: “Hôn, phụ gia dã. Lễ, thú phụ dĩ hôn thời, phụ nhân âm dã. Tông nữ hôn, hôn diệc thanh” Dịch nghĩa: *Hôn, là nghi lễ tổ chức ở nhà gái, lấy vợ thường tổ chức lúc hoàng hôn, phụ nữ thuộc về âm. Chữ hôn 婚 trong hôn nhân gồm chữ nữ và chữ hôn (hoàng hôn) ghép lại. Hôn(婚) là chỉ nhà gái. Chữ nữ 女 và hôn 昏 đều là thiên bàng chỉ ý, riêng chữ 昏 hôn vừa là biểu ý vừa là biểu âm. Nhà gái vì sao lại có bao gồm thành phần hôn (昏)? Bởi vì người xưa lấy vợ sẽ lấy lúc hoàng hôn. Cưới vợ vì sao lại chọn thời điểm hoàng hôn? Học thuyết âm dương thời xưa phân chia hết thảy vạn sự vạn vật thành hai loại lớn là âm và dương. Nam thuộc dương, nữ thuộc âm, ngày là dương, đêm là âm, mặt trời mọc là dương, mặt trời lặn là âm, v.v. Bởi vì người nữ thuộc âm nên chọn hoàng hôn là lúc khí âm dâng cao sẽ rước người nữ vào nhà, nên lấy vợ sẽ chọn lúc hoàng hôn. Bài thơ Đường “Động phòng tạc dạ đình hồng chúc, Đãi hiệu đường tiền bá cửu cô”⁴ (Dịch nghĩa: Đêm trước khi động phòng, tắt ngọn nến hồng, đợi đến sáng lên nhà chào mẹ cha), đến nay ở một số địa khu thuộc Trung Quốc đại lục vẫn còn lưu truyền phong tục phải rước nàng dâu mới vào nhà trước khi mặt trời lên đều là xuất phát từ nghi lễ này.*



Các kiểu viết chữ *minh* 明: đại triện, tiểu triện, lệ, khải, hành, thảo (thư pháp Triệu Mạnh Phủ đời Nguyên).

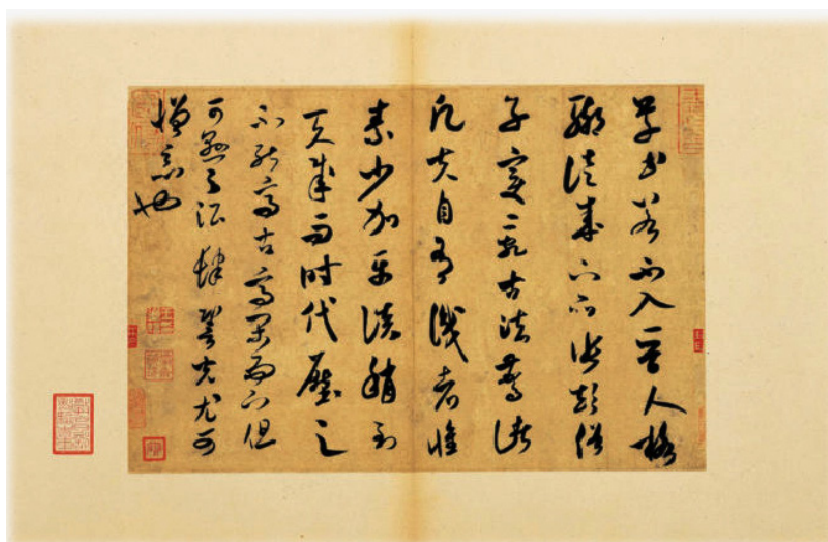
4- Hai câu thơ này được trích trong bài thơ Khuê ý – Cận thị thưởng Trương thủy bộ của Chu Khánh Dư thời Đường (theo thivien.net)

Chỉ một từ 婚 hôn thôi mà người học không chỉ cần học và nắm vững được hình-âm-nghĩa của chữ mà còn cả các nội hàm cực kỳ phong phú như nội hàm sâu sắc của học thuyết âm dương đằng sau con chữ cũng như sự lý giải về học thuyết âm dương của người xưa, tự giác chiếu theo nguyên lý âm dương mà làm các việc. Bản thân quá trình người xưa nghe, nói, đọc, nhận biết và viết chữ 婚 hôn đã bao hàm quá trình nội hoá ⁵ và lý giải nội hàm vô hạn của con chữ, cảnh giới của người học cũng từ đó mà thăng hoa một cách bất tri bất giác. Kỳ thực không chỉ là chữ 婚 hôn, mỗi mọi chữ Hán cổ đại đều [có hội hàm phong phú] như thế. Học tập Hán tự mà không lĩnh ngộ được nội hàm sâu sắc của con chữ thì chính là cô phụ sự từ bi và khổ tâm tạo chữ của Thần.

Bố cục kết cấu của Hán tự cũng như thế. Mỗi một chữ Hán đều có một trục trung tâm hữu hình hay vô hình bên trong. Ví dụ những chữ như 永 thủy、中 trung、小 tiểu、木 mộc、朱 chu đều có đường nét bút vạch theo trục tung, còn những chữ như 况 huống、耿 cảnh、剛 cương、謂 vị .. không có đường nét bút vạch theo trục tung nhưng lúc viết đều phải giữ cho không lệch xa khỏi trục trung tâm và giữ cho chính, luôn giữ cho về gần trục trung tâm dù trục đó là hữu hình hay vô hình, hơn nữa giữa các nét bút cũng phải duy trì sự cân bằng, hòa hợp. Nếu không giữ vững quanh trục trung tâm, nếu bị lệch, bị nghiêng, hoặc xô dịch, thì hoặc là sẽ không thành được chữ muốn viết, hoặc là sẽ mất đi đặc điểm nhận dạng chữ đó và thành chữ khác. Việc viết chữ viết lớn hay nhỏ cũng là cùng một đạo lý như vậy. Vị trí tương quan của các nét

5- Nội hóa: (tiếng anh: internalization), tạm hiểu là quá trình học hiểu và ngấm dần vào tâm trí, biến nó thành một phần của mình.

và các bộ phận thành phần (thiên bàng) trong chính thể một chữ Hán cũng không có khác biệt gì với vị trí tương quan của Thiên Địa trong Vũ Trụ, vị trí của các ngôi sao trong thiên thể, vị trí của con người trong Vũ Trụ và các hành vi, chuẩn tắc mà con người nên tuân theo. Người ta thường nói: Người thế nào văn thế ấy, người thế nào chữ thế ấy. Làm người và hành văn, viết chữ, là cùng một đạo lý, làm sao có thể không có liên hệ được?



Trên thư pháp của Mi Fu, triều đại nhà Tống. (Nguồn: Wikipedia)

Thiên đạo và thiên cơ ẩn ý từ Thần xuất hiện ở khắp mọi nơi. Trong các phép cấu tạo Hán tự thì từ kết cấu hình thể cho đến âm điệu và hàm nghĩa, hết thấy đều có thiên cơ. Trong văn tự mà Thần truyền thì khắp mọi chỗ đều là triển hiện thiên đạo cho con người cũng như ám thị cho con người thiên cơ ẩn ý từ Thần, chỉ là xem con người có thể suy nghĩ sâu thêm hay không, có thể ngộ ra được hay không. Nếu ngộ

ra được thì mỗi một Hán tự đều là một chiếc thang bắc lên trời, còn nếu không ngộ ra được thì Hán tự chỉ là một loại công cụ văn tự có mang hình-âm-nghĩa mà thôi.

Con người là vạn vật chi linh, ⁶ là vì con người có thể lĩnh ngộ được thiên cơ, có thể không ngừng nâng cao bản thân để đạt đến thiên đạo. Nếu không, con người cùng lắm cũng chỉ là một sinh vật trong vạn vật, chỉ là một con cò trong ván cò của thần Thời Gian mà thôi. Như thế con người há chẳng phải đáng thương lắm hay sao?

6. Cửu Số

Cửu số chỉ chín chương toán thuật, bao gồm Phương điền 方田, Túc mễ 粟米, Sai phân 差分, Thiểu quảng 少廣, Thương công 商功, Quân đầu 均輸, Phương trình 方程, Doanh bất túc 盈不足, Bàng yếu 徬要, là chín loại phương pháp giải quyết vấn đề trong số học.

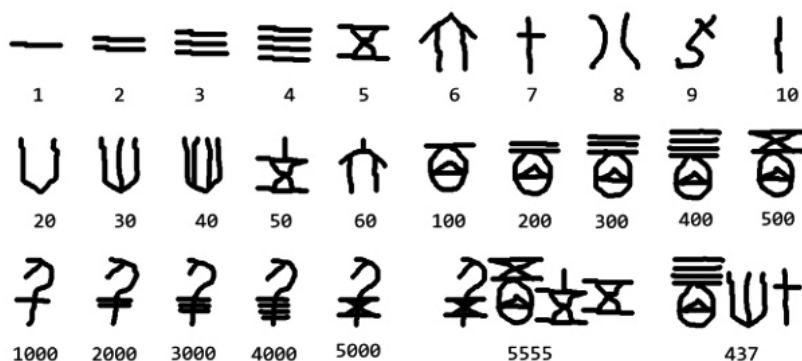
Học toán như thế nào mới đạt đến thiên đạo?

Chúng ta hãy lấy ví dụ về việc đếm số. Chúng ta đếm từ 1 đến 10, rồi từ 11 đến 20, từ 21 đến 30... kỳ thực chính là đếm từ 1 đến 10, rồi lại từ 1 đến 10, rồi lại từ 1 đến 10 nữa, cứ tuần hoàn lặp lại, tuần hoàn lặp lại như vậy cho đến vô cực. Câu mà Hứa Thận viết trong “Thuyết Văn Giải Tự” rằng “Thập, số chi chung dã” (số 10 cũng là số cuối cùng) đã khái quát cho chúng ta quy luật này. Đếm số vì sao lại đếm như thế?

Bởi vì đạo của trời đất là như thế, người xưa chẳng qua chỉ

6 - Vạn vật chi linh: Những sinh mệnh có linh tính nhất trong vạn vật.

là tuân theo thiên đạo để hành sự mà thôi. Sự vận hành của mặt trời và mặt trăng, sự lưu chuyển của bốn mùa, sự biến đổi của ngày và đêm, thảo mộc tươi tốt rồi khô héo, việc thay triều đổi đại, thế sự hưng suy, vân vân và vân vân, tất cả đều đến cực hạn rồi quay lại, tuần hoàn lặp lại, hết một vòng là lại quay trở về đầu như vậy. Ngay cả cách gieo vãi bằng trắc trong thơ cũng như thế.



Hệ thống chữ số tập lệnh xương Oracle. (Nguồn: Wikipedia)

Trong “Chu dịch – Hệ Từ Thượng” có câu: “Hình nhi thượng giả vị chi Đạo”⁷, theo các môn, các phái mà thực hành đi lên, thì đều có thể đạt được một điểm căn bản chung là Đạo, Vô cực, Thái cực cho đến đặc tính Chân Thiện Nhân của Vũ trụ. Đây chính là đạo lý, rằng các môn học khác nhau đi

7- “Hình nhi thượng giả vị chi Đạo, Hình nhi hạ giả vị chi khí.” Hai câu này trong lịch sử có nhiều cách lý giải khác nhau, quý độc giả có thể tự tìm hiểu thêm. Cách lý giải của người dịch là: Từ thế giới hữu hình này, có thể lấy đó làm môi trường tu luyện để ngộ lên trên thì đó chính là đang hướng về Đạo; còn nếu dúi vào đó, chấp mê vào thế giới hữu hình này thì chỉ là thứ tâm thường, Khí.

theo các con đường khác nhau nhưng đều hướng chung về một đích.

Các phép giải trong toán học như công thức, định lý, hệ phương trình v.v., nhìn bề mặt thì chỉ là những ký hiệu trừu tượng hay những trình bày lý luận, nhưng kỳ thực nó đều là thể hiện một cách khái quát về bản chất của các sự vật cùng loại, là quy luật chung mà các sự vật cùng loại tuân theo, là thể hiện của chân lý tương đối của vũ trụ, cũng là cách thể hiện bằng ký hiệu hay sự mô tả theo cách đơn giản nhất của quy luật thiên đạo ⁸ Người học toán từ những định lý, công thức, phương trình... mà tìm tòi sâu hơn sẽ phát hiện rằng số học không hề khô khan mà ngược lại lại ý vị như thơ, cái nét ý vị này không có ngôn từ diễn đạt trọn vẹn hết, đẹp không tả xiết. Tính súc tích cực độ và đặc điểm bao la vô tận của toán học, nếu dùng cách nói “một định lý chính là một thể giới, một phương trình chính là một thiên quốc” để hình

8- Theo hiểu biết nông cạn của người dịch, có thể đưa ra các ví dụ như sau:

Công thức tính động năng của một vật là $\frac{1}{2}I\omega^2$. hoặc là $\frac{1}{2}mv^2$.

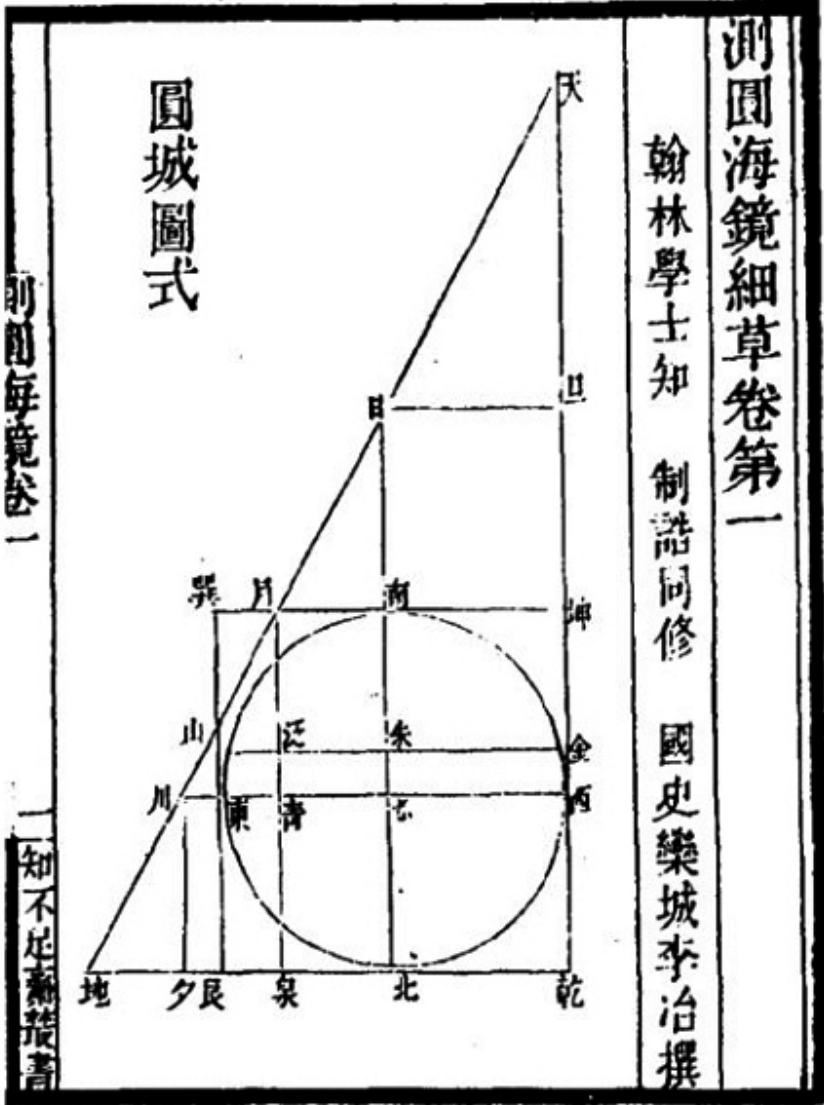
Công thức tính năng lượng trữ trong cuộn cảm là: công thức tính động năng của một vật là $\frac{1}{2}Li^2$.

Công thức tính năng lượng trữ trong tụ điện là: công thức tính động năng của một vật là $\frac{1}{2}CU^2$.

Công thức tính thế năng của lò xo là: công thức tính động năng của một vật là $\frac{1}{2}kx^2$.

Các công thức trên đều rất tương tự nhau, các sự vật tưởng chừng khác nhau rất nhiều nhưng qua công thức tương tự thì có thể thấy bản chất của chúng có tính tương tự.

dung thì cũng không có gì là thái quá.



Đường tròn nội tiếp của Li Ye trong tam giác: Sơ đồ một thị trấn tròn. (Nguồn: Wikipedia)

Sự huyền diệu huyền áo của vũ trụ, huyền cơ của thiên đạo đều ẩn bên trong vạn sự vạn vật. Mỗi một loại hiện tượng trong toán học đều hàm chứa thiên cơ, khi học sâu vào ngộ ra được đạo lý sẽ cảm thấy mỹ diệu vô cùng; còn nếu như người học chỉ học ở bề mặt, không có đào sâu thêm ý tứ bên trong thì sẽ thấy toán học quả thực là nhạt nhẽo, vô vị. Thử hỏi cả người dạy và người học toán học số học ngày nay có thể giảng, học và ngộ được vậy không?

LỜI KẾT

Về nội hàm và ẩn ý sâu xa cũng như những điều huyền diệu của lục nghệ, chúng tôi xin chỉ giới thiệu một cách đơn giản đến đây. Thoạt nhìn thì thấy chúng ta chỉ nói về lục nghệ, nhưng xét từ lục nghệ tổng quan cho đến những chỗ uyên thâm của lục nghệ thì mọi người sẽ phát hiện rằng những nguyên lý sâu xa ẩn sau sáu chủng tri thức và kỹ thuật này có sự nhất quán và tương thông với nhau. Lục nghệ vốn bắt đầu từ thiên đạo, người học lục nghệ nếu tuân theo [nguyên lý] của lục nghệ mà làm thì sẽ thăng hoa đạt đến thiên đạo. Giống như một ngọn núi lớn có sáu con đường đại đạo để lên núi, từ các hướng khác nhau, từ các đường khác nhau mà leo núi thì cuối cùng vẫn quy về cùng một chỗ [là đỉnh núi]. Trăm sông cùng đổ về một biển. Bởi vì các con đường khác nhau vốn từ cùng một điểm xuất phát mà ra, nên khi ta đi từ điểm cuối mà quay ngược trở về, thì tự nhiên sẽ quay về cùng một chỗ.

Kỳ thực, đâu chỉ là lục nghệ mà mỗi một ngọn cỏ, mỗi một nhánh hoa, mỗi một cái cây, mỗi một hòn đá, vạn sự vạn vật trên thế gian này bên trong đều hàm chứa thiên đạo. Tất cả đều có thể giúp chúng ta ngộ đạo, tất cả đều là con đường để

nhân loại quay trở về với thiên quốc [của mình]. Thần Phật vốn từ bi, lúc ban sơ khi tạo ra vạn sự vạn vật thì Thần đã ẩn thiên đạo huyền cơ vào trong đó, mục đích là khai sáng phương tiện để thế nhân sau này tại các ngành, các nghề khác nhau vào mọi lúc, mọi nơi đều có thể ngộ ra [thiên đạo] để quay về thiên quốc. Nếu như thế nhân chấp mê bất ngộ, không biết được đường về thiên quốc thì chính là đang khăng khăng tiến vào địa ngục một cách bất tri bất giác.

Hỡi thế nhân! Xin đừng cô phụ sự từ bi và dụng tâm của Thần Phật, cũng đừng cô phụ sự chờ đợi và kêu gọi từ hàng nghìn năm của thiên thượng. Cơ hội không nên để tuột mất, thời gian cũng sẽ không quay trở lại⁹. Hãy quay về thôi! Bể khổ vô biên, quay đầu là bờ!

HẾT

Theo Chánh Kiến
Thanh Ngọc tổng hợp

Ghi chú: Tổng hợp từ loạt bài “Khám phá Lục Nghệ” của tác giả Trọc Thế Thanh Liên, đăng trên chanhkien.org. Link đầy đủ có tại: <https://chanhkien.org/2021/02/tim-hieu-luc-nghe-phan-1.html>

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YỂM TRỢ
Tập San Thế Đạo - Bản Tin Thế Đạo
www.banthedao.net &
www.banthedaohaingoi.org

9- Nguyên văn: Cơ bất khả thất, thời bất tái lai



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PO Box 21577, San Jose, CA 95151

QS Nguyễn Ngọc Dũ

ĐT: (408) 892-8920 (Xin nhấn máy)

Email: banthedao@comcast.net

II- Ban Đại Diện BTĐHN @ Bắc CA - Hoa Kỳ

*- **Trưởng Ban:** HT Nguyễn Đăng Khích

ĐT: (408)823-6044 Email: tnnkd4@gmail.com

III- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Ohio - Hoa Kỳ

*- HT Nguyễn Ân Hồng **ĐT:** (937) 416-6519

Email: zthienan@yahoo.com

IV- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Tennessee - Hoa Kỳ

*- HT Huỳnh Văn Bớt **ĐT:** (270) 725-7373

Email: bothuynhusa@yahoo.com

V- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Alabama - Hoa Kỳ

*- HT Lê Thành Hưng **ĐT:** (256) 617-2595

Email: lethanhhung1942@yahoo.com

VI- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Georgia - Hoa Kỳ

*- HT Võ Ngọc Độ **ĐT:** (770)377-9264

Email: usv_markdovo@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Úc Châu

*- HT Nguyễn Bán: **ĐT:** +61 4 0679 7993

Email: banthuy@icloud.com

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI

Danh sách yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại
từ ngày 21-6-2022 đến ngày 15-9-2022

STT	Đồng đạo - Cơ Sở - Thân hữu	US\$
I*- Yểm Trợ TSTD		
01	CTS Cao Hòa Thuận, San Diego CA	50.00
02	CTS Mai Văn Liêm, Arlington TX	20.00
03	CTS Võ Văn Thanh, La Mesa CA	50.00
04	DLT Collision & Service Center San Jose, CA	200.00
05	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo CA	40.00
06	HT Huỳnh Văn Bót, Antioch TN	140.00
07	HT Lê Thị Thu Vân, Madison AL	940.00
08	HT Lê Thành Hưng, Madison AL	40.00
09	HT Lê Thị Huệ Hương, Allen TX	40.00
10	HT Phan Kỷ Niệm, Lawrenceville GA	30.00
11	HT Trần Thị Kim Phụng, Plano TX	100.00
12	HT Trần Văn Lào, Huntington Beach CA	50.00
13	Khiết Trần, DDS San Jose CA	200.00
14	Lê Văn Be, Grand Pririe TX	50.00
15	Lê Văn Hưng, Dayton OH	100.00
16	Lưu Hữu Hạnh, San Jose CA	50.00
17	Lưu Quốc Minh, Holiday FL	30.00
18	Ngô Thị Quân, Salt Lake City UT	100.00
19	Nguyễn Ngọc Sương, Ontario CA	50.00
20	Nguyễn Thành Bá, Austria	50.00
21	Nguyễn Vạn Năng, San Jose CA	20.00

22 Nguyễn Xuân Thu, San Jose CA	20.00
23 San Antonio Temple of TX	400.00
24 Tiffany Nguyễn, San Jose CA	50.00
25 Trường Nguyễn DDS & Huệ Tô DDS San Jose, CA	200.00

Cộng (1): 3020.00

II- In Kinh Sách

01 Dương Hoàng Điệp, German Town, TN . . .	100.00
02 Hoàng Văn Viên, Honolulu HI.	100.00
03 Huỳnh Văn Nhứt, Renton TX	100.00
04 Mai Thị Ceary, Mc Kinney TX	50.00
05 Nguyễn Thị Dinh, Houston TX	200.00
06 Đoàn Văn Giáp, Lake City GA	50.00
07 PTS Châu Văn Kính, Atlanta GA.	50.00

Cộng (2): 650.00

III- Niên Liễm

01 HT Cao Văn Triết, Allen TX	60.00
02 HT Hồ Văn Tri, Carrollton TX	60.00
03 HT Huỳnh Văn Bớt, Antioch TN.	60.00
04 HT Lê Thành Hưng, Madison TN	60.00
05 HT Lê Thị Thu Vân, Madison TN	60.00

Cộng (3); 300.00

Tổng cộng số tiền yểm trợ BTĐHN từ ngày 21-6-2022 đến ngày 15-9-2022 là Ba ngàn chín trăm bảy mươi đô la (US\$ 3,970.00).

San Jose, ngày 15-9-2022

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PHÂN ƯU



Chúng tôi nhận được tin buồn:

Hiền Tài
NGUYỄN KIM HUÊ
(Hiền Tài khóa 3 - Năm Canh Tuất 1970)

Đã quy vị vào lúc 11G50 ngày 30-8 -2022 (nhằm ngày
mùng 4 tháng 8 năm Nhâm Dần) tại Sài Gòn - Việt Nam

Hưởng trung thọ 78 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia đình cố Hiền Tài
Nguyễn Kim Huê và tang gia hiếu quyến

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho chơn linh cố
Hiền Tài Nguyễn Kim Huê dục tấn trên cõi Thiêng Liêng
Hàng Sống .

Thành kính phân ưu

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Hệ thống truyền thông BTĐHN

SINH HOẠT ĐẠO SỰ THÁNH THẮT GEORGIA

MỘT CHUYẾN ĐI THĂM...

(Biên soạn: HT Võ Ngọc Độ)

Chúng tôi là:

* CTS Nguyễn Hữu Trường, TS Trần Quang Sang, TS Nguyễn Văn Chương Đại diện BTS và đồng đạo Thánh Thất Atlanta Georgia

* HT Võ Ngọc Độ Đại diện BTĐHN Tiểu bang Georgia, Đại diện BQN/BTĐHN.

Mặc dầu công việc bề bộn, nhưng anh em cũng cố gắng thu xếp để có một chuyến đi thăm người bạn là HH HT Lê Thành Hưng đã lao đao trong cơn bạo bệnh mấy tháng nay...ở thành phố Madison tiểu bang Alabama.

Sáng Chủ nhật ngày 31 tháng 7 năm 2022, chúng tôi thực hiện chuyến đi khoảng trên dưới 4 tiếng rưỡi lái xe, xuất phát từ Thánh Thất Cao Đài Georgia lúc 8:11 am, Thông sự Trần Quang Sang, Thông Sự Nguyễn Văn Chương thay phiên lái xe. Trời hôm nay rất đẹp, không nắng gắt hay mưa nhiều như mấy ngày trước đây. Chúng tôi không báo trước cho Hiền huynh HT Lê Thành Hưng hay bất cứ ai trong gia đình vì sợ làm phiền phải chuẩn bị tiếp đón ...

Được biết Anh Hưng sức khỏe yếu, phải nhập viện nhiều lần, nghe gia đình kể lại, bác sĩ cho biết cần xét nghiệm thêm nữa để tìm và trị bệnh.

Hai bên đường đi rất đẹp mắt, nào là đậu phộng đang mùa kết trái, bát ngát xanh rì và thẳng tắp chen lẫn đồi núi chập chùng liên tiếp, làm mình lại nhớ đến cảnh miền Trung ở quê nhà !

HT Lê Thành Hưng là người có tâm Đạo, rất thông cảm với nỗi khó khăn về tình hình đạo sự ở Thánh Thất Atlanta trước đây trong việc xây dựng, và cũng tận tình đồng viên nhau để xây dựng lại từ đầu... Kết quả đã hoàn mãn, Thánh Thất đã khánh thành và thiết lễ An Vị Thánh Tượng Thiên Nhân cách đây 3 tháng... Ngoài anh chị Hưng ra, các cháu Lê Thị Hồng Hạnh, HT Lê Thanh Sơn, HT Lê Thị Thu Vân là con của anh chị rất là dễ thương, và ngoan Đạo...

Bốn anh em chúng tôi đến nhà anh Hưng khoảng 12 giờ 30 trưa. Bất ngờ.. Thu Vân mời chúng tôi vào nhà.. Anh Hưng đi xe lăn ra...anh rất vui mừng, cảm động tay hơi run run chào từng người, không sao dấu đôi mắt đang ngấn lệ... Phần chúng tôi cũng rất mừng khi thấy anh đang có dấu hiệu hồi phục dần dần...

Cùng tâm sự trao đổi cho nhau nỗi buồn rầu lo lắng của chị Hưng cùng các cháu cho chồng cho cha, đôi lúc tia hy vọng như muốn tắt liệm ! Còn những người đến thăm anh như chúng tôi, trải hết tình cảm với HH HT Hưng người bạn Đạo, là thành viên trong BQN BTĐ HN, là bạn cựu quân nhân QLVNCH.

Sau khi dùng bữa cơm thân mật do anh chị Hưng và vợ chồng cháu Thu Vân và cháu Lê Thị Hồng Hạnh mời. Đến 2:30 pm chúng tôi không quên viếng vườn rau của anh chị. Trời đã về chiều.. đành phải chia tay trong nỗi mừng vui luyến tiếc !... Một lần nữa, xin đại diện cho BQN BTĐ HN và Bàn Trị Sự cùng đồng đạo Thánh Thất Atlanta GA cũng như cá nhân. Kính chúc HH HT Lê Thành Hưng chóng bình phục và nguyện cầu Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho HH cùng gia quyến...

Sau đây là vài hình ảnh ghi nhận



Từ trái: HT Võ Ngọc Độ, HT Lê Thành Hưng, Chị Lê Thành Hưng, CTS Nguyễn Hữu Trường, TS Trần Quang Sang, TS Nguyễn Văn Chương



Từ trái: TS Trần Quang Sang, HT Lê Thành Hưng, HT Võ Ngọc Độ, CTS Nguyễn Hữu Trường, TS Nguyễn Văn Chương



Dùng cơm thân mật với anh chi HT Hưng



HT Võ Ngọc Độ & HT Lê Thành Hưng



Từ trái: HT Lê Thị Thu Vân, HT Võ Ngọc Độ TS Trần Quang Sang, HT Lê Thành Hưng, Chị Lê Thành Hưng, CTS Nguyễn Hữu Trường, TS Nguyễn Văn Chương.

II- SINH HOẠT ĐẠO SỰ THÁNH THẮT NASHVILLE TENNESSEE

Đông Đạo Thánh Thất Nashville TN thăm viếng Hiền Tài Lê Thành Hưng Tiểu Bang Alabama

Sau chuyến đi thăm của phái đoàn Thánh Thất GA nêu trên vào ngày Chủ Nhật 14-8-2022 một Phái đoàn của Thánh Thất Cao Đài Nashville Tennessee cũng đã được tổ chức đi thăm HT Lê Thành Hưng ở tại thành phố Madison tiểu bang Alabama, cách Thánh Thất Nashville TN khoảng 2 tiếng rưỡi lái xe.

Phái đoàn gồm có HT Huỳnh Văn Bớt Cố Vấn Hương Đạo Nashville TN, CTS Sinh Cẩm Minh Đầu Hương Đạo cùng với 2 vị đạo hữu là Nguyễn Thị Tuyết và Nguyễn Thị Nôi.

Chuyến đi được bắt đầu từ 12.30 PM tại nhà HT Bớt. Nhân dịp ngồi chung xe, mãi mê bàn về đạo sự do đó khi đến nơi cũng không hay sao đi quá nhanh. Chúng tôi đã đến nhà HT Hưng vào lúc 15.10 PM và đã được gia đình HT Hưng đón tiếp niềm nở.



Sau một khoảng thời gian ngắn ngồi nghỉ và uống trà nước sau chuyến đi dài nóng bức chúng tôi đã được gia đình HT Hưng đãi một bữa cơm chay đậm bạc và trong cuộc trò chuyện thăm hỏi chúng tôi được biết HT Hưng vừa phải trải qua một cuộc giải phẫu.

Nắng chiều Alabama dịu lại và tất cả đều ra vườn sau nhà để xem cây trái bông hoa do HH Hưng và hiền tử chăm sóc. Hàng ngày HH Hưng ra ngoài vườn ngồi dưới giàn khổ qua mát mẻ và đây cũng là cách để thư giãn lúc tuổi xế chiều.

Đến 19.30 PM sau khi dùng cơm tối xong chúng tôi lưu luyến chia tay và đoàn Tennessee về lại Tennessee, đến Tennessee vào lúc 22.30 PM.



Trong thời gian đi thăm HT Hưng cũng như những lúc được tin HT Hưng bị bệnh, chúng tôi cũng thường xuyên cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho HT Hưng được sớm hồi phục .





Chuyến đi thăm HT Hưng rất có ý nghĩa dù 2 nơi cách xa nhau nhưng cũng tạo được sự đoàn kết, thương yêu nhau qua cử chỉ, hành động. Nghĩa cử người đau già yếu thăm người bệnh vượt hàng trăm miles chứng tỏ tình bạn đạo không có gì so sánh và thay thế được. Đây cũng là một cách chúng ta thực hiện sự thương yêu không phải chỉ bằng lời nói ba hoa, rỗng tuếch mà bằng những việc làm thiết thực, đơn giản phát xuất từ con tim của chúng ta theo lời dạy của Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng, các vị Chức Sắc Tiên Khai về Thương Yêu và chỉ có Thương Yêu thật sự của mọi người với nhau mới tạo được Thiên Đường tại thế.

(Ghi nhanh: HT Huỳnh Văn Bót)

LIÊN LẠC BTĐHN

Email: bantthedao@comcast.net

tnndk4@gmail.com

Bưu điện: Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PO Box 21577, San Jose CA 95151

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
Cửu Thập Thất Niên
THÁNH THẮT CAO ĐÀI SAN ANTONIO

TÂM THƯ

Kính Gửi;

- Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- Các Thánh Thất Cao Đài tại Hải Ngoại
- Quý Đồng Đạo, quý Đồng Hương
- Quý Mạnh Thường Quân và Thương Gia

Kính thưa quý vị,

Thánh Thất San Antonio cũ xuống cấp trầm trọng, mỗi khi mưa bị dột ướt, nền Thánh Thất bị hư hại hoàn toàn, không thể sửa chữa được. Thêm vào đó, cũng với sự phát triển, đồng Đạo càng ngày càng đông, khi dự đàn cúng không đủ chỗ để hành lễ.

Với quyết tâm xây dựng nơi thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng khô ráo sạch sẽ, Ban Trị Sự và đồng Đạo chúng tôi cùng chung quyết định : Xây dựng lại nơi thờ phượng Đức Chí Tôn, thay thế cho Thánh Thất cũ. Công trình xây dựng mới bước đầu và hiện đang tiếp tục ...

Kính thưa quý vị,

Công trình xây dựng dự trù tuy khiêm tốn, nhưng đối với Ban Trị Sự và Đồng Đạo chúng tôi thật khó khăn, phải cố gắng hết sức và hơn bao giờ hết rất cần sự tiếp tay ủng hộ của quý Cơ Sở Đạo cùng Đồng Đạo Hải Ngoại khắp nơi mới mong hoàn thành.

Vì vậy, chúng tôi kính gửi Tâm Thư này đến quý lãnh đạo Cơ Sở Đạo, Đồng Môn, Đồng Hương cùng quý Mạnh Thường Quân hỗ trợ về mọi mặt, tinh thần lẫn vật chất, hầu giúp chúng tôi hoàn thành ước nguyện, có nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng được khang trang và lịch duyệt hơn trước. Đó cũng là niềm hãnh diện chung cho toàn tín đồ và Đạo Cao Đài nơi hải ngoại.

Chúng tôi luôn cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng ban ân lành cho quý vị dồi dào sức khỏe và thân tâm an lạc.

Trân trọng kính chào quý vị.

*Mọi đóng góp đều được trừ thuế San Antonio, ngày 5 tháng 4 Nhâm Dần (05/5/22)
Thư từ Chi phiếu xin gửi: TM Ban Trị Sự và Đồng Đạo Thánh Thất San Antonio

CAODAI Temple of San Antonio
P.O. Box 34742
San Antonio TX 78256

Liên lạc: Xuân Nguyễn: 210-548-0303

Đệ Lâm : 210-722-3135

CHÁNH TRỊ SỰ


Nguyễn Thanh Xuân



VÀI HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THÁNH
THẤT SAN ANTONIO TX ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN







THIÊN CHÚA GIÁO **(Khảo luận của Đức Nguyên)**

- * Tổng quát về lịch sử Thiên Chúa Giáo.
 - * Tổ chức Giáo Hội.
 - * Cộng Đồng Vatican II.
 - * Giáo lý và các Điều Răn.
 - * Các phép Bí tích.
 - * Các Dòng tu.
 - * Hai Chi phái lớn.
- * Thiên Chúa Giáo tại Việt Nam.
 - * Tiểu sử Đức Chúa Jêsus.

* * *

Thiên Chúa là Đức Chúa Trời, tức là Đấng làm vua cõi Trời, Đấng đã tạo dựng ra CKVT và vạn vật, mà Đạo Cao Đài gọi là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Thiên Chúa Giáo là đạo thờ Đức Chúa Trời.

Thiên Chúa Giáo do Đức Chúa Jêsus Christ mở ra tại nước Do Thái cách nay gần 2000 năm, nên còn được gọi là đạo Gia-tô (Da-tô) hay đạo Ky-tô, đạo Cơ-đốc, cũng thường được gọi là đạo Thiên Chúa hay Thiên Chúa giáo.

(Chữ Jêsus phiên âm là : Giê-xu, hay Gia-tô (Da-tô); chữ Christ phiên âm là Ki-tô hay Cơ-đốc).

Khi đạo Thiên Chúa bị phân chia ra làm nhiều Giáo hội thì người ta dùng từ ngữ Công giáo để chỉ Giáo hội La-Mã (Roma), phân biệt với các Giáo hội khác.

“ **Công giáo (Catholicisme)** là từ ngữ có nguồn gốc Hy Lạp : Katholicos, có nghĩa là Phổ quát (Universel), để chỉ rằng Thiên Chúa giáo là một tôn giáo phổ quát cho tất cả mọi người, mọi dân tộc.

Lúc đầu, Công giáo là một tính từ để chỉ một đức tính của Thiên Chúa giáo là đạo phổ quát. Trong Kinh Tin Kính được soạn thảo ở Công Đồng Nicéa I (năm 351) mà ngày nay Giáo hội Chính Thống cũng như Giáo hội Công giáo đều tuyên xưng : “Tôi tin Giáo hội duy nhất, Thánh thiện, công giáo và tông truyền.”

Công giáo được truyền sang Việt Nam từ đầu thế kỷ 17. Các vua quan thời nhà Lê gọi Công giáo là Hoa Lang giáo (tức là đạo của người Bồ Đào Nha, đạo của người Châu Âu). Dưới thời nhà Nguyễn, Công giáo được gọi là đạo Da-Tô (cũng viết là Gia Tô), có khi cũng gọi là đạo Cơ-Độc.

Trong Hòa Ước ký kết giữa nước Pháp và Triều đình vua Tự Đức ngày 15-3-1874, lần đầu tiên cụm từ Thiên Chúa giáo được sử dụng.

Thiên Chúa giáo là tôn giáo thờ Đấng Thiên Chúa, tức là Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo dựng, Đấng Tối Cao. Người Hồi giáo cũng thờ Đấng Alla là Đấng Tạo dựng, Đấng Tối Cao.

Vậy nếu gọi một thành phần của đạo Ky-tô là Công giáo (Giáo hội Công giáo) và người Công giáo thì cũng để chỉ nói rằng, Công giáo là đạo của mọi người, cho mọi dân tộc, chứ không riêng gì cho một chủng tộc hay một quốc gia nào, như Thần đạo là đạo của người Nhật, chứ Công giáo không hề có nghĩa là đạo Công như trường Công, hoặc là

đạo được chính thức nhìn nhận như một Quốc đạo.” (Trích trong quyển Công giáo VN qua quá trình 50 năm : 1945 - 1995)

I. Tổng quát về Lịch sử của Thiên Chúa giáo:

Thiên Chúa giáo do Đức Chúa Jésus Christ mở ra tại xứ Galilée nước Do Thái, dưới thời vua Hérode.

Đức Chúa Jésus khởi đầu giảng đạo vào năm Ngài 30 tuổi. Ngài thân nhận 12 môn đệ, giảng đạo được 3 năm, bị Thầy Cả giáo phẩm đạo Do Thái tên là Cai-phe, hợp tác với chánh quyền thời đó là quan Tổng Đốc Pilate bắt giữ và giết chết Đức Chúa Jésus bằng cách đóng đinh tay và chân căng trên Thập tự giá.

Năm Đức Chúa Jésus giảng sinh được qui định làm năm khởi đầu cho kỷ nguyên Tây lịch (Đương lịch).

Đạo Thiên Chúa hình thành dựa trên cơ sở Kinh Thánh Cựu Ước của đạo Do Thái. Đạo Thiên Chúa giữ nguyên phần Giáo lý cơ bản và tín điều của đạo Do Thái, nhìn nhận những điều chép trong Kinh Thánh Cựu Ước là đúng. Như thế, chúng ta có thể xem, Thiên Chúa giáo nối tiếp, chấn hưng và phát triển Do Thái giáo.

. **Thế kỷ thứ 1**, Thiên Chúa giáo bị nhà cầm quyền cấm đoán và hàng lãnh đạo Do Thái giáo đồ kỵ, nên Thiên Chúa giáo chỉ truyền đạo hạn hẹp trong giới bình dân và giới nô lệ nghèo khổ. Các sinh hoạt của Thiên Chúa giáo phải núp dưới bóng đạo Do Thái thì mới được an ổn.

Khoảng năm 60, nhiều vị Thánh Tông đồ bị nhà cầm quyền sát hại, trong đó có 2 vị : Phao-lô và Phê-rô (Pierre) bị sát

hại tại La Mã (Rome). Thánh Phê-rô bị giết chết bằng cách đóng đinh trên Thập tự giá nhưng đầu bị quay ngược xuống đất.

. **Thế kỷ thứ 2**, Thiên Chúa giáo được nhiều người tin theo, đào tạo được một số Giáo sĩ chuyên nghiệp, khởi đầu hình thành Giáo hội.

. **Thế kỷ thứ 3**, Thiên Chúa giáo phát triển khá hơn, nhiều người giàu và có thế lực tin theo đạo. Chánh quyền Đế quốc La Mã cũng bắt đầu thay đổi thái độ, từ chỗ cấm đạo, chuyển sang ủng hộ và tạo điều kiện cho Thiên Chúa giáo phát triển, để ổn định trật tự xã hội, và củng cố Đế quyền. Triều đại vua Diocletien (258-305) bãi bỏ lệnh cấm đạo Thiên Chúa.

Năm 313, Hoàng đế Constantin (270-337) ra sắc chỉ nhìn nhận Thiên Chúa giáo là Quốc đạo của Đế quốc La Mã, trả lại những tài sản của Giáo hội đã bị tịch thu trước kia. Hoàng đế Constantin lại cho xây dựng một thủ đô mới của Đế quốc La Mã tại thành phố Byzance của Thổ Nhĩ Kỳ, đổi tên là Constantinople (ngày nay là Istanbul, một thành phố hải cảng lớn của Thổ Nhĩ Kỳ).

Và như thế, Thiên Chúa giáo có 2 trung tâm lớn : một ở tại Roma (La Mã), một ở Constantinople. Trụ sở của Giáo Hội và Giáo Hoàng đặt tại La Mã.

. **Đầu thế kỷ thứ 9**, Giáo Hội Thiên Chúa giáo ủng hộ vua Charlemagne, Hoàng đế xứ Thổ Nhĩ Kỳ, kéo quân đến thành La Mã trừng trị những kẻ chống đối Giáo hội. Giáo Hoàng Léon III phong vua Charlemagne làm Hoàng đế của Đế quốc La Mã.

Tại Constantinople, các Giáo sĩ thành lập Giáo hội, gọi là Giáo hội Đông của Thiên Chúa giáo, và gọi Giáo hội tại La Mã là Giáo hội Tây. Đứng đầu Giáo hội Tây là Giáo Hoàng La Mã, và đứng đầu Giáo hội Đông là Thượng Phụ Giáo chủ.

. **Thế kỷ thứ 11**, năm 1054, sứ giả của Giáo hội La Mã đến đặt lên bàn thờ tại Thánh đường Santa Sophia ở Constantinople của Giáo hội Đông, một Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng, cắt đứt quan hệ với Giáo hội Đông, và phạt vạ Thượng Phụ Giáo chủ.

Lúc đó, Thượng Phụ Giáo chủ là Mi-ca-e liên triệu tập Giáo hội Đông, trả đũa lại, bằng cách tuyên bố tuyệt giao với Giáo hội La Mã và phạt vạ Giáo Hoàng.

Từ sự kiện này, Giáo hội Đông thành lập Chính Thống giáo (Orthodoxie), với ý nghĩa là đạo được chánh truyền chứ không phải là Tà đạo như chỉ trích của Giáo Hoàng. (Xem phía sau : Các Chi phái lớn của Thiên Chúa giáo).

. **Thế kỷ 12 và 13**, dưới thời 2 vị Giáo Hoàng: Grégoire VII (1073-1085) và Innocent (1198-1216), thế lực của Giáo hội La Mã rất mạnh, khiến các vua chúa các nước phải tùng phục Giáo Hoàng. Giáo Hoàng có quyền phong vương và ban vương miện cho các Hoàng đế.

Trong 2 thế kỷ 12 và 13, Giáo hội La Mã hợp lực với các Hoàng đế ở Châu Âu, mở ra 7 cuộc Thánh chiến, kéo dài 175 năm, từ năm 1096 đến năm 1270, đánh với quân của Hồi giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng không mang lại chiến thắng nào, phải rút quân về. Số người chết trong 7 cuộc Thánh chiến ấy rất nhiều.

Cũng rong thời Trung cổ này, vào năm 1184, Giáo Hoàng Licius ban sắc chỉ cho các Giám Mục được lập các Tòa án Tôn giáo tại Địa Phận để xét xử những người phạm tội không tin phục theo Giáo hội. Các Tòa án này đã giết chết rất dã man và rất oan uổng biết bao nhiêu người không theo Giáo hội La Mã.

. Vào thế kỷ thứ 16, năm 1517, Ông Martin Luther người Đức, một Linh Mục của Giáo hội La Mã, công bố “95 Luận đề” cải cách toàn bộ Thiên Chúa giáo, tại nhà thờ Wittenberg nước Đức, được nhiều người ủng hộ. Đó là khởi điểm để mở ra đạo Tin Lành, biệt lập và chống đối Giáo hội La Mã.

Đức Giáo Hoàng La Mã gọi đạo Tin Lành là Lạc giáo, và những người theo đạo Tin Lành là Thệ phản.

. Thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, Giáo hội La Mã hợp tác chặt chẽ với các cường quốc Âu Châu, đem Thiên Chúa giáo truyền bá đến các nước thuộc địa ở Phi Châu, Á Châu, Mỹ Châu và Úc Châu. Do đó, Thiên Chúa giáo có rất đông tín đồ ở khắp nơi trên thế giới.

Theo thống kê của QUID năm 1995, tổng số tín đồ của Công giáo, Chính Thống giáo và đạo Tin Lành ở các Châu Lục như sau đây :

	Công Giáo	Chính Thống giáo	Tin lành
Châu Âu	285.500.000	35.000.000	73.500.000
Liên Xô cũ	54.140.000	92.300.000	
Châu Á	86.000.000	3.500.000	78.400.000
Châu Phi	88.900.000	27.100.000	82.900.000

Châu Mỹ	461.300.000	5.900.000	111.500.000
Châu Úc	7.000.000	600.000	7.300.000
Tổng cộng	928.500.000	164.500.000	363.300.000

II. Tổ chức Giáo hội:

A. Giáo Huấn :

Hàng Giáo phẩm của Thiên Chúa giáo gồm 5 cấp sau đây, tính từ trên xuống dưới :

1. Giáo Hoàng.
2. Hồng Y.
3. Tổng Giám Mục.
4. Giám Mục.
5. Linh Mục.

Phẩm thấp nhất là Linh Mục, được đào tạo đặc biệt trong các chủng viện và Đại chủng viện. Linh Mục được thọ phong bởi Sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng.

Linh Mục được thăng cấp dần dần lên Giám Mục, rồi lên Tổng Giám Mục, và Hồng Y.

Khi Đức Giáo Hoàng qui liễu, các vị Hồng Y trên toàn thế giới tập hợp lại thành Hồng Y Đoàn, để bầu ra một vị Hồng Y xứng đáng nhất vào chức vụ Giáo Hoàng, và Giáo Hoàng giữ mãi chức vụ này cho đến khi chết, mới được bầu vị khác lên nối tiếp điều hành Giáo Hội.

Đạo phục của Linh Mục, Giám Mục, Tổng Giám Mục đều là áo chùng đen dài tới chân.

Đạo phục của Hồng Y là áo chùng màu đỏ.

Đạo phục của Giáo Hoàng thì toàn màu trắng.

B. Tổ chức Giáo hội :

Giáo hội Thiên Chúa giáo, về phương diện hữu hình, là một hệ thống tổ chức từ địa phương đến trung ương, từ cá thể đến tổng thể, từ tập thể nhỏ đến tập thể lớn.

Trước hết là người tín đồ, gọi là Giáo hữu, Ky-tô hữu, Giáo dân, là người đã thọ lãnh phép Bí tích Rửa tội của Giáo Hội để trở thành Ky-tô hữu (Chrétien).

Nhiều Giáo hữu làm thành Giáo Họ, hay Họ Đạo (Chrétienté).

Nhiều Giáo Họ làm thành Giáo Xứ (Paroisse). Đứng đầu Giáo Xứ là một Linh Mục.

Nhiều Giáo Xứ làm thành Giáo Hạt (District). Đứng đầu Giáo Hạt là Linh Mục Hạt Trưởng.

Nhiều Giáo Hạt làm thành Giáo Phận hay Địa Phận (Diocèse). Đứng đầu Giáo Phận là một vị Giám Mục.

Nhiều Giáo Phận (Địa Phận) làm thành Tổng Giáo Phận (Archidiocèse) hay Giáo Tỉnh (Province ecclésiastique). Đứng đầu Tổng Giáo Phận là một vị Tổng Giám Mục.

Nhiều Giáo Tỉnh làm thành Giáo Hội Quốc Gia (Église Nationale), đứng đầu là Hội Đồng Giám Mục.

Nhiều Giáo Hội Quốc Gia làm thành Giáo Hội Hoàn Vũ (Eglise Universelle), đứng đầu là Đức Giáo Hoàng.

Theo Luật Giáo hội, chỉ có Giáo Xứ, Giáo Phận và Giáo Hội Hoàn Vũ là những cơ cấu tổ chức có thực quyền :

. **Linh Mục Chánh Xứ** có quyền trong Giáo Xứ của mình, do Giám Mục ban.

. **Giám Mục** hiệp thông với Đức Giáo Hoàng, có quyền trong Giáo Phận, do kế nghiệp của Thánh Tông Đồ.

. **Đức Giáo Hoàng** (thường gọi là Đức Thánh Cha, Le Saint Père) có quyền trên Giáo Hội Hoàn Vũ, do quyền của Thánh Tông Đồ Phê-rô, đại diện Đức Chúa Jêsus ban cho.

. Còn Linh Mục Hạt Trưởng trong Giáo Hạt, Tổng Giám Mục trong Giáo Tỉnh, hay Hội Đồng Giám Mục, đối với các Giám Mục trong một nước, chỉ có quyền điều hợp.

a) Giáo Xứ :

Giáo Xứ là đơn vị thấp nhất có tư cách pháp nhân của Giáo Hội, có một vị Linh Mục Chánh Xứ đứng đầu.

Mỗi Giáo Xứ có thể được chia làm nhiều Họ Đạo, tùy theo số tín đồ cư ngụ trong khu vực. Mỗi Họ Đạo lập ra một ngôi Nhà Nguyện. Mỗi Giáo Xứ có một ngôi Nhà Thờ.

Giáo Hội La Mã Trung Ương đặc biệt quan tâm đến các Giáo Xứ, vì nó là nền tảng của Giáo Hội, và nơi đó diễn ra các sinh hoạt tín ngưỡng của Giáo dân, cũng là nơi có mối quan hệ chặt chẽ giữa Giáo quyền và Giáo dân.

Linh Mục Chánh Xứ có nhiệm vụ :

- Làm các phép Bí tích cho tín đồ (trừ 2 phép Bí Tích : Thêm Sức và Truyền Chức Thánh).
- Lập và lưu giữ các Sổ sách : Sổ Rửa tội, Sổ Hôn phối, Sổ Tử, và các loại Sổ sách khác.
- Cử hành các nghi lễ tôn giáo tại Nhà Thờ vào các ngày

Chúa nhật và các ngày lễ khác.

- Cử hành Lễ An táng, Lễ Hôn phối cho các tín đồ trong Xứ.
Trợ giúp cho Linh Mục Chánh Xứ có : Linh Mục Phó Xứ, các vị Phó Tế.

Nhiều Giáo Xứ kế cận kết hợp thành một Giáo Hạt, có một Linh Mục Hạt Trưởng cầm đầu.

Các Linh Mục Chánh Xứ, Phó Xứ, Linh Mục Hạt Trưởng đều do Giám Mục Địa Phận bổ nhiệm.

Giáo Hạt, Họ Đạo không có tư cách pháp nhân đối với Giáo Hội.

b) Giáo Phận (Địa Phận):

Nhiều Giáo Xứ (hoặc nhiều Giáo Hạt, nếu có tổ chức cấp Giáo Hạt), hợp lại thành một Giáo Phận, có một vị Giám Mục cầm đầu.

Giáo Phận là cấp hành chính chính thức của Giáo Hội, có tư cách pháp nhân, nên được gọi là Giáo Hội Riêng, trực thuộc Tòa Thánh Vatican về mọi phương diện. Việc thành lập hay bãi bỏ đều do Giáo Hội Trung Ương Tòa Thánh Vatican quyết định.

Theo Giáo Luật, quyền hành của Giám Mục rất rộng lớn, bao gồm quyền hành pháp, tư pháp, lập pháp, về phương diện tôn giáo trong Giáo Phận trách nhiệm.

Cụ thể, Giám Mục có quyền :

- Thành lập các Giáo Xứ, Giáo Hạt, bổ nhiệm các Linh Mục Hạt Trưởng, Linh Mục Chánh Xứ và Phó Xứ.
- Thường xuyên kinh lý các Giáo Xứ trong Giáo Phận.

- Báo cáo với Giáo Hoàng toàn bộ tình hình Đạo sự trong Giáo Phận hằng năm.

- Trong hạn 5 năm, phải có một lần đến La Mã để yết kiến Đức Giáo Hoàng, viếng mộ của 2 Thánh Tông Đồ Phê-rô và Phao-lô.

Linh Mục muốn được phong lên Giám Mục, Linh Mục phải có đủ 5 năm công nghiệp, có tài đức vượt trội, và có ít nhất 35 tuổi.

Việc phong chức Giám Mục do Tòa Thánh Vatican quyết định.

Trợ giúp Giám Mục có : Giám Mục Phó, Giám Mục Phụ Tá, Hội Đồng Tư Vấn, Hội Đồng Linh Mục.

Giám Mục làm việc tại Tòa Giám Mục.

c) Giáo Tỉnh :

Nhiều Giáo Phận trong một khu vực kết hợp thành Giáo Tỉnh, có một vị Tổng Giám Mục đứng đầu.

Giáo Tỉnh là một đơn vị lớn có tư cách pháp nhân trong Giáo Hội Thiên Chúa giáo.

Tổng Giám Mục có quyền :

- Chăm lo đức tin và kỷ luật của Giáo Hội.

- Kinh lý các Giáo Phận thuộc quyền.

- Đề cử bổ nhiệm Giám Mục của Giáo Phận khi chức vụ này bị khuyết.

Nhiều Giáo Tỉnh trong một nước hợp lại thành Giáo Hội Quốc gia. Đứng đầu Giáo hội Quốc gia là Hội Đồng Giám Mục. Giáo hội Quốc gia không có tư cách pháp nhân của

Giáo Hội, chỉ có quyền điều hợp các hoạt động trong tôn giáo mà thôi.

Hội Đồng Giám Mục của Giáo hội Quốc gia bàn thảo và quyết định đường hướng hoạt động của Giáo hội trong một nước.

d) Giáo triều La Mã & Nhà nước Vatican:

AA. Nguồn gốc của Roma và Vatican:

Tất cả những người Công giáo, khi đặt chân đến Roma (La Mã), đứng tại Quảng trường Thánh Phê-rô đều ý thức rằng mình đang ở tại Trung tâm của Giáo Hội.

Vatican (trong lòng thành phố Roma), trước hết là nơi mà Thánh Phê-rô Tông đồ đã chịu tử đạo, và cũng là nơi Đức Giáo Hoàng, người lãnh đạo Giáo Hội Công giáo, sống và làm việc.

Nhưng tại sao là Roma ? Tại sao là Vatican ?

1) Từ ngôi mộ của Thánh Phê-rô :

Trong giai đoạn khởi đầu của Thiên Chúa giáo, vào năm 49, đã có những người Thiên Chúa giáo sống tại Roma.

Thánh Phao-lô chỉ đến đây vào năm 61 khi bị cầm tù, những bức thư của Thánh Phao-lô gửi các tín hữu Roma đã được viết vào những năm 57-58. Cũng trong giai đoạn này, theo truyền thống, Thánh Phê-rô đến Roma, thủ đô của Đế quốc La Mã.

Đến năm 64, Hoàng đế Néron ra lệnh bắt bớ và tàn sát người Thiên Chúa giáo, và Thánh Phê-rô là một trong những nạn nhân nổi tiếng nhất.

Cuộc tử đạo của Thánh Phê-rô diễn ra tại một đầu trường dài 300 mét, do Hoàng đế Roma xây dựng tại một nơi nằm giữa đồi Vatican, một trong 8 ngọn đồi của Roma, ở bên bờ phải của sông Tibre. Thánh Phê-rô tử đạo trên Thập tự giá, bị đóng đinh đầu trở ngược xuống đất.

Không lâu sau đó, Thánh Phao-lô cũng chịu chung số phận khi đang đi trên đường Ostie. Nơi này ngày nay đã mọc lên một ngôi Thánh đường Thánh Phao-lô ngoại thành.

Được xem là cột trụ của Giáo Hội, mộ của Thánh Phê-rô và Thánh Phao-lô lúc nào cũng được các tín hữu tôn kính, dưới hình thức âm thầm lặng lẽ trong các thời kỳ bách hại và công khai kể từ triều đại của Hoàng đế Constantin. Chính vị vua này đã cho xây dựng vào khoảng năm 326 và 350, ngôi Đền Thờ đầu tiên, và vào thế kỷ thứ 16-17, được thay thế bằng ngôi Đền do Michei Ange vẽ kiểu, tồn tại đến ngày nay.

Nơi chịu tử đạo của vị đứng đầu các Thánh Tông đồ ở phía dưới Bàn thờ chính, do đó, nơi này được gọi là bàn thờ “Đức Tin” (Đức Tin vào Chúa Ky-tô).

2) Từ Đức Chúa Jésus đến Phê-rô và Giáo Hoàng:

Ngay từ buổi đầu của Thiên Chúa giáo, mộ Thánh Phê-rô đã trở nên điểm qui chiếu cho Giáo Hội và cho người coi sóc Giáo Hội.

Khoảng năm 180, Giám Mục Irénée, ở Lyon, liên kết các Giám Mục kế vị nơi Tòa Thánh Rôma với Thánh Phê-rô và cho rằng Thánh Phê-rô và các Giám Mục kế vị ở Rôma có quyền trên toàn thể Giáo Hội. Do đó, chính tại Giáo Hội Rôma, các vấn đề Giáo lý và Kỷ luật liên quan đến các Giáo

hội khác được giải quyết.

Đến đầu thế kỷ thứ 3, người ta cho rằng quyền bính của các Giám Mục Rôma là do những lời của Đức Chúa Jêsus nói với Thánh Tông đồ Phêrô :”Ngươi là đá và trên đá này, Ta sẽ xây Giáo Hội của Ta.”

Nhưng trong khi các Giáo hội Đông phương xem Giám Mục Rôma như là những người đứng đầu theo tước vị và danh dự, thì tại Tây phương, vào thời Trung cổ, Giám Mục Rôma càng ngày càng có nhiều quyền lực đến độ trở nên tương đương với một ông vua hay vị quốc trưởng đứng đầu các nước của Tòa Thánh (États pontificaux).

3) Từ các nước của Tòa Thánh:

Trải qua các thế kỷ, các nước của Tòa Thánh này được hình thành theo các biến cố chánh trị và là các món quà của các Hoàng đế và các vua.

Trong thời kỳ bách hại, các Giáo Hoàng cư ngụ trong thành Rôma, chưa có Tòa Thánh chánh thức.

Nhưng năm 313, Hoàng đế Constantin tặng cho Giáo Hoàng điện Latran và cho xây dựng nơi trại lính cũ một Vương Cung Thánh Đường Thánh Jean de Latran, mà ngày nay vẫn còn là Nhà Thờ Chính Tòa của Giáo Phận Rôma.

Sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ (476), quân ngoại xâm người Byzantin tranh chấp Rôma với nước Ý. Vào thế kỷ thứ 8, người Lombard chiếm đóng miền Bắc và miền Trung nước này, một lần nữa lại đe dọa Rôma. Đức Giáo Hoàng cầu cứu các vua nước Pháp.

Năm 754, Pépin le Bref tặng Đức Giáo Hoàng các lãnh thổ

cũ của người Byzantin như Ravenue, Ancône, và lãnh địa Rôma. Đây là khởi điểm khai sinh các nước của Tòa Thánh, mà lịch sử hòa nhập với lịch sử của quyền Giáo Hoàng, cho đến năm 1870.

Năm 1870, coi như toàn bộ các nước của Tòa Thánh bị sáp nhập vào nước Italia, kể cả thành Rôma.

4) Đến Nhà nước Vatican:

Kể từ thời điểm này, các Giáo Hoàng tự xem là “tù nhân” tại điện Vatican, nơi các Ngài trú ngụ từ thế kỷ 14. Cho nên trong vòng 600 năm, có một sự căng thẳng giữa quyền Giáo Hoàng và nhà nước Italia. Thỏa ước Latran năm 1929 chấm dứt tình trạng trên bằng cách thành lập Nhà nước Vatican, đảm bảo cho Đức Giáo Hoàng và Tòa Thánh sự tự do cần thiết để cai quản Giáo Hội về mặt tinh thần.

BB. Nhà nước Vatican:

Vatican là một Nhà nước có lãnh thổ nhỏ (44 mẫu) độc lập và có chủ quyền, được điều hành bởi một Ủy Ban gồm 6 Hồng Y do Đức Giáo Hoàng bổ nhiệm.

Vatican có một Văn phòng Hộ tịch, một chế độ Bảo hiểm xã hội, một Bru điện, một Nhà ga, một Siêu thị, một Bảo Tàng viện, những Dịch vụ Kỹ thuật và Y tế, một Đài Phát thanh Truyền hình, một Tòa soạn và nhà in báo chí, . . .

Trật tự chung của thành Vatican được một đội Kiểm soát phụ trách; trật tự tại Quảng trường Thánh Phêrô được Cảnh sát Italia đảm trách. Đội Vệ binh người Thụy sĩ phục vụ Đức Giáo Hoàng. Các thành viên của đội phải độc thân (trừ các Sĩ quan và Hạ Sĩ quan) theo đạo Công giáo, dưới 25 tuổi và cao ít nhất là 1,75 mét.

Khuôn viên 44 mẫu được các bức tường bao quanh chỉ là phần nổi của tảng băng mà thôi. Hiệp ước Latran dành cho Vatican khoảng 20 tài sản và bất động sản, được hưởng qui chế trị ngoại pháp quyền như : Rộng nhất là điện Castel Gandolfo, nơi Đức Giáo Hoàng thường nghỉ hè; Đền thờ Thánh Calixte trong khu Transtevere mà ở đó các Hội Đồng của Tòa Thánh đều có Văn phòng.

Ngoài ra còn 440 mẫu đất ở bên bờ hồ Bracciano do Nhà nước Italia nhượng lại cho Vatican vào những năm 50. Vùng đất này cũng được hưởng qui chế như các bất động sản đã nói trên và nơi đây đã cho dựng lên các cột ăng-ten của Đài Phát Thanh Vatican (Radio Vatican).

Hiệp Ước Latran còn qui định cấp cho Vatican 1,75 tỷ Lira thời đó, đền bù những lãnh thổ bị mất.

Ngày nay, Vatican có tại Rôma một diện tích bất động sản đáng kể, khoảng 6 cây số vuông. Ngoài ra, các tài sản của các bộ phận khác của Vatican, nhưng độc lập về mặt tài chánh, còn gây ấn tượng hơn nữa. Theo Tạp chí Limes, chúng chiếm 6.180 mẫu tại các quận ở Rôma và Fiumicino và 250.000 mẫu trên toàn nước Italia.

Nước Vatican có Quốc kỳ là lá cờ của các nước Tòa Thánh trước đây, có từ ngày 17-9-1825, với hai giải vải màu vàng và trắng, trên giải màu trắng có mũ triều Thiên 3 tầng (Tiare pontificale) bằng vàng với những giải đỏ và chìa khóa Đền Thánh Phêrô.

Cờ Tòa Thánh, nói đúng hơn là quốc kỳ của quốc gia Vatican, mà chúng ta thấy treo trong hoặc ngoài Nhà Thờ ở VN, chỉ có 2 giải vàng và trắng.

Nước Vatican cũng có Quốc ca. Bản Quốc ca đầu tiên được sáng tác năm 1857, do một nhà soạn nhạc không mấy nổi tiếng, người nước Áo, tên Hallmayr. Năm 1949, Đức Giáo Hoàng Piô XII đã thay bản Quốc ca này bằng một Hành khúc có nội dung tôn giáo hơn.

Nước Vatican cũng có một Ngoại Giao Đoàn gồm các Sứ thần (Nonces) hoặc Quyền Sứ thần (Pro-Nonces) tại 156 nước trên thế giới và 12 Khâm Sứ Tòa Thánh (Délégué Apostolique) không có nhiệm vụ ngoại giao, mà chỉ làm nhiệm vụ liên lạc với các Giám Mục trong 12 quốc gia khác. Ngoài ra, Tòa Thánh còn có Đại diện thường trực bên cạnh một số Tổ chức của Liên Hiệp Quốc và một số Tổ chức Phi Chính phủ (Organisarion non-gouvernementale, viết tắt là ONG) khác.

Bên cạnh Tòa Thánh cũng có các Đại sứ của 156 nước có thiết lập quan hệ ngoại giao với Tòa Thánh.

CC. Giáo triều Rôma (La Mã):

1) Đức Giáo Hoàng:

Đức Giáo Hoàng là người đứng đầu Giáo Hội Công giáo La Mã, và cũng là người đứng đầu Nhà nước Vatican.

Xưa kia, ở VN gọi Đức Giáo Hoàng là Đức Thánh Pha-Pha, và tiếng thường gọi là Đức Thánh Cha (Le Saint Père); trong ngôn ngữ của nhiều nước Âu Châu, gọi Đức Giáo Hoàng là Papa, Pape, Pope, gốc từ tiếng Hy Lạp Pappas.

Giáo Hội Rôma hay Giáo Hội Hoàn Vũ có 2 tập thể để Đức Giáo Hoàng tham khảo là Hồng Y Đoàn và Thượng Hội Đồng Giám Mục, cùng với một số Tổ chức để giúp Đức Giáo Hoàng điều hành Giáo triều Rôma (La Curie Romaine).

ĐỨC GIÁO HOÀNG

(Đức Thánh Cha)

THƯỢNG HỘI ĐỒNG HỒNG Y ĐOÀN
GIÁM MỤC

PHỦ QUỐC VỤ KHANH

9 Thánh Bộ 12 HỘI ĐỒNG 3 Văn Phòng Tòa Thánh

GIÁO HỘI QUỐC GIA 3 Tòa Án
(Hội Đồng Giám Mục)

CÁC DÒNG TU GIÁO TỈNH
(Tổng Giáo Phận)
- Các Dòng Tu theo (Tổng Giám Mục)
Qui chế Tòa Thánh

- Các Dòng Tu theo GIÁO PHẬN
Qui chế Giáo Phận (Địa Phận)
(Giám Mục)

Các Dòng Tu NAM GIÁO HẠT
(Linh Mục)
Các Dòng Tu Nữ Hạt trưởng)

GIÁO XỨ
Linh Mục
Chánh Xứ)

GIÁO HỌ
(Họ Đạo)

TÍN ĐỒ
(Giáo hữu, Ky-tô hữu, Giáo dân)

Đức Giáo Hoàng do Hồng Y Đoàn họp tại Tòa Thánh Vati-

can bầu ra khi vị Giáo Hoàng tiền nhiệm từ trần. Vị Hồng Y được đắc cử lên làm Giáo Hoàng sẽ ở ngôi vị Giáo Hoàng mãi cho đến khi chết. Phẩm vị Giáo Hoàng không có nhiệm kỳ hay nghỉ hưu.

Đức Giáo Hoàng là đại diện của Đức Chúa Jêsus, điều khiển Giáo Hội, nên Đức Giáo Hoàng có quyền hành tối thượng, toàn diện, và không bao giờ sai lầm về Đức tin.

- Ngày 6-8-1978, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI từ trần.

- Đức Hồng Y Albino Luciani được bầu lên làm Giáo Hoàng, lấy danh hiệu là Gioan Phaolô I vào ngày 26-8-1978.

33 ngày sau, tức là ngày 29-9-1978, Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô I đột ngột từ trần.

Đức Hồng Y Karol Wojtyla, người Ba Lan, được bầu làm Giáo Hoàng, lấy danh hiệu là Gioan Phaolô II ngày 16-10-1978. Ngài Karol Wojtyla đã được thọ phong :

- Linh Mục ngày 1-11-1946.

- Giám Mục ngày 13-1-1956.

- Hồng Y ngày 26-6-1976.

- Giáo Hoàng ngày 16-10-1978.

2) Hồng Y Đoàn:

Nhiệm vụ của Hồng Y Đoàn là cộng tác với Đức Giáo Hoàng trong việc quản trị Giáo Hội toàn cầu. Khi Đức Giáo Hoàng từ trần, Hồng Y Đoàn tạm nắm quyền quản trị Giáo Hội và tổ chức bầu Giáo Hoàng mới trong một cơ cấu được gọi là Mật Tuyền Viện (Conclave).

Tuy nhiên, Hồng Y Đoàn cũng được triệu tập để giải quyết các vấn đề quan trọng như : vấn đề tài chánh của Giáo Hội, những vấn đề luân lý, vv . . .

Con số các Hồng Y ngày càng tăng lên, nhưng chỉ có những vị dưới 80 tuổi mới được tham dự Mật Tuyền Viện để bầu Giáo Hoàng.

3) Thượng Hội Đồng Giám Mục:

Đây là một tổ chức được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thành lập năm 1935 để tăng cường sự hợp tác của các Giám Mục trên thế giới với Đức Giáo Hoàng. Phần lớn các Đại biểu của Thượng Hội Đồng Giám Mục là do các Giám Mục đồng sự bầu ra, nhưng cũng có những Thượng Hội Đồng Giám Mục được triệu tập theo từng vùng như : Thượng Hội Đồng Giám Mục Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, . . .

4) Giáo triều Rôma :

Giáo triều Rôma (La Mã) bao gồm các bộ phận để giúp Giáo Hoàng điều hành công việc của Tòa Thánh.

Các tổ chức này hợp lại thành một cơ cấu được gọi là Giáo triều Rôma. Giáo triều Rôma gồm các cơ quan sau đây :

- Phủ Quốc Vụ Khanh, đặc trách những công việc thường vụ của Giáo Hội và phụ trách liên lạc các quốc gia.

9 Thánh Bộ, chịu trách nhiệm về những lãnh vực nhất định của đời sống Giáo Hội.

- 12 Hội Đồng Tòa Thánh, là những bộ phận chuyên nghiên cứu và tìm kiếm trong những lãnh vực quan trọng.

- 3 Văn Phòng, giúp điều hành công việc của Tòa Thánh và quản lý tài chánh.

- 3 Tòa Án, để giải quyết các công việc liên quan đến : Xá giải, Ân tín Tông tòa và Hôn phối.

Ngoài các cơ quan kể trên, Tòa Thánh còn có các Ủy Ban, hoặc hoạt động độc lập, hoặc trực thuộc các Bộ (ví dụ Ủy ban Kinh Thánh trực thuộc Bộ Giáo Lý Đức Tin). Một số cơ chế khác với những hoạt động bổ sung như : Tầng Thư Mật, Thư Viện, Viện Hàn Lâm Giáo Hoàng về Khoa học, Nhà Xuất bản và Nhà in Vatican, Nhật báo Osservatore Romano, Đài Phát Thanh Vatican, Trung Tâm Truyền Hình, Xưởng Đèn Thờ Thánh Phêrô.

5) Phủ Quốc Vụ Khanh :

Đứng đầu Phủ Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh là Đức Hồng Y Quốc Vụ Khanh, hiện nay là Đức Hồng Y Angelo Sodano. Đức Hồng Y Quốc Vụ Khanh được Đức Giáo Hoàng tiếp kiến mỗi tuần 2 lần, mỗi lần ít nhất 1 giờ, ưu tiên trước mọi cuộc tiếp kiến.

Địa vị của Ngài là một Thủ Tướng Chánh Phủ, kiêm Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ và Bộ Ngoại Giao Tòa Thánh.

Tại Phủ Quốc Vụ Khanh có :

- **Phân bộ Thường vụ**, hiện do Đức Tổng Giám Mục G.B. Re đứng đầu, Đức Ông Leonardo Sandrin làm Phụ tá.

- **Phân bộ Ngoại vụ**, hiện do Đức Tổng Giám Mục Jean Louis Tauran đứng đầu, Đức Ông Claudio Maria làm Phụ tá.

6) Chín Thánh Bộ :

1- Bộ Giáo Lý Đức Tin (Congrégation au service de la doctrine et de la foi) :

Xa xưa, Đức Giáo Hoàng Phaolô III năm 1542 đã lập nên Bộ Pháp đình (Inquisition) để chống lại Tà Thuyết và sau đó trở thành Thánh Bộ (Le Saint Office) và đời Giáo Hoàng

Phaolô VI sửa lại thành Bộ Giáo Lý Đức Tin.

Bộ này chăm lo các vấn đề thuộc về Giáo lý, Đức tin, Đạo đức. Bộ cũng nghiên cứu các Học thuyết mới (Thí dụ như Thần Học Giải phóng) và cổ vũ các nghiên cứu và các hội nghị về vấn đề này. Bộ cũng lên án những lý thuyết bị coi là sai lầm, trái ngược với nguyên lý Đức tin, sau khi đã tham khảo ý kiến với các Giám Mục liên hệ. Bộ cũng nghiên cứu nội dung các quyển các sách đã xuất bản và lên án nếu cần, sau khi đã hội ý và đối chất với tác giả. Tác giả có quyền tự biện hộ bằng miệng hoặc bằng văn bản.

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cải tổ Bộ này một cách sâu sắc, bãi bỏ hẳn tính cách bí mật, pháp đình, nhấn mạnh vào tính cách cổ vũ nâng cao Giáo lý. Ngài nói: “Bởi vì đức Bác ái loại trừ sợ hãi, ngày nay chúng ta bảo vệ Đức tin bằng cách nâng cao Giáo lý, vừa sửa chữa uốn nắn những sai lầm. Bộ này khuyến khích những kẻ sai lầm trở về đường chánh nẻo ngay và khuyến khích các nhà rao giảng lời Chúa thêm hăng hái trong sứ vụ mình.”

2- Bộ Chuyên về các Giáo hội Đông phương (Congrégation au service des Églises Orientales) :

Bộ này mới được thành lập năm 1862, thời Đức Giáo Hoàng Piô IX. Bộ chịu trách nhiệm về tất cả vấn đề có liên quan đến các Giáo Phận thuộc nghi lễ Đông phương : Giám Mục, Linh Mục, Tu sĩ Giáo dân tại các quốc gia Ai Cập, Érythrée, Étiopi, Bulgari, Chypre, Hy Lạp, Iran, Liban, Palestin, Syri, Jordani, Thổ Nhĩ Kỳ, Irac. Hiện nay, các tín đồ Công giáo thuộc nghi lễ Đông phương có chừng 14 triệu.

Ngoài Giáo Hoàng Học Viện nghiên cứu các vấn đề Đông phương do các Linh Mục Dòng Tên đảm nhiệm, tại Rôma

còn có nhiều Học Viện Giáo Hoàng dành cho người Đông phương : Học Viện Acmêni thành lập năm 1584, Étiopi (1481), Hy Lạp (1576), Rumani (1858), Học Viện Russicum (1929) dành cho người Nga, . . .

3- Bộ Giám Mục (Congrégation au service des Évêques):

Bộ này được thành lập do Đức Giáo Hoàng Sixtô V năm 1578 và được cải cách, có nhiệm vụ lo tất cả công việc liên quan đến các Giám Mục và các Giáo Phận trên toàn cầu. Thí dụ : Việc mở thêm một Giáo Phận, bãi bỏ một Giáo Phận, việc bổ nhiệm các Giám Mục, Giám Mục Phụ Tá. Là người tham dự các Hội Đồng Giám Mục, Bộ này công nhận các văn kiện của các Hội Đồng Giám Mục và các Công Đồng địa phương. Bộ có nhiều Văn phòng đặc biệt trực thuộc, như Văn phòng người di cư, Văn phòng truyền giáo miền biển, . . .

Đức Hồng Y Bộ Trưởng Bộ này có quyền triệu tập các Bộ Trưởng Bộ Linh Mục, Bộ Giáo sĩ và Bộ Giáo Dục Công giáo, để cùng các Ngài xem xét các vấn đề liên quan.

4- Bộ Bí Tích (Congrégation de la Discipline des Sacrements) :

Bộ này do Đức Giáo Hoàng Piô X thành lập năm 1908, có nhiệm vụ lo các vấn đề có liên quan đến các Phép Bí Tích, thí dụ một Linh Mục muốn hoàn tục phải xin phép Bộ này. Từ khi Đức Giáo Hoàng Phaolô VI mở rộng quyền các Giám Mục bằng Sắc dụ Pastoralis Munus (30-6-1963), hồ sơ xin chuẩn về vấn đề Hôn phối hằng năm lên đến con số 10.000 được chuyển về các Giám Mục địa phương, khiến cho công việc của Bộ nhẹ gánh một phần.

5- Bộ Nghi Lễ (Congrégation des Rites) :

Bộ này lo việc nghi lễ như tên gọi. Đức Giáo Hoàng Piô XI còn thêm vào Bộ này một Văn phòng lo việc Phong Thánh (nay đã tách ra thành một Bộ riêng). Bộ có nhiệm vụ thực thi Hiến chế Công Đồng về Phụng vụ. Bộ cũng lo về vấn đề đạo đức không có tính cách Phụng vụ như : đạo đức cá nhân, gia đình, xã hội, việc kinh hạt, rước xách.

6- Bộ Giáo Sĩ (Congrégation au service du Clergé) :

Bộ này được thành lập năm 1564 do Đức Giáo Hoàng Piô IV để lo việc giải thích và áp dụng các luật lệ do Công Đồng Trente qui định. Bộ này gồm có 3 Văn phòng :

Văn phòng 1: lo việc đào tạo và Thánh hóa các Linh Mục và kỹ luật Giáo Sĩ (làm lễ, đọc sách nguyện, đạo đức).

Văn phòng 2: lo việc giảng thuyết về Giáo lý, suy nghĩ tìm tòi những phương pháp dạy Giáo lý mới cho trẻ em và người lớn. Văn phòng cũng lo về mục vụ du lịch (Pastorale du tourisme). Văn phòng chuẩn y các đề án giảng thuyết của các Hội Đồng Giám Mục và khuyến khích cổ vũ các Hội nghị về Giáo lý, đồng thời thảo ra những chỉ thị thích hợp về vấn đề này.

Văn phòng 3: lo việc quản lý các tài sản trần thế của Giáo Hội, các Quỹ Từ thiện, các Nhà Thờ, Đền Thánh, di sản Nghệ thuật; lo các việc có liên quan đến đời sống vật chất của Giáo sĩ, đặc biệt các Giáo sĩ đau bệnh, già yếu, bằng cách thành lập những Hội, Viện, phụ trách về việc này.

7- Bộ Tu Sĩ (Congrégation suservicedes Religieux) :

Bộ này do Đức Giáo Hoàng Sixtô V thành lập. Từ năm 1601 đến đời Đức Giáo Hoàng Piô X đầu thế kỷ này, Bộ Tu Sĩ và

Bộ Giám Mục là một, nhưng sau đó được tách ra như hiện nay.

Bộ phụ trách các vấn đề thuộc các Dòng Tu nghi lễ La tinh, nghĩa là có trách nhiệm khoảng chừng 2,5 triệu Nam Nữ Tu sĩ trên thế giới về các vấn đề chế độ, kỷ luật, học tập, tài sản, quyền lợi, . . .

Bộ có quyền thành lập, bãi bỏ, chuyển đổi một Dòng Tu. Hồ sơ của Bộ lên đến 40.000 một năm, điều này chứng tỏ công việc phức tạp của Bộ. Bộ cũng có nhiệm vụ áp dụng Sắc lệnh “Đổi mới hợp thời đời tu” của Công Đồng Vatican II. Vì số Dòng Tu trong Giáo Hội rất nhiều, nên Bộ cũng chú ý đến việc tập hợp các Dòng Tu nhỏ lại, chú ý cả đến những vấn đề nhỏ như bộ áo dòng của từng Dòng Tu, đến những vấn đề lớn như sửa đổi Hiến pháp của một Dòng.

Bộ cũng phụ trách các Tu Hội đời (Instituts séculiers).

8- Bộ Giáo Dục Công giáo (Congrégation au service de l’enseignement catholique) :

Năm 1588, Đức Giáo Hoàng Sixtô V lập một Bộ phụ trách các Đại Học Công giáo như Đại Học Rôma, Đại Học Bologna, Đại Học Paris, Đại Học Salamanque . . . Sau nhiều lần chấn chỉnh, năm 1967, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đổi tên là Bộ Giáo Dục Công giáo.

Bộ gồm có 3 Văn phòng:

Văn phòng 1: phụ trách các Chung Viện, từ việc quản trị vật chất đến chương trình học tập và kỷ luật. Văn phòng còn lo đào tạo các nhân viên, tu sĩ cho các Tu Hội đời.

Văn phòng 2: phụ trách các trường Đại Học, Cao Đẳng Công giáo, lo việc thiết lập tại mỗi Đại Học Công giáo một

Khế dành cho Giáo sư Thần học. Văn phòng cũng hỗ trợ việc tương thân tương trợ giữa các Đại Học Công giáo trong một nước hay ở các nước khác nhau. Văn phòng cũng lo đến việc làm sao bên cạnh các Đại Học không Công giáo có những Cư Xá Sinh viên Công giáo.

Văn phòng 3: phụ trách các trường Công giáo dưới bậc Đại Học của các Giáo Xứ hay Giáo Phận.

9- Bộ Truyền Bá Phúc Âm (Congrégation au service de l'Évangélisation) :

Bộ này do Đức Giáo Hoàng Grêgoriô XV thành lập ngày 22-6-1622 với mục đích truyền bá Đức tin trên thế giới, vì thế, Bộ này mới có tên là “ de Propaganda fide” : tên gọi này đã gây hiểu lầm vì từ ngữ Propaganda có nghĩa là tuyên truyền, quảng cáo, nên Đức Giáo Hoàng Phaolô VI cải danh là Bộ Truyền Bá Phúc Âm (Tin Mừng, Tin Lành).

Bộ phụ trách các Xứ Truyền giáo (Pays de mission), tổ chức và điều hợp công cuộc truyền giáo, chú trọng việc đào tạo Giáo Sĩ địa phương. Bộ cũng chăm lo việc phát triển trong Giáo Hội tinh thần truyền giáo và cổ vũ cho có nhiều người làm Linh Mục đi rao giảng các quốc gia chưa biết Tin Mừng.

Bộ cũng phối hợp với Bộ Tu Sĩ và Giáo Dục Công giáo đào tạo các Linh Mục Thừa Sai, và bằng mọi cách, cổ vũ lòng nhiệt thành truyền giáo trong Giáo Hội.

Bộ cũng phụ trách các Hội Tông Đồ truyền giáo như Hội Thánh Phêrô, Hội Chúa Hải Đông. Các Hội này cung cấp cho các xứ các nhu cầu tối thiểu để đào tạo Linh Mục, Lương giáo Lý viên, xây cất Chung Viện, nuôi các Chung sinh.

7) 12 Hội Đồng Tòa Thánh:

1- Hội Đồng Tòa Thánh về Giáo dân:

Hội Đồng do Đức Giáo Hoàng Phaolô VI lập ngày 6-1-1967 với mục đích quan tâm đến vai trò của Giáo dân trong Giáo Hội, cũng như các phong trào Tông đồ Giáo dân.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Pironio Eduardo.

Phó Chủ tịch : Đức Giám Mục Paul Cordes.

Hội Đồng này có một Chủ Tịch Đoàn gồm 3 Hồng Y và 2 Giám Mục.

Các thành viên của Hội Đồng gồm : 2 Hồng Y, 2 Giám Mục, và 27 Đức Ông.

2- Hội Đồng Tòa Thánh cổ vũ hợp nhất các Kytô hữu:

Lúc đầu là Văn phòng cổ vũ sự hợp nhất các Ky-tô hữu do Đức Giáo Hoàng Gioan XXII thành lập ngày 5-6-1960, và ngày 28-6-1983 được đổi thành Hội Đồng Tòa Thánh với mục đích biểu lộ ý chí của Tòa Thánh trong phong trào đại kết, nhằm tái lập sự thống nhất giữa những người tin ở Đức Chúa Jêsus.

Chủ tịch : Đức Hồng Y Edward Cassidy.

Các thành viên của Hội Đồng gồm 14 Hồng Y và 18 Giám Mục.

(Còn tiếp)

(Trích Khảo Luận “ Đạo Cao Đài & Các Tôn Giáo lớn trên Thế Giới” của Đức Nguyên)

Tìm Hiểu CON ĐƯỜNG THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG (Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)

Có lời phán từ Bạch Ngọc Cung:
“Ta truyền lệnh xuống cho Người qua con ta”.
Lệnh truyền: “Hãy thương yêu nhau”

KÍNH DÂNG
ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

LỜI TỰA

Con đường Thiêng liêng Hằng sống do Đức Hộ Pháp giảng dạy là một tư liệu quý giá để tìm hiểu về Bí pháp của Đạo Cao Đài. Đây là tài liệu đầu tiên giảng các vấn đề siêu hình, giúp chúng ta hiểu rõ con đường tấn hóa Thiêng liêng của các đẳng linh hồn sau khi rời bỏ thể xác, trở về nguồn cội cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng.

Từ văn nói, các tốc ký viên ghi lại làm thành tác phẩm nên không sao tránh khỏi sự khó đọc, khó hiểu. Mục đích của chúng tôi là giúp độc giả hiểu thấu đáo các lời giảng của Đức Hộ Pháp bằng cách trình bày dưới dạng câu hỏi, vừa mang tính tiêu đề vừa cô đọng các vấn đề mà Đức Ngài đã giảng dạy. Nội dung hay văn phong đều do Đức Ngài thuyết mà chúng tôi trích nguyên văn theo đúng những gì mà Ban Tốc ký Hội thánh ghi lại. Những đoạn chú thích được đánh dấu (*) và được trích từ Kinh sách của Đạo Cao Đài.

Xin tri ân các vị tiền bối đã kịp thời giữ gìn một tài liệu vô

giá và xin được thứ lỗi nếu có sơ sót trong quá trình biên soạn.

Hiểu được con đường Thiêng liêng Hằng sống và áp dụng lời dạy của các Đấng vào trong đời sống sẽ giúp chúng ta đi đúng đường để đạt Đạo. Con đường Thiêng liêng này bắt đầu từ lúc vào Đền Thánh (tượng trưng mượn Thẻ pháp để nắm được Bí pháp), qua nhiều Cung Điện và đến Cực lạc Thế giới là tạm kết thúc. Chúng tôi hy vọng tập sách nhỏ có thể giúp quý huynh, đệ, tử, muội nắm bắt được tâm ý các lời giảng của Đức Hộ Pháp, vững bước hướng về con đường Hằng sống. Đây là tâm nguyện được góp phần nhỏ nhoi của chúng tôi vào đại nghiệp phát triển mối Đạo Cao Đài.

(Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)

1. Nét độc đáo của tác phẩm?

Tác phẩm CON ĐƯỜNG THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG là quyển tài liệu đầu tiên nêu rõ vấn đề siêu hình về cõi vĩnh hằng và diễn tả điều ấy rất ráo, tận cùng chân lý. Tài liệu này được xem là một biểu đồ ghi tường tận sự biến thiên về cá tính cùng trình độ tiến hoá của con người qua không gian và thời gian. Những triết lý cao siêu này chỉ Đạo Cao Đài mới có.

2. Con đường Thiêng liêng Hằng sống là gì ?

Hiểu theo triết lý nhà Phật thì Con đường Thiêng liêng Hằng sống là con đường của luân hồi. Hiểu theo chơn pháp của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ thì đó là con đường dành cho các chơn hồn khi thoát xác được về với Đức Chí Tôn và được định vị thăng hay đoạ.

3. Ai giảng về Con đường Thiêng liêng Hằng sống đầu tiên trong Đạo Cao Đài?

Ngài Phạm Công Tắc được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, được xuất chơn thân về hội kiến cùng Đức Chí Tôn và học hỏi nơi Đại Từ Phụ nhiều điều bí yếu, bí trọng. Vì thế, những lời giảng này không phải của người mang tên Phạm Công Tắc mà là của Hộ Pháp. Hộ Pháp thay lời Đức Chí Tôn nói Đạo cho toàn thể con cái của Ngài nghe, quý là ở chỗ đó.¹

4. Mục đích của các bài giảng về Con đường Thiêng liêng Hằng sống?

Đức Hộ Pháp muốn diu dắt chơn thân của toàn thể con cái Đức Chí Tôn về với Ngài, biết được cõi Thiêng liêng Hằng sống qua hình thức thuyết Đạo. Đức Hộ Pháp thuật lại những gì đã thấy, đã nghe, đã biết khi gặp các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Ấu cũng là phương pháp giúp cho toàn thể con cái của Thượng Đế biết trước cõi Hằng Sống như thế nào để khi về sẽ không bị bỏ ngõ.

5. Thế nào gọi là dục tấn trên Con đường Thiêng liêng Hằng sống?

Con đường về với Đức Chí Tôn không phải dễ, mà cũng không phải về là tới liền. Muốn về với Đức Chí Tôn, ta phải đi qua nhiều Cung, nhiều Điện. Ở mỗi Cung, chúng ta gặp một sự lạ. Ở mỗi Điện, chúng ta thấy một huyền vi khác nhau. Vì phải đi từ Cung này đến Điện nọ nên gọi là dục tấn trên Con đường Thiêng liêng Hằng sống. Về được với

1- Đức Hộ Pháp bắt đầu giảng vào đêm 13.8. Mậu Tý (1948) đến ngày 30.3.Kỷ sửu (1949)

Đức Chí Tôn thì không còn hạnh phúc nào bằng. Muôn năm ngàn kiếp mà thiếu tu thì cũng không khi nào về được với Đức Chí Tôn. Trong cửa Đạo Cao Đài đã dạy tu rồi, đó là phải LẬP CÔNG, LẬP ĐỨC, LẬP NGÔN.

6. Tại sao các chơn hồn nơi thế gian, khi thoát xác đều phải qui tụ tại Đền Thánh Tây Ninh ?

Các chơn hồn khi thoát xác phải đi từ trong Đền Thánh này để đến các cảnh giới khác. Tại sao phải vào Đền Thánh này mà không vào các Đền Thánh khác ?

Tại vì Đền Thánh này tỉ như một trường thi: mỗi năm Chánh phủ mở một kỳ thi, như thi Tú Tài chẳng hạn; địa điểm đã ấn định rồi, chỉ có thi nơi đó mới có giá trị. Tòa Thánh cũng vậy, Đức Chí Tôn lập ra để con cái của Ngài lập Công, lập Đức, lập Ngôn mà về với Ngài trong thời kỳ phổ độ lần ba để lập đời Thượng ngươn Thánh đức.

Vào đền Thánh tức là vào Hiệp Thiên Đài, đi từ Hiệp Thiên Đài đến Cung Đạo, nhưng muốn vào Cung Đạo phải qua Cửu Trùng Đài. Mỗi nấc Cửu trùng Đài là mỗi lần khảo duyệt của các Đấng Thiêng liêng, là mỗi lần cứu rỗi của Cửu vị Nữ Phật, là mỗi lần cầu xin của các đấng linh hồn. Con cái Đức Chí Tôn đọc lại các bài Kinh, từ nhứt cử đến cử cử, tiểu tường, đại tường thì biết.

7. Có mấy cách để được về với Đức Chí Tôn ?

Có ba cách lập vị để được về với Đức Chí Tôn :

1. Các chơn hồn mượn xác phàm phải đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hoá, tức là theo Hội Thánh CỬU TRÙNG ĐÀI, dùng tài sức mình để lập công đoạt Đạo.

2. Lập vị mình theo thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng tức là theo Hội Thánh PHƯỚC THIỆN.

Phước thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên con đường nuôi sống hình hài, tức tìm phương bảo bọc những kẻ tật nguyên, cô độc, dốt nát, nghèo khổ...

3. Cách tu chơn hay tịnh luyện.

8. Làm thế nào để được về với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hoá ?

Phải dùng tài sức của mình để lập Công theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, nghĩa là đi theo 9 bậc từ thấp lên cao:

1. ĐẠO HỮU
2. BÀN TRI SỰ
3. LỄ SANH
4. GIÁO HỮU
5. GIÁO SƯ
6. PHỐI SỰ
7. ĐẦU SỰ
8. CHƯỞNG PHÁP
9. GIÁO TÔNG

Phải ăn chay mỗi tháng 6 ngày, rồi 10 ngày, chay trường luôn.

Phải lo tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Phải tự tin rồi tha tín, tức là tự độ mình rồi tìm phương độ cả chúng sanh.

Mình học để hiểu Đạo, hành theo Đạo là lập Đức,

Nói Đạo cho gia đình, thân tộc mình biết Đạo là lập Công,

Thuyết Đạo cho toàn nhân loại biết là lập Ngôn.

Có làm đủ ba điểm đó (lập công, lập đức, lập ngôn) mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hoá.

9. Làm thế nào để về với Đức Chí Tôn bằng con đường Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng ?

Phải lập vị theo Hội Thánh Phước Thiện, đi 12 bậc từ thấp lên cao:

1. Minh Đức
2. Tân dân
3. Thính thiện
4. Hành thiện
5. Giáo thiện
6. Chí thiện
7. Đạo nhơn
8. Chơn nhơn
9. Hiền nhơn
10. Thánh nhơn
11. Tiên tử
12. Phật tử

Ngoài việc ăn chay, giữ gìn luật Đạo, từng theo chơn pháp của Đức Chí Tôn, người tín đồ còn phải dùng Đức để lập vị mình. Lập Đức là gì? Là dùng sự Thương Yêu để cứu độ chúng sanh như Đức Chí Tôn đã nói :

“SỰ THƯƠNG YÊU LÀ CHÌA KHOÁ MỞ CỬA BẠCH NGỌC KINH”

Phải dạy người ta biết thọ khổ để thắng khổ - Muốn dạy người ta thọ khổ, trước hết mình phải thọ khổ đã. Muốn thọ khổ thì không gì hay bằng Đức Thương Yêu.

Có thương yêu mới thọ khổ được. Ta thương Cha Mẹ, ta mới chịu khổ bảo dưỡng Cha Mẹ lúc tuổi già. Ta thương con nên mới lo tảo lo tần nuôi nó khôn lớn. Ta thương những người cô thế tật nguyên, ta mới tầm phương giúp đỡ họ, mà tầm phương giúp họ là thọ khổ đó vậy.

Thọ khổ rồi mới thắng khổ. Thọ khổ không phải một ngày, một bữa mà phải thọ cho đến nơi đến chốn nghĩa là nuôi Cha Mẹ cho đến tuổi già, lo cho con từ bé cho đến lúc nó tự lo được. Cái khó là lo cho thiên hạ hết khổ, phải lo hết người này đến người khác và cứ như vậy trọn kiếp sanh mới gọi là thắng khổ. Có thắng khổ mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Thập nhị Đẳng cấp thiêng liêng

10. Thế nào là cách thứ ba ?

Những người đi trong hai cách trên khi nhận thấy mình đã lập Công, lập Đức, lập Ngôn rồi hay là đã thọ khổ và thắng khổ rồi mà còn sức nữa thì vào nhà Tịnh để được tu chơn. Nơi đây các vị đó sẽ được học phương pháp luyện TINH hoá KHÍ, luyện KHÍ hoá THẦN; TINH KHÍ THẦN hiệp nhứt tức là HUỒN HU' vậy.

Nếu đi theo con đường Cửu Thiên Khai Hoá và con đường Thập Nhị Đẳng Cấp thiêng liêng thì khi mãn kiếp ta về với Đức Chí Tôn bằng cả Linh Hồn và Thể Phách. Con đường thứ ba là con đường tu chơn, chú ý tới sự rèn luyện năng lực sống trong nội thân của mình đến chỗ huồn hư, tức chơn thần có khả năng rời khỏi xác phàm để về hội kiến Đức Chí Tôn trước khi chết.

11. Mô tả bước đầu của con đường Thiêng liêng Hằng sống?

Khi chúng ta qua khỏi Cửu Trùng Đài bước vào Cung Đạo, trực ngó lên trên thấy như đại hải mênh mông nhưng thật ra không phải đại hải mà là vòm trời của Càn khôn Vũ trụ. Càn khôn Vũ trụ bao la không thể gì tưởng tượng được. Một toà nhà nguy nga đồ sộ, thoạt ẩn thoạt hiện mập mờ, vừa ngó thấy ta muốn đến ngay. Vừa lúc đó Pháp thân ta như có một sức mạnh hút đi, không đi mà đến, đến mau như đi bằng máy bay vậy.

Đến rồi ngó thấy quần sanh như loại muôn trùng, lớp đến lớp đi không biết bao nhiêu mà nói. Nhiều như vậy mà dường như không có tiếng động nào, thứ tự lớp lang có trật tự lắm. Nơi đó gọi là CUNG THÁNH, tức là Cung để các chơn hồn ra khỏi cảnh thiêng liêng đi tái kiếp và cũng là nơi tiếp rước các đấng linh hồn sau khi tái kiếp trở về. Nơi đó giống như một trạm hàng không hay ga xe lửa vậy.

Tất cả kẻ đi người đến đều hiện lên khuôn mặt một sự lo lắng chung. Đi thì lo không biết xuống thế gian có làm tròn bổn phận khi giao ước với Đức Chí Tôn không? Về cũng lo là không biết phẩm vị mình ra sao, có còn hay mất. Lo lắm, mọi người đều lo lắm.

12. Nhiệm vụ của Cung Thế Thiên Hành Hoá và ý nghĩa hai chữ “tận độ”?

Đó là nơi Chư Thánh ngồi cân lường từ việc tương lai, từ trái địa cầu này qua trái địa cầu khác, từ nước này qua nước khác. Họ ngồi lập chương trình định quyết, ai đến ai về để cứu vãn tình thế. Chư Thánh không buổi nào không tưởng đến tinh thần nhân loại, không buổi nào quên lo cho số mạng của chúng ta.

Trên đường đi đến Cung Hành Hoá, thiên hạ vắng vẻ ít ai.

Bởi từ thử đến giờ muốn thành Tiên, muốn vị Phật, chẳng phải dễ gì đoạt. Con đường đi thật là huyền diệu, an nhàn làm sao. Ta vừa bước tới thì thấy trong mình thoi thớt nhẹ nhàng. Cảnh nào cũng hữu tình. Hễ nói Tiên thì có Tiên. Ta thấy trên khuôn mặt họ hiện ra đủ khôn ngoan, hiền từ, đức tánh Thiêng liêng lộng lẫy, không còn một mảy may phàm cách. Có một điều họ vẫn giữ Thề pháp của họ cho dễ nhìn: như chúng ta gặp Bát Tiên y trong tượng vẽ, không thay đổi mảy đẽ thiên hạ nhìn đặng... Không phải địa cầu này làm bạn với địa cầu này thôi mà nơi địa cầu khác họ cũng đến làm bạn.

Các vị đang nói chuyện mà trên đầu họ muôn ánh hào quang xẹt tứ tung ở không trung. Họ đương nói chuyện ở đây mà điều đình tới địa giới khác. Một phẩm vị Thế Thiên Hành Hoá cầm quyền Tạo-đoan không có điều gì họ không làm được.

13. Hình trạng Bát Quái Đài ?

Chúng ta ngồi trên cơ huyền diệu pháp tức là ngồi trên chiếc xe bí mật của Đứ Chí Tôn để đến một đài sáng suốt chiếu diệu. Đài ấy có 8 góc gọi là Bát Quái Đài, không thể gì chúng ta nói ra lời đặng. Bởi Đài ấy biến hoá vô cùng, nó có 8 cửa. Trong 8 cửa ấy, chúng ta ngó thấy cả hình thể Vạn Linh và vật loại đều xuất hiện hào quang chiếu diệu. Nó xoay tròn như bánh xe; hễ xoay thì thấy tám đạo hào quang chiếu diệu khắp cả Càn khôn Vũ trụ. Hễ tám đạo hào quang ấy soi tới đâu thì tám phẩm chơn thần đều cuồn cuộn chiếu diệu ra; lớp thì đi, lớp thì về; lớp vô, lớp ra; muôn trùng điệp điệp không thể gì tưởng tượng được.

Trong 8 góc có 8 cái cầu. Cầu ấy không phải bằng ván mà

bằng 8 đạo hào quang bắc ngang bờ. Dưới cầu chúng ta ngó thấy dường như một Bích Hải nước xao sóng dợn như biển. Lạ thay, cầu ấy rất huyền diệu! Ai đứng đó được mới biết mình nhập vô Bát Quái Đài. Lúc để bước lên cầu, cầu ấy chuyển đi làm cho chúng ta phải yếu, đi khôngặng chúng ta muốn thôi bộ. Khi chân vừa bước tới, chúng ta thấy yếu đi nhưng người nào bước tới cũng được. Đi nửa chừng nếu không đủ Thiên vị hay vì tội tình oan gia nghiệt chướng đã tạo nơi mặt thế này, chúng ta sẽ lọt xuống Bích Hải. Lọt xuống đó hình thù trở nên đen thui dị hợm lắm. Nếu chúng ta may duyên ngồi trên chỗ cao trọng để làm khán giả, nhìn thấy bạn của chúng ta lâm vào cảnh ấy, dầu ai vững tâm thế nào cũng khó cầm giọt lụy.

Bần đạo dám quả quyết rằng không có điều nào qua pháp luật vô biên ấy. Chúng ta ngó thấy mỗi việc nơi thế gian này nên lấy đó làm bài học để định tâm chúng ta,ặng tu tỉnh tinh thần ta cho nên chí thiện, chí thánh hầu xứng đáng làm phần tử Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Đừng mộng tưởng một hành tàng nào trong kiếp sống thế gian này của ta có thể khuất lấp qua khỏi quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn được. Ta minh mẫn sáng suốt, biết phân biệt tội phướcặng định số phận, quyết hẳn rằng không có điều nào khuất lấp Luật pháp Thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định cả.

Chúng ta không thể gì định hành tàng người này hay, người kia dở; người này nên, người kia hư. Nhiều điều ta ngó thấy trong cảnh này khác hẳn với khuôn luật vô hình.

Chúng ta có quyền thay thế làm thầy làm cha của con cái Đức Chí Tôn; chúng ta không có quyền làm chủ sự đày đoạ, bắt họ làm nô lệ. Chẳng phải vì công nghiệp vĩ đại mà khi

rẻ các chơn linh xuống thế gian này. Nếu các bạn không giữ cho nó công bình cũng không phương thoát khỏi tội bởi nó là phương pháp trị loạn vậy. Có điều thảm trạng hơn hết là nhiều kẻ đi đến nơi, biết mình không được đến bờ, khóc lóc rồi trở lại. Họ tái kiếp để trả oan nghiệt của họ là vì lẽ đó. Khi chúng ta đứng giữa Bát Quái Đài, thấy ngôi vị đẳng cấp thiêng liêng, có Đức Chí Tôn ngự nơi Huỳnh Kim Khuyết, ngó xuống thấy cả Triều đình vô tận vô biên oai quyền trị thế.

14. Tại sao chúng ta có thể đến Bát Quái Đài bằng con đường khác hơn những kẻ đã đến?

Bát Quái Đài có phải là Toà Tam Giáo? Minh Cảnh Đài là gì?

Nếu Chí Tôn cho vô thì chúng ta chẳng phải đi ngang qua cầu, chúng ta lên Bát Quái Đài bằng con đường khác hơn những kẻ đã đến. Những kẻ khác bị một cây cầu ngăn cách giữa Khổ hải và Bát Quái Đài. Cầu ấy buộc họ không thể gì đến được nên phải thối bước. Sự thối bước diễn trước mắt ta làm chúng ta không có người nào cầm được giọt lụy.

Muốn đến Bát Quái Đài chúng ta phải qua Ao Ô Trì. Chúng ta thấy Bát Quái Đài ở dưới trời lên trước mặt chúng ta và giống như cây cột có 8 cửa. Bảy trong tám cửa có Thất Đầu Xà ngăn cản các chơn hồn không cho vào Bát Quái Đài, duy chỉ chừa có cửa Phật mà thôi. Nhìn phía dưới thấy Đại Hải mênh mông, nước cuộn cuộn xanh biếc, sóng dợn ba đào, mỗi làn sóng có đề chữ “khô”. Đi trên ấy, chúng ta thấy dợn hào quang nổi lên dữ tợn lắm. Mấy chữ lớn là SINH, LÃO, BỊNH, TỬ.

Nếu được phép của Đức Chí Tôn cho vô Bát Quái Đài thì

chúng ta chẳng phải đi ngang qua cầu như những người kia. Chúng ta muốn đến tức nhiên chúng ta sẽ đến.

Chúng ta ở ngoài thấy Bát Quái Đài hào quang chiếu diệu, một nhà tám cửa. Khi chúng ta vô rồi chỉ còn Càn khôn Vũ trụ xung quanh chúng ta. Đài ấy vẫn xoay, xoay mãi và ta biết rằng đài ấy là Toà Tam Giáo Ngọc Hư Cung. Chúng ta không thấy cái trạng thái hình thể nó ra sao, khi chúng ta đến hào quang chiếu diệu xông lên làm như ngọn lửa vậy. Hào quang biến mất, kế đến thấy một cây CÂN CÔNG BÌNH hiện ra rồi từ từ cũng biến mất. Mình chẳng khác nào như khán giả đứng trước Đài coi cả kiếp sanh chúng ta từ trước, không điều gì sơ sót. Nơi này phải chăng trong kinh Phật gọi là MINH CẢNH ĐÀI.

Trước mặt chúng ta, chúng ta thấy khi trước mình làm những việc gì, nay nó chiếu lại cho xem, chẳng khác gì xem chiếu bóng vậy. Cân công bình sẽ tùy theo nên, hư, tội, phước mà hiện ra cả thấy, quyết đoán một cách công bình không sai chút nào hết. Phải chăng đó là huyền bí của Toà thiêng liêng ấy. Vậy hành tàng đã có trước mắt, luật Tam Giáo chẳng hề sai chạy. Kiếp sanh đã làm gì, Đời hay Đạo, mặt luật Thiêng liêng không sót một điều.

Những người khác họ đi đường nào chúng ta không ngó thấy. Khi vô trong Đài rồi họ cũng đồng thể như mình, không phân biệt được họ, không phân biệt được Nam Nữ nữa. Trong Đài hiện ra hai ánh lửa: nếu người nào thiếu lòng thương yêu không biết thương mình, không biết thương người thì dù Nam cũng phải hoá Nữ. Nếu Nữ trọn kiếp tu thực hành nghiêm luật thương yêu thì hóa thành Nam.

15. Có phân biệt nam, nữ ở cõi Hư linh?

Trước kia, các nền Tôn giáo tạo ra Pháp giới bất công là Nữ bao giờ cũng phải chịu thiệt thòi hơn Nam. Thực sự, Nữ đồng quyền cùng Nam. Chừng nào chúng ta thấy đoàn Nữ phải biết sợ và kiêng nể pháp luật thì cũng coi như Nam vậy. Hư linh kia quả quyết rằng: có nhiều bạn Nam ta quen biết, đầu kiếp Nữ tại thế gian này, nhiều lắm. Có các Đấng cao siêu đến ngươn tứ chuyển này dựng tạo hình các chơn hồn. Họ xuống thế đặng chuyển thế. Dầu Nam Nữ ở các Cung cũng đến tại thế gian này, làm đàn bà đặng thay các sắc dân ấy mà chuyển thế. Đức Chí Tôn nói Nam không được lấn quyền hơn Nữ. Tất cả đều là con của Thượng Đế hết.

16. Có thể biết ai đoạt vị không ?

Họ thành Tiên thành Phật cũng tại Bát Quái Đài nhưng có đoạt phẩm vị gì chỉ họ biết lấy họ mà thôi. Chúng ta cũng không biết lúc nào họ ra cửa. Chúng ta chỉ biết mình, không thể đoán được mấy người kia.

17. Có quyền luật nào buộc ta phải đầu kiếp liên không?

Không có quyền luật nào buộc ta phải đầu kiếp liên; Có thể an nghỉ ở Đài ấy 1.200, 2.400 hoặc 3.000 năm. Ngày giờ nào biết có thể đầu kiếp trở lại đặng chuyển Pháp đến giáo Đạo, hành Đạo, chúng ta ra khỏi Niết Bàn đặng đầu kiếp. Chúng ta định ngày chứ không phải Ngọc Hư Cung định. Ta có quyền tự chủ nơi cõi Hư linh, còn khi mang xác phàm này rồi thì mình không định được nữa. Có nhiều Đấng thiêng liêng đến trọn một kiếp sanh mà không làm gì được lại phải đầu kiếp.

18. Có phải nơi Bát Quái Đài, bảy khí chất tạo thành hình thể chúng ta bị tiêu hủy và ta biến thành đạo hào quang ?

Phải, trước khi ra khỏi Bát Quái Đài chúng ta không còn hình thể như nhóp như trước nữa. Bảy khí chất tạo thành hình thể chúng ta được bỏ đi. Hình hài thể chất của chúng ta nhờ huyền diệu ấy mà tiêu hủy, biến thành đạo hào quang. Khi ra khỏi Bát Quái Đài rồi, chúng ta vui sướng không tả được. Phải chăng nơi ấy là nơi chúng ta đoạt đặng Thánh thể của ta, gọi Tiên phong Đạo cốt.

19. Trên cõi đó, người ta còn gặp lại kẻ thù nghịch?

Khi đi trên con đường này, dầu biết hay không biết nhau cũng đều mừng rỡ vui thấy nhau. Tới cửa này hết sự ganh ghét, giành giật, hiềm thù với nhau; cảnh đó là cảnh vui hưởng hạnh phúc chung với nhau. Ngay cả vật loại cũng có tình đời với chúng ta, một cảm tình không gì tả được. Như loài chim chóc, thú cầm, cây cối đều thể trong tinh thần chúng ta một tâm tình quen biết, nồng nàn đặc biệt với nhau. Ở trên đó, không người nào không xinh. Nơi cảnh ấy không cần gì ăn mặc; họ muốn thì hiện tượng có. Những người thiếu thôn nơi mặt thể này, nếu họ đoạt vị được thì ngày đó họ vui hưởng biết bao.

20. Ý nghĩa của 8 hào quang xuất hiện tại 8 cửa Bát Quái Đài?

Nơi 8 cửa của Bát Quái Đài xuất hiện ra 8 hào quang chiếu diệu rực rỡ và xoay tròn trong sanh linh, có Bát hồn hiện ra đủ hết: vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thân, Thánh, Tiên, Phật hồn.

Các đấng chơn hồn ấy rải khắp trong Càn khôn Vũ trụ. Các vật loại vẫn bình tịnh trong đạo hào quang ấy.

21. Trên sông Ngân Hà có Thuyền Bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát qua lại nữa không ?

Từ nơi Khổ hải về cảnh Thiêng liêng Hằng sông phải đi ngang qua sông Ngân Hà. Có một chiếc thuyền Bát Nhã² của Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Đức Di Lạc Vương Phật chèo qua lại sông Ngân Hà và Khổ hải đặng độ sinh thiên hạ.

22. Có phải cõi Thiêng liêng hằng sông chỉ để rước những vị Chí Thánh ?

Cõi Thiêng liêng Hằng sông không phải để rước những vị Chí Thánh mà thôi, thoảng chúng ta biết tự tu thân, giải oan nghiệt, tội chướng thì đoạt đặng chơn huệ tinh thần của chúng ta nơi cảnh Thiêng liêng vinh diệu kia.

23. Đi qua cầu Bát Quái Đài rồi ta có thể gặp ai ?

Khi chúng ta tưởng đến, các Đấng Thiêng liêng sẽ nghinh tiếp, mừng rỡ một cách nồng nàn như người thân và còn ứa lụy nữa. Chưa thấy vị Đế Vương nào tại thế gian này mà hưởng được đặc ân ấy. Nơi cảnh ấy không người nào không xinh. Tỷ như mình muốn cái gì đẹp thì có cái đó, tưởng đến người bạn nào thì sẽ có người bạn ấy ngay.

24. Ai chưởng quản cung Tọa Hoá Thiên ?

Đức Phật Mẫu - Mẹ của chúng ta chưởng quản cung Tọa Hóa Thiên. Chúng ta vào trong thấy một cái Ngai. Đến trước Ngai vinh diệu ấy, chúng ta vừa dòm lên dường như có một

2- Thuyền Bát Nhã tượng trưng cho Trí Huệ.

Đấng. Đấng ấy chúng ta có thể gọi là Bà Già; còn nếu chúng ta tưởng một vị Tiên Nữ thì có một Vị Tiên Nữ. Muốn thấy già thì già, muốn thấy trẻ thì trẻ rất huyền diệu. Chúng ta được vào Cung và thấy Bà mẹ mình. Hễ thấy Bà rồi, cả tình ái xưa không thể gì tả ra hình trạng được. Tình ấy buộc chúng ta dầu đũa nào cứng dầu bao nhiêu mà khi thấy cái thâm tình cao trọng của bà Mẹ cũng phải đổ lệ rơi châu.

25 .Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đối với Phật Mẫu ra sao?

Bần đạo dám chắc có nhiều người tin Đạo, hiểu Đạo mà chưa biết. Hồi buổi Chí Tôn phân định, phân tánh của Ngài, ngài dùng Linh pháp của Ngài biến tướng ra Phật Mẫu. Phật Mẫu thuộc về Âm, Chí Tôn thuộc về Dương. Âm Dương hiệp lại mới biến hóa ra Càn khôn Vũ trụ, sanh ra vạn vật. Nói cách khác, Đức Chí Tôn là Phật, Đức Phật Mẫu là Pháp, Càn khôn vũ trụ và vật loại là Tăng.

Phật giáo Ấn Độ tượng trưng Đức Phật Mẫu qua hình tượng CIVA PHẬT, là cái hình ở trên nóc Bát Quái Đài, thấy có cái “tinh nhũ” nơi ngực của Ngài đó.

Thử hỏi Đức Di Lạc Vương Phật, chương quản các nơi, dầu Ngài cao trọng đến bậc nào cũng là con. Đức Phật Mẫu chương quản cung Tạo hóa Thiên và là Đấng tạo ra Vạn linh. Chúng ta thấy tượng Phật Mẫu, Đức Di Lạc quỳ đằng sau lưng, chấp hai tay đưa lên đó. Dầu Bần đạo không tả nghĩa lý ấy, cả thầy cũng đều hiểu: con cái quyền năng bậc nào, Mẹ cũng vẫn là quyền Mẹ.

26. Huyền bí vô biên của Phật Mẫu và đạo hiểu ?

Khi chúng ta vào kiến diện Ngài, ngó trên mặt Ngài sẽ thấy

mặt Bà Mẹ ta, sanh ta đương như buổi sống, đương lo buổi trở về.

Bà Mẹ hình hài chúng ta đây là nhơn viên của Đức Phật Mẫu. Phật Mẫu đã giao quyền năng tạo đóa trong tay đó vậy. Chẳng cần nói cái vinh diệu của người đàn bà khi người con ấy nên người, biết dục tấn trên con đường Thiêng liêng Hằng sống.

Coi chừng đừng thất hiếu với Cha Mẹ. Ngày mình ngó thấy hình ảnh của Đức Phật Mẫu thì thấy người Mẹ nhơn từ, hiền hậu vô cùng, hạnh phúc mình được hưởng đó. Trái ngược lại, nếu ta thất hiếu thì dòm vào hình ảnh của Phật Mẫu, ta thấy nét mặt nghiêm nghị và lãnh đạm, chúng ta sẽ hết sức đau khổ.

Nơi cảnh này chúng ta muốn cái gì sẽ được cái nấy. Nếu mình chưa thỏa mãn trong mấy ngàn kiếp sanh trước, thì khi về đến Phật Mẫu được, chúng ta muốn cái gì nó sẽ hiện ra để chúng ta thỏa mãn cái tinh thần, cũng như cái hạnh phúc ở thế gian vậy.

27. Nơi Diêu Trì Cung có vườn Ngạn Uyển, mà vườn ấy ra sao?

Diêu Trì Cung là nơi nhao rún của chúng ta. Trong vườn Ngạn Uyển, mỗi mạng sanh con người đều có hiện tượng một bông nở. Mỗi khi bông ấy héo rụng tức nhiên là có một người chết.

Thế gian này gọi là chết chứ không phải chết. Loài người không bao giờ chết cả. Sự sống chết như thay đổi cái áo vậy thôi. Vườn hoa ở cảnh thiêng liêng ấy không phải như vườn hoa ở thế gian này đâu. Bông hoa ấy sẽ sống một triệu lần

do nơi quyền năng biến hoá của nó và nó sẽ hiện tượng biến hoá trước mặt ta vô cùng tận.. Mỗi khi nhân loại tấn triển lên thì vườn Ngạn Uyển sẽ đổi hình đổi tướng một cách đẹp đẽ vô ngần.

28. Cảnh tượng hai bên bờ Ngạn Hà ?

Trước mặt chúng ta dường như con sông Đại Hải. Khi nhìn lại thế gian phía sau lưng, thấy bên bờ sông người ta đứng muôn trùng thiên số không thể nào đếm được. Còn phía xa mù tịt bên bờ sông kia cũng đông đảo vô cùng. Thương thay người mé bên kia sông dòm qua mé bên này sông thấy họ khóc lóc, buồn rầu không biết bao nhiêu mà kể. Họ buồn rầu lo lắng như chờ ngày tái kiếp. Điều bí mật trọng yếu là ở mé bên này thiên hạ hào quang chiếu diệu đẹp đẽ vô cùng, còn một bên mé thì hình thể khô khan, đau thảm, tiêu tụy và buồn rầu.

Hỏi vì sao bên này nhìn bên kia lại khóc, bên kia nhìn qua bên này lại đau khổ. Đó là luật thiên nhiên vẫn có một. Đó là vì LUẬT THƯƠNG YÊU .

29. Những người vì thất tình mà tự tử, khi chết có làm chồng vợ, gần nhau được chăng ?

Họ phải xuống Uông Tử Thành để đầu kiếp vì không trọn căn số của mình, còn niên kỷ bao nhiêu cũng phải trở lại đầu kiếp mà trả căn quả. Hai bên vừa có tình dục phát ra thì lại làm cho chết. Dầu cho hai đảng đứng trước mặt nhau cũng không khi nào làm chồng vợ cưới nhau được .

Nếu họ trọn lòng thương yêu chơn thật thì Đức Phật Mẫu siêu độ cầu rỗi với Đức Chí Tôn, còn người nào thương bằng tình giả dối xảo trá phải tiếp tục đầu kiếp lại.

Kiếp sống thật của mình không phải là cảnh phàm này. Mà mãi từ thử đến giờ, làm người có ai biết kiếm chỗ thật của mình không?

30. Tại sao cũng đồng là người mà có nhiều người còn thú tánh, quá hung ác, bạo tàn ?

Trong mỗi người chúng ta Đức Chí Tôn đã để vào 3 thứ đặc sắc là TINH, KHÍ, THẦN. Đó cũng là: THÚ, NGƯỜI VÀ PHẬT.

Từ hồi mới tạo trái Địa cầu này, chúng ta có thể tính nó là 700 triệu năm. Tiểu Hôi đã đến thế gian này tạo vật loại, thảo mộc, thú cầm cho đến cốt cách nhơn phẩm. Từ giác hồn đi cho đến linh hồn ít nữa cũng 100 triệu năm. Khi con thú được nhứt điểm linh tâm thành người (phẩm Đại Hôi) thì nó phải tranh đấu đủ điều để bảo tồn sanh mạng, phải đối phó với áp lực Tạo Đoan như lửa, nước, gió mưa, thú dữ,... Vì thế xác chúng ta tiến từ thú cho nên còn giữ nhiều thú tánh qua quá trình chiến đấu đặng sống. Con người muốn giữ được nhơn phẩm thì đừng để thú tánh ấy phát triển, nó sẽ đầy đoạ mình. Mình ở giữa, trên kia là Đức Chí Tôn, dưới là thú. Không lẽ mình theo thú? Nếu để nó dẫn mình đi thì mong gì đoạt được ngôi vị cao trọng đôi phẩm Thần Thánh Tiên Phật mà Chí Tôn đã hứa.

Một ngày kia trí óc của loài người có điểm quang minh cực kỳ, họ sẽ đoạt được huyền vi ấy. Bởi trí họ quá khôn ngoan vì vật chất, trí ấy dục họ vô Đạo. Quyền năng khôn ngoan ấy do Đức Chí Tôn ban cho chúng ta hưởng cái khôn ngoan hơn vạn loại, mà loài người thường phản lại với Tạo hóa, trở nên tự kiêu tự đắc. Hại thay quỷ tánh dục họ theo con đường thú, thành thử cái cảnh tương tàn, tương sát lẫn nhau tại thế

gian này mới có. Loài người khổ sở vì phục tùng theo con thú, làm nô lệ cho nó, sát hại nhau để giành sống như con thú rừng.

31. Trước Diêu Trì Cung có các Cung gì ?

Trước Diêu Trì Cung có 3 cung :

- Cung giữa trước là Cung Hiệp Thiên Hành Hoá.
- Bên mặt là Cực Lạc Thế Giới.
- Bên trái là Ngọc Hư Cung .

Diêu Trì Cung

Cực Lạc Thế Giới

Ngọc Hư Cung

Cung Hiệp Thiên Hành Hoá

(Còn tiếp)

(Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc)

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh trong đêm 28 tháng 6 năm Mậu Tý (3-8-1948) với chủ đề “ Hội Thánh là gì”, trong đó Đức Hộ Pháp có dạy như sau:

“ Trong số anh em chúng ta ngồi đây, cùng sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật Tiên giáng thế, nhưng còn chờ chúng ta lập vị cho nó, bởi nó còn khờ nên giao chúng ta giáo hóa nó, để một ngày kia chúng nó đạt đến tinh thần cao trọng, đặng lãnh sứ mạng của Đức Chí Tôn phú thác”³

3- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948 - Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh - Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn hành lần thứ nhất - USA 2016 - Trang 122.

Lời Giới thiệu: Ban Thế Đạo Hải Ngoại trân trọng giới thiệu quý Huynh Tử Đệ Muội và thân hữu “ Kinh Tâm Tuệ Giác Vượt Thoát Tình Thức” do Tỳ Kheo Thích Minh Điền dịch giải và Hiền Tài Nguyễn Hữu Nghiệp Tiến sĩ Kinh Tế Hoa Kỳ dịch ra Anh Ngữ để quý vị tham khảo, nghiên cứu.

Chúng tôi thành thật cảm ơn Tỳ Kheo Thích Minh Điền & HH HT Nguyễn Hữu Nghiệp

Trân trọng,

Tập San Thế Đạo

**KINH TÂM
TUỆ GIÁC VƯỢT THOÁT TÌNH THỨC
(Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh)**

(Dịch giải: Tỳ kheo Thích Minh Điền)

(Tiếp theo TSTD 88)

Còn theo giáo nghĩa nhị thừa thì được giả lập trên mặt hiện tượng: tâm - vật lý và được ghi chép đầy đủ trong phần lớn hệ kinh A hàm (hay Nykāya), chia làm ba phạm trù:

1.Năm uẩn: Những yếu tố hợp thành thân tâm con người. Còn trí bát nhã là thật trí, nên không ở nơi vọng thức.

2.12 xứ: Do 6 căn tiếp xúc 6 trần cảnh (hiện khởi trong ý căn) tác dụng phát sinh ý thức (đối cảnh sinh tình), còn trí bát nhã là thật trí nên không ở nơi duyên sinh của 12 xứ.

**The Heart Sutra of Perfect Wisdom
free of subjective perceptions
(The Heart Sutra of Prajna Paramita)**

Elaborating translator: Bhikkhu Thich Minh Dien
(English translator: Nghiep Nguyen)

(Continued from TSTĐ 88)

On the other hand, the Dharma teachings of Theravada Buddhism are formulated based on mental and physical phenomena, and are sufficiently recorded in the system of Agama sutras (or Nykaya), classified into three categories:

1*- Five skandhas: The elements forming a human being. On the other hand, the Perfect Wisdom is the true Mind, and hence is cannot be found in the subjective perceptions.

2*- Twelve places: formulated by the interaction between 6 senses and 6 sense-objects to generate perceptions (environment-triggering emotions), while the Perfect Wisdom is true Mind, hence is not originate from the twelve places.

3*- Eighteen realms: A realm is a category, consisting of: eyes realm, ears realm, nose realm, tongue realm, body realm, consciousness realm, form realm, sound realm, smell realm, taste realm, touch realm, vision perception, hearing perception, smelling perception, tasting perception, touching perception, conscious perception”. True Wisdom is non-dual, hence cannot be searched from these eighteen realms.

4*- The twelve-causation-and-becoming chain is formed according to the following process: “ignorance, mental pro-

3.18 giới: Giới là chủng loại, gồm: “Nhân giới, nữ giới, tử giới, thiết giới, thân giới, ý giới, sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý thức giới”. Trí bát nhã là bất nhị, nên không cần các duyên trong 18 giới này.

4.12 nhân duyên là: “Vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già chết”. Còn thật trí bát nhã là tổng nhiếp, nên không cần phải quán từng nhân duyên để giải trừ.

5.Bốn lẽ thật vi diệu là: Khổ, tập, diệt, đạo: Căn cứ trên thân vật lý và tâm tâm lý để quán chiếu, rồi dùng 37 phẩm trợ đạo để giải trừ. Còn trí bát nhã là đương thể tức không, nên vượt thoát mọi vọng thức giả lập. Vì vậy cho nên không quán chiếu về: khổ, tập, diệt, đạo; chứ trên mặt tương đãi của thân vật lý và dòng tâm tâm lý thì không phải không có bốn đế.

6.Cứu cánh mà con người phải đạt được là trí và đắc. Còn thật trí bát nhã thì không ở nơi trí quán chiếu được dựng lập của tình thức, nên không có sở đắc, vì sở đắc là đối tượng sở chứng nên còn hư vọng vậy (vô trí diệt vô đắc).

Thật trí Bát nhã là vượt thoát tất cả những giả lập của tâm thức, để hiển lộ nguyên lý ngã - pháp đều không một cách triệt để, nhằm mở ra tri kiến Phật. Vì vậy cho nên, đoạn kinh này chỉ rõ “năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn đế, trí và đắc” đều là giả lập của tâm thức để chỉ ra rằng: Ngã và pháp đều là vô thường và vô ngã, nên sự chấp thủ ngã và pháp ấy (thụ uẩn) cũng chỉ là giả lập của tâm thức mà thôi. Phương tiện dùng pháp giả lập để an lập

cess, perception, name-and-form, six senses, contact, feeling, desire, clinging, possession, birth, aging and death”. The dharma-teaching of Mahayana is the all-inclusive and universal dharma, hence there is no need to deeply meditate on each cause-and-becoming element for deliverance.

5* The four Noble Truths: namely sufferings, the cause of sufferings, the cessation of sufferings, and the way to Nibbana. Based on phenomenal aspects: body, feelings, mind, and things for topics of meditation, using the 37 Dharma-aids chapters to dissolve and transform evil deeds to virtuous deeds. To the Dharma of Perfect Wisdom, the true nature of all things is emptiness, hence no need to meditate on sufferings, cause of sufferings, cessation of sufferings and the way to Nibbana.

6*. The ultimate objective one must achieve is Wisdom and how to attain Wisdom: However, the Perfect Wisdom is not based on transcending meditation on subjective perceptions, hence there is nothing to attain, because otherwise there is still delusion (no wisdom neither attaining wisdom).

On the other hand, the Dharma of Perfect Wisdom escapes from all falsely formulated perceptions of the conscious mind, unveiling the truth that all egos and things are completely empty, to widely present the Buddha Nature. Therefore, this sutra section points out clearly that five skandhas, twelve places, eighteen realms, twelve-causation-and-becoming chain, four noble truths, and wisdom & attainment all falsely exist, reflecting this fact: egos and all things are impermanent and unsubstantiated, hence the clinging to them is also merely the false view of the judging mind. Us-

ý là phương tiện của nhị thừa (37 phẩm trợ đạo, thân hành niệm).

Còn dưới tuệ giác tuyệt đãi của Phật thì ngã và pháp đều không, nên cái trí ấy cũng không và sự chứng đắc cũng không. Kinh văn dùng “vô” để một lúc quét sạch mọi thứ tình chấp của tự tâm, nên nhị biên dứt tuyệt. Đó là công việc của đạo học ngang qua quán chiếu Bát nhã, chứ không phải là con đường của triết học với những khái niệm giả lập của tâm thức chủ quan.

Vì tự tâm không tướng vọng lập, nên mới tiếp xúc được với thực tại bằng tuệ giác, tức mở ra tri kiến Phật. Chính nhờ công phu quán chiếu Bát nhã đến “không sở đắc” nên tâm không có gì “giam hãm và ngăn ngại”. Từ trước đến nay tâm bị tình thức chấp ngã và chấp pháp không chế, dụ như chim bị nhốt trong lồng (quái), nên đủ mọi lo âu sợ hãi và bị ngăn ngại mọi phía (ngại). Đầu mối của sự ngăn ngại là cái màn nghi (nghi cái) chụp lên tâm thức nên không chừa quây được. Vì vậy cho nên, lòng luôn sợ hãi bởi công họa sư tâm ý, với những dòng vọng tưởng miên man bất tận.

Điên đảo hay mở mắt chiêm bao (ngày tư tưởng) chính là công việc của ý thức phân biệt tư lự (tưởng tri). Còn mộng tưởng hay nhắm mắt chiêm bao (đêm mộng mơ) chính là công việc chấp ngã vi tế của thức Mạt na, nên gọi là mộng tưởng tri. Vì vậy cho nên, coi thử chúng ta có hành thâm Bát nhã hay không, tức trong tâm đã sạch hết mọi tình thức giả lập chưa? Trong tâm còn tham dục không? Có còn sợ hãi không? Tâm hành tuệ giác vượt thoát tình thức nên “không sở đắc, không sở cầu và không có trạng thái tâm lý sợ hãi”.

ing false view of the judging mind to resolve the motive for attachment is the mean of Theravada Buddhism.

Under the Perfect Wisdom of the Buddha, egos and all things are empty. Hence, the wisdom of this judging mind is also empty, and this attainment is also empty (no wisdom and no attainment of wisdom). The text of the Sutra uses the “no” to cleanly sweep away all emotional and subjective attachments of the judging mind, hence duality is completely abolished, leading one straight to Nibbana. This is the task of spirituality through deep meditation on Perfect Wisdom, and not the philosophical path with all falsely constructed views.

Because the nature of the true Self is empty, it experiences the “as is” reality by the perceiving wisdom, revealing Buddha Nature. Thanks to the very meditation on Perfect Wisdom to the level of “no attainment” the mind becomes no “imprisoned and separated.” From ever since a long time ago, the judging mind has been dominated by subjective and emotional attachments to self and all things, similar to a bird imprisoned in a cage (obstacle), hence being worried and fearful of everything from everywhere (fear). The root cause of all obstacles is the doubt (doubt cover) dominating and paralyzing one’s judging mind. Therefore, one always has fears originating from the mental architect carrying with it all flows of unlimited delusions.

Aimless and wild imaginations or open eyes dreams (day-dreams) are just the tasks of the judging mind (thought perception). Meanwhile, illusions or closed eyes dreams (night dreams) are just the delicate clinging to self-centered ego of

Bồ tát quán tự tại nhờ hành thâm Bát nhã (tự tánh tự độ), nên từ địa thứ tám (bát địa bồ tát) vượt lên địa thứ mười (mà đức Phật gọi là: không động không rung chuyển), mới soi thấy năm uẩn đều không, tình thức đoạn tận, trí giác hiện bày. Do vậy nên không còn gì chướng ngại tâm, vượt thoát vòng nghi mà từ trước đến nay mình bị giam hãm trong ấy. Đến địa thứ tám (bát địa) thì tự tâm hóa giải mọi vọng tưởng bằng lực “vô công dụng hạnh” vượt thoát nhất niệm vô minh của ý (xa lìa điên đảo), tạo thành lực chuyển ý, phá tan hầm sâu vô minh của mặt na (xa lìa mộng tưởng), đạt thành Diệu giác (thập địa), tức mở ra tri kiến Phật.

Sau khi giải tỏa được dòng nghi rồi thì tình thức mới bị đoạn tận, tâm trở nên như như bất động nên không còn sợ hãi, đạt được vô úy. Vọng tình từ đây tan biến, cơn ác mộng điên đảo ngàn đời từ đây đi vào tịch diệt, nên đức Phật xác quyết: “sinh đã tận, lậu đã tận, gánh nặng đã để xuống, những việc nên làm đã làm xong, từ nay không còn trở lại sinh tử nữa”. Bởi tâm tịch chiếu hiện bày, thấu rõ thật tướng các pháp, hành giả thông dong thông tay vào chợ, tùy duyên hóa độ chúng hữu tình.

Chánh văn:

Chư Phật ở trong ba đời đều nương theo tâm hành tuệ giác vượt thoát tình thức, nên chứng đắc đạo quả giác ngộ tuyệt đãi.

Nên biết tâm hành tuệ giác vượt thoát tình thức là chú thân lớn, là chú sáng lớn, là chú không trên, là chú không gì sánh bằng. Nó có năng lực trừ hết thảy khổ, chân thật không hư dối. Nên nói chú tâm hành tuệ giác vượt thoát tình thức.

the Mana, hence called dream perception. Therefore, can we try to test ourselves whether we really meditate in depth on Perfect Wisdom, i.e., if our mind is cleanly rid of any doubt yet? Does our mind still have any craving for sensual pleasures? Is there still any fear? A mind meditating deeply on Perfect Wisdom consequently becomes “attaining nothing, desiring nothing, and fearful of nothing.”

Thanks to meditating on Perfect Wisdom (self-delivering pure nature), Avalokitesvara Bodhisattva transcends from the eighth spiritual place (the eighth-spiritual-ranked Bodhisattva) to the tenth (that the Buddha considered equanimous and unchanged), and then clearly realizing that five skandhas are all empty, subjective perceptions are eradicated and enlightening perception manifests. Therefore, there are no more obstacles whatsoever to the mind, escaping the cycle of doubt that ever since in the past has imprisoned Him. At the eighth spiritual location, one’s mind is freed from all delusions by the power of “effortless virtue”, creating transforming power, destroying the deep hollow of ignorance, attaining Wonderful Perception (the tenth spiritual location), unveiling the Buddha Nature.

After resolving the cycle of doubt the emotional perception is completely cut off, one’s mind becomes quintessential, hence there is no more fear, one attains fearless state. From now on, deluding feelings evaporate, the wildly disturbing bad dreams lasting for generations have been annihilated, hence the Mighty Buddha confirmed: “birth ceases, death ceases, the heavy burden is put down, all needed to be done have been done, one won’t have to come back to the birth-and-death cycle anymore.” The true Wisdom, ever quintes-

Liên nói chú rằng: Ga tê ga tê, pa ra ga tê, pa ra sãm ga tê, bô đi soa ha.

Giải:

Chư Phật ở trong ba thời gian đều nương theo thật trí bát nhã mà sống lại với tự tánh giải thoát giác ngộ, nên nói “chúng được đạo quả giác ngộ tuyệt đãi”. Nhận ra thật trí bát nhã là trí giác ngộ, nên các Tổ sư đã dành trọn thì giờ cho Thiền, nhằm mở ra giải thoát giác ngộ; mà không mất nhiều thì giờ cho giáo môn với văn từ ngữ nghĩa giả lập của vọng thức. Bởi Thiền na là dịch âm từ Jhāna nghĩa là sự đốt cháy, động từ Jhāyati nghĩa là thiêu đốt, đốt cháy hết thảy mọi sự giả lập của tình thức, hoặc làm cho tuệ giác bùng lên (thắp sáng), nên từ bhāvanā là thắp sáng. Nói thắp sáng là tạm nói vậy thôi, còn tánh giác là cái sẵn có trong tâm, nên vượt thoát tình thức, thì trí giác hiện bày.

-A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (Anuttarā-samyak-sambodhi): Là ghi âm từ tiếng Phạn Anuttarā - samyak - sambodhi. Dịch sang Hoa văn: A là vô, nuttarā dịch là thượng, sam dịch là chánh, yak dịch là đẳng, sam là chánh, bodhi dịch là giác. Chỉ sự giác ngộ tột cùng của đức Phật, nên không gì so sánh được.

-Đại thần chú: Chú thần lớn, cũng gọi là đà - la - ni. Thần chú là lời bí mật xuất phát từ Ấn độ giáo (1), được Phật giáo phát triển đưa vào để giúp cho hành giả gom đa niệm về nhất niệm. Nhưng ở đây là chỉ cho trí tuệ Bát nhã có sức mạnh giải trừ vọng tâm, chứ không ở nơi bài chú.

-Đại minh chú: Chú giúp cho tâm đạt được ánh sáng lớn, nhằm xóa sạch vô minh, cũng chỉ cho tuệ giác.

sential and ever shining manifests, clearly understanding the true nature of all things. The practitioner freely enters the market, worry-free, empty-handed, and spontaneously converting any sentient being.

Original Text

All Buddhas—past, present, and future—all rely on Perfect Wisdom. Hence, they experience the Utmost, Ultimate, and Perfect Enlightenment. Beware that Perfect Wisdom is the great mantra, the ultimately bright mantra, the second-to-none mantra, the incomparable mantra. It has the power to annihilate all forms of sufferings, really and truthfully. Hence, it is called the Perfect Wisdom’s mantra.

It runs like this: Gate gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha.

Elaboration

All Buddhas of the three periods—past, present, and future—all rely on the Perfect Wisdom to experience the Utmost, Ultimate, and Perfect Enlightenment. Realizing Perfect Wisdom being the enlightened Wisdom, patriarchs devoted all their times to the meditation, not wasting time to any written texts falsely constructed of the delusional mind. Because “meditation” contains the translated sound of the word “Jhana” meaning “burnt down”, i.e., burning down all falsely formulated forms of deluding perceptions, to widely light up the true Wisdom. Saying “light up” is just to say it, but the true Wisdom readily exists from within, hence when freed from all falsely formulated forms of deluding perceptions, true Wisdom will naturally manifest.

-Vô thượng chú: Chú giúp cho tâm hiển lộ tính giác tuyệt đối, nên không trên không dưới (bất nhị).

-Vô đẳng đẳng chú: Chú giúp cho tâm vượt ra ngoài mọi đối đãi của tư duy hữu ngã, nên không lấy gì so sánh được.

-Gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā. đó là âm bằng tiếng Phạn.

Chú là dịch âm từ tiếng Phạn Mantra (mạn trà). Theo nghĩa hẹp thì mạn trà, là những lời cầu đảo thuộc thần bí, khi đọc lên nó có tác dụng biến hóa hiện tượng và có hệ quả cả thiện lẫn bất thiện. Theo nghĩa rộng thì mạn trà, là cái tạo nên công năng nắm giữ, thâu tóm mọi nghĩa lý, làm tiền đề phát sinh mọi công đức, diệu dụng. Mật chú là do thời kỳ Phật giáo phát triển, lấy mật chú của Ấn Độ giáo đưa vào.

Có bốn loại đà la ni:

- 1.Pháp đà la ni.
- 2.Nghĩa đà la ni.
- 3.Nhẫn đà la ni.
- 4.Chú đà la ni.

Trong bài kinh Tâm này thì “ Gate gate, pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā” thuộc chú đà la ni.

-Đại thân chú tâm hành tuệ giác vượt thoát tình chấp, nên thoát hẳn năm thụ uẩn.

-Đại minh chú là tâm hành tuệ giác vượt thoát tình chấp, nên không kiến lập pháp đối tuần tự 12 nhân duyên và 4 đế.

-Vô thượng chú là tâm hành tuệ giác vượt thoát tình chấp, nên không lập trí quán và sở đắc của Bồ tát.

-Vô đẳng đẳng chú là tâm hành tuệ giác vượt thoát tình chấp,

- The Utmost, Ultimate, and Perfect Enlightenment: is the sound-based translation of the Sanskrit phrase “Anutara – samyak – sambodhi.” Word by word, when translated into English: “A” is “no”, “nuttara” is “high”, “sam” is “right”, “yak” is “rank”, “bodhi” is “enlightenment.” So, the phrase refers to the highest, rightly ranked, justly perceiving enlightenment. That is Utmost, Ultimate, and Perfect Enlightenment.

- The great mantra: also called “dharani”. Mantra is the secret phrase of the Buddha helping us to dissolve the three deeds leading to deeply purified thought, body, and word, consequently transcending delusions from the judging and discriminating mind.

- The ultimately bright mantra: is the mantra helping one to attain great light to completely cleanse one’s ignorance.

- The second-to-none mantra: is the mantra helping the True Wisdom to manifest, hence, not above neither below (non-dual).

- The incomparable mantra: is the mantra helping one’s mind to transcend all dual comparisons of self-based thinking.

- Gate gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha: is the Sankrit sound-based phrase. In narrow sense, it means ritual worshipping words, which when pronounced, have the effects to convert phenomena which cause evil as well as good outcomes. In a broad sense, it means the item creating the power of holding, and conserving all meaningful content, for generating all meritorious, and magnificently beneficial results. Mantra is introduced from India by the Developed

nên không trụ vào cứu cánh niết bàn; tức xa lìa năng giác và sở giác.

Hành giả nhờ nương vào quán chiếu Bát nhã, nên tâm siêu việt mọi tư lượng từ phàm đến thánh, trí tuệ bỗng nhiên hiện hữu, do đó “phiền não tức bỏ đi, sinh tử tức niết bàn” bởi chân tâm “bất nhị”.

Pháp quán chiếu Bát nhã có công năng to lớn như thế, nên được mệnh danh là đà la ni. Bởi đà la ni là tổng trì, tức hàm nhiếp tinh phạm lượng thánh, bao hàm tất cả thời gian, tất cả không gian và siêu việt mọi tư lượng. Vì đà la ni mang tính bao hàm như thế, nên thể của nó là trí vô phân biệt nên tự hóa giải mọi hành uẩn trong tâm thức; mà dụng của nó là chiếu soi thật thể các pháp. Vì vậy cho nên, đức Phật tán thán và tôn xưng pháp tu này như là thần chú; chứ không phải nơi câu chú. Vì nếu lấy câu chú để giữ ý không cho tạo tác, thì ý sẽ trở lại nhất niệm vô minh, nên không thể vượt thoát sinh tử được. Tổng trì của Tâm kinh này cũng đồng nghĩa với Tổng thuyết ở trong bài kinh Nhất dạ hiền giả thuộc tạng Nikāya :

“Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng
Quá khứ đã đoạn tận
Tương lai lại chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại:
Tuệ quán chính ở đây
Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập
Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai

Buddhism.

Mantra is one category of dharani. There are four categories of dharani (i.e., great mantra):

Dharma dharani.

Meaning dharani.

Tolerance dharani.

Mantra dharani.

In this Heart Sutra, the phrase “Gate gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha” belongs to the mantra dharani. Great mantra means the magic mantra, having the power to assist the practitioner to transcend his deluding mind. Relying on the meditation on perfect wisdom, the practitioner’s mind transcends any subjective judgment; the wisdom of his original true nature manifests; hence “sorrow is bodhi, life-and-death cycle is Nibbana” thanks to his mind being “non-dual.”

As such, the mantra is called the dharani mantra. Because dharani is “universal or all-inclusive”, i.e., embracing all sentient beings and all saints, all times and spaces, and transcends all measurable items. Because dharani mantra is so inclusive, it is the undifferentiating mind and able to resolve all mental skandhas. It shines through and reveals the true nature of all things. Therefore, the Buddha praises and calls it the magic mantra, and not because of the mere wording of the mantra. Because if relying on the wording of the mantra to control the wandering mind, one falls back to the ignorance consciousness, hence, can’t escape birth-and-death cycle. This “all-inclusive” mantra of the Heart Sutra means the same as the Summary of the sutra “Non-dual Great Man” of “canon Nikaya”:

Không ai điều đình được
Vói đại quân thân chết
Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi
Xúng gọi Nhứt dạ Hiền
Bạc an tịnh, trầm lặng”.

Tổng thuyết là nói vẫn tắt lại, tức vượt thoát 5 thọ uẩn của 3 thời gian ngay nơi tình thức của mình, thì chân tâm sẽ hiện bày.

Chính vì công năng và diệu dụng to lớn của trí Bát nhã như vậy, nên tiêu trừ hết thấy khổ đau ách nạn. Cũng vì giải trừ được những thống khổ ách nạn, nên kinh văn khẳng định lại lần nữa là “chân thật không hư dối”. Đến đây diệu dụng không thể nghĩ bàn, bởi tâm đã siêu việt mọi tư lượng, nên “tự ngôn tự ngữ chấm dứt, tâm hành xứ diệt” (ngôn ngữ đoạn, tâm hành xứ diệt) và được biểu trưng cho mật ngữ “Ga tê ga tê, pa ra ga tê, pa ra sam ga tê, bô đi sò va ha”, tức hiển thị tuệ giác thật tại mà không ở nơi vọng âm của bài chú.

Cần lưu ý là có một số học giả, vì không hành tự tâm nên không nhận ra trí tuệ Bát nhã của mình, do đó khởi vọng tâm lập nghĩa của bài thần chú này là “Qua đi qua đi, qua bờ bên kia đi thì sẽ có niết bàn”. Khởi lên những niệm tưởng như vậy, chính là đưa tâm trở lại sinh diệt, nên xa lìa trí Bát nhã vậy.

Vì tâm hành xứ diệt, nên chỉ dịch âm mà thôi, bởi mật chú trong bài kinh này không phải là pháp đà la ni, cũng không phải là nghĩa đà la ni. Điều cốt yếu là khi trì chú kinh tâm

No search in the past
Neither expect in the future
Gone completely, the past no longer lasts
Not yet, the future does not exist
Here and now, true Wisdom manifests,
Equanimous and quintessential
As such, one should cultivate
Relentlessly and devotedly, today
Who knows if dying tomorrow
No one can negotiate
With the powerful army of Genie of Death.
Continuously contemplate as such
Days and nights, untiredly cultivate
Deserving being called “The Non-Dual Great Man”
The quiet and equanimous Great!

In summary, one escapes the five skandhas of the three time periods of one’s subjective perceptions, the Perfect Wisdom will manifest.

Thanks to this great power and wonderful effect, it can annihilate all sorrows and sufferings. Therefore, the sutra text once again affirms the statement is “truthful and not lying.” Here the wonderful effect is beyond debate and discussion; because one’s mind has transcended all subjective views, hence, “all spoken or written words cease, mental process dissolves”, and is symbolized by the secret words, “Ga te ga te, pa ra ga te, pa ra sam ga te, bo di so va ha,” i.e., explicitly manifesting the non-subjective and real perceiving wisdom. Notice that there are some scholars, without deep meditation and hence not experiencing Perfect Wisdom, have delusively formulated the meaning of this magic mantra as

tức trì tâm thì mọi vọng thức thành trí vô phân biệt. Vọng niệm được đoạn tận bằng cách quét sạch mọi thứ tình chấp bằng “vô” bằng tuệ quán “không động không rung chuyển” (kinh Nhất dạ hiền giả), thì thật tướng Bát nhã mới hiển lộ, tức đạt được cảnh giới chân như niết bàn, tâm được tự tại vô ngại, nên gọi là giải thoát.

Diệu dụng của Bát nhã giúp cho chúng ta tỉnh giác trọn ngày đêm, đủ năng lực chuyển y bởi lực vô công dụng hạnh, mới có cơ duyên triệt ngộ, thẳng đến niết bàn vô thượng. Vì vậy cho nên, quán chiếu Bát nhã là phương tiện mà cũng là cứu cánh giải thoát giác ngộ. Xin hành giả liễu tri.

Ghi chú:

(1). Mật chú được lấy từ Bà La Môn giáo.

Sự khởi nguyên, quá trình hình thành và phát triển của Mật tông Phật giáo có mối tương quan mật thiết với sự thay đổi của nền chính trị, văn hóa Ấn độ đương thời. Nửa sau thế kỷ thứ 7 (AD), Ấn độ giáo đã len lỏi trong các hệ thống học thuyết, kể cả giáo lý Phật giáo mà phục hưng trở lại, từ đó tạo ra sự cạnh tranh rất mãnh liệt đối với Phật giáo đương thời. Lúc bấy giờ Phật giáo Đại thừa (tôi gọi là Phật giáo Phát triển thì đúng hơn, bởi Đại thừa thuộc chân lý giác ngộ, nên trong hệ kinh Nykāya cũng có tư tưởng Đại thừa) không chỉ bị giới hạn trong phạm vi “kinh viện triết học”, mà còn chạy theo những phong trào phát triển của thời đại bấy giờ, nhất là sự trỗi dậy của Bà La Môn, nên đã nhanh chóng và tích cực tiếp cận với Ấn độ giáo và Bà-la-môn giáo. Ban đầu khi tiếp xúc, phía Phật giáo có những phản ứng khá kịch liệt, có lúc lại cật lực phê phán những quan niệm nghi chấp về tế tự cầu phước trừ họa và mật chú, tuy nhiên vẫn xúc tiến việc

“cross over cross over, cross to the other shore to experience Nibbana.” Triggering these deluding concepts, one brings his mind back to birth-and-death cycle, hence being further separated from Perfect Wisdom.

Because the mental process has ceased, one translates based on the sound, because the magic mantra in this sutra is neither dharma dharani, nor meaning dharani. Essentially, when reciting the mantra, one must have one-pointed attention, assuring “body-speech-mind being harmoniously coordinated” then delusions will be attracted and annihilated in the indiscriminating mind. The transforming power of reciting mantra is the dissolution of all deluding perceptions.

Delusions are completely eradicated by sweeping cleanly all subjective and emotional sentiments with the “No” by the true Mind of “equanimity and quintessence” (the Sutra of the Non-dual Great Man.) Then, the True Wisdom will manifest, i.e., one attains the realm of Truth, of Nibbana, and equanimity, hence called deliverance.

The wonderful effect of Perfect Wisdom helps us to be awakened days and nights, sufficiently powerful to transform by the power of “effortlessly-achieving virtue”, creating the opportunity to be enlightened completely, going straight to the ultimate Nibbana. Therefore, deep meditation on Perfect Wisdom is both a mean and the ultimate objective of Deliverance and Enlightenment. Practitioner, please understand it in depth.

Note:

- (1) Mantra is from Brahmin Hinduism.

hợp thức hóa, hoặc Phật giáo hóa theo tinh thần tùy duyên, cuối cùng Phật giáo đã hình thành nên một hệ thống Mật giáo tương đối độc lập. Do đó, Mật giáo là sản phẩm của sự kết hợp giữa Phật giáo và Ấn độ giáo. (Nguồn: NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO MẬT TÔNG - Thích Định Quang dịch).
Lược giải kinh Tâm hết.

Thành kính đốt nén hương lòng dâng
lễ Pháp Bảo cùng chư Phật thường
trụ khắp mười phương. Thành
kính niệm ân giáo dưỡng
của Hòa Thượng bản sư
cùng chư thiện tri thức
Nguyện hồi hướng
công đức này cùng
khắp pháp giới
chúng sinh đều
được lợi lạc.

Mùa Phật đản - Phật lịch 2555 - May-28-2011
Princeton Meditation Center
9516 County road 867, Princeton TX 75407
Tỳ kheo Thích Minh Điền

The origin, the path, and the development of the Mantra-based Buddhism bear a closed relationship with the changes of contemporary politics and culture of India. Half of the 7th century (AD), the Brahmin Buddhism infiltrated in many cultural systems, including Buddhism to reform, and since then creating rigorous competition with the contemporary Buddhism. At this time, Mahayana Buddhism (I called Developed Buddhism to be correct, because Mahayana is about the delivering enlightenment, which is also found in the Nykaya thoughts) was not only limited within “philosophical institutions” but also chased after various movements of contemporary developments, especially the fast and sudden development of Brahmin Hinduism, quickly interacting with Brahmin and Hinduism.

At the beginning, Buddhism rigorously reacted, occasionally criticizing the controversial rituals of praying for blessings of having children and avoiding bad lucks and practicing mantra. However, they continued the adopting process, meanwhile accepting the Buddhist cause-and-rise effect. In the end, Buddhism completed a relatively independent system of Mantra-based Buddhism. Therefore, Mantra-based Buddhism is a result of the interaction of Buddhism and Brahmin Hinduism.

(Source: The Origin and Characteristics of Mantra-Based Buddhism – Thích Định Quang translated)

The End of The Sutra of Perfect Wisdom – free of subjective perceptions

With sincere and deep respect, we light the scent of the heart
To the Dharma Gems and all Venerable Buddhas residing

PHỤ LỤC

TRI KIẾN PHI KIẾN

Phải chăng trường đời là nơi tranh danh đoạt lợi, hay chính là do mầm tham ái ở tại lòng mình mới là động cơ sinh ra mọi sự?

Chính cái tình thức của ta bị chia chẻ manh mún bởi sự lộng hành vô độ của dục ái, đã đẩy đưa ta lang thang từ vạn kiếp luân hồi với bao khổ lụy bi ai. Ta cứ mãi than thân trách phận, hoặc ngậm buồn nuốt hận rồi đổ lỗi cho Đấng tối cao tạo ra kiếp người cùng khổ, hoặc phó thác cho số mệnh trời định bất công, hoặc trách cứ xã hội phân chia giai cấp một cách tàn nhẫn!

Chính lưới tà kiến mà ta và người đã dựng xây từ vạn kỷ, tạo nên những sợi dây oan nghiệt trói chặt ta và đồng loại vào chốn đau thương.

Ta dựng nên Tôn giáo này, Triết thuyết nọ, Chủ nghĩa kia để rồi dẫn đến luận tranh, bạo hành, tương tàn tương sát lẫn nhau.

Giá như có một Đấng tối cao anh minh, thì sao Ngài lại ngó ngàng tạo nên bao nỗi thống khổ cho thế gian này?

Nếu có một triết thuyết tuyệt hảo thì sao không làm kim chỉ nam thực dụng cho loài người thoát vòng khổ lụy bi ai?

Phải chăng những mớ luận thuyết ấy chỉ là sản phẩm giả lập của tâm thức cá nhân, hay tâm thức cộng đồng của một

in all quarters of the universe. Respectfully and silently,
we express gratitude to our Monk Master and all
good teachers for their nourishing teachings. We
sincerely devote this meritorious work to all
sentient beings all over the universe
for their benefits.

Season of the Buddha's Birthday 2555 – May 28, 2011

Princeton Meditation Center

9516 County Road 867, Princeton, TX 75407

Bhikkhu Thich Minh Dien

APPENDIX

True perception without subjective perception

Is it true that life is a competing field for fame and material benefits, or is it due to the very root of craving within our hearts which is the motive for generating all sorts of life troubles?

It is merely our subjective emotions divided into many small pieces which force us to drift purposelessly through thousands of death-and-life cycles with all sorrows and sufferings. We constantly keep feeling sorry for ourselves, or painfully tolerate and blame the Creator for rendering human lives miserable, or desperately leave it to the mysteriously predetermined unfair fate or blame the society for cruelly dividing the community into many social classes!

It is just the set of false views that we and others have built since thousands of years that creates the requital chain to tightly bind us and our kindred into the sorrowful and painful world.

We formulate this religion, that philosophy, the other doc-

nhóm người, một sắc tộc, một quốc gia, một niềm tin tôn giáo hay một hệ thống chủ nghĩa chính trị?

Và nếu tâm thức ấy mang tính nhân bản, thì ít ra cũng đem lại sự bình ổn, sự hiểu biết và thương yêu chân thật nhằm hạnh phúc hóa cuộc sống nhân sinh mới phải?

Ai lại nhẫn tâm đê đầu cỡi cỏ, đặt ách thống trị, hoặc sát phạt họ vì họ không chịu mang cùng một nhãn hiệu với mình?

Và nếu thế, thì các tôn giáo, các chủ thuyết, chủ nghĩa ấy có giá trị gì trong cuộc sống thực hữu của nhân sinh? Trong khi tính nhân bản thì không cần danh xưng, chẳng có nhãn hiệu gì cả, mà chỉ cần “Thương người như thể thương thân” là đủ.

Nếu mình thương người vì họ cùng một tôn giáo, cùng một tín ngưỡng với mình, thì ra mình thương tôn giáo mình chứ đâu phải là thương người?

Nếu mình thương người vì họ cùng một màu da, cùng một sắc tộc với mình, thì ra mình thương sắc tộc của mình chứ đâu phải là thương người?

Nếu mình thương người vì họ cùng một chí hướng, cùng một chủ nghĩa với mình thì ra mình thương ý thức hệ của mình chứ đâu phải là thương người?

Chính vì những lẽ trên, nên người ta dễ đi đến cực đoan, tạo tiền đề ngăn cách giữa người và người, giữa tôn giáo này với tôn giáo nọ, giữa sắc tộc này với những sắc tộc khác, giữa quốc gia này với quốc gia nọ, giữa hệ thống chủ nghĩa chính trị này với những hệ thống chủ nghĩa chính trị khác. Trong khi “Không có giai cấp trong dòng nước mắt cùng

trine to lead us to argument, violence, and killing each other. If there were a Highest One, why would He unintentionally create all such sorrows and sufferings in this world?

If there were a perfect philosophy, why would it not be used as the utmost guide for humanity to be free from all sorrows and sufferings?

Is it because these philosophies are just the falsely formulated products of individual point of view, or that of a community, a group of people, a race, a country, a religious belief, or a system of political doctrine?

And if this point of view is humanistic, at least it would bring peace, understanding and genuine love for the happiness of humanity.

Who can heartlessly and cruelly suppress, dominate, or kill them because they do not carry the same label as ours?

And if so, then how could any religion, any philosophy, and any doctrine have any value at all in the real existence of humanity?

At the same time, humanism does not need any name, any label, but just “love others as yourself” being sufficient.

If we love others because they have the same religion, the same spiritual faith with us, then is it true that we merely love our religion and not humanity?

If we love others because they have the same skin color, the same race with us, then is it true that we merely love our race and not humanity?

If we love others because they have the same belief, same doctrine with us, then is it true that we merely love our belief system and not people?

Because of the very reasons mentioned above, people eas-

mặn, và trong dòng máu cùng đỏ như nhau”. Trân trọng thay lời nói ấy !

Cố chấp vào một quan điểm, vào một nhận thức, vào một luận thuyết mang tính chủ quan cục bộ của dòng thức, tạo nên những kiến thủ cực đoan ngăn đường bát lối ta đi đến chân lý.

Vì vậy, mở rộng tâm hồn đón gió muôn phương, nhằm đem lại tươi mát, bình ổn và an lạc cho mình và tha nhân là rất cần thiết. Song, mọi ý hướng đi tìm chân lý bởi thứ tình thức mang tính chủ quan, thì chẳng khác nào kẻ mù bị lạc vào rừng rậm, thật khó mà tìm ra lối trở về nhà.

Những mớ định kiến mà ta mang theo, nó tạo nên những uy lực đè nặng tâm hồn và phân hóa thực tại. Trong khi, chân tướng của vạn hữu là bản thể sống động bao hàm, luôn luôn vận hành một cách lung linh màu nhiệm.

Nếu tự quán sát tâm theo khuôn mẫu của ký ức đã chét cứng tự bao giờ, thì vô tình ta đã quay lưng sắp mặt, bỏ qua thực tại với những uyên nguyên của nó. Trong khi, ta chỉ cần rỗng rang mọi sự, thì tâm ta được giải phóng, thông lưu và vô nhiễm. Ta thấy lại con người thật xưa nay của chính mình một cách chân xác như nó, mà không bị một định kiến nào, một ý thức phân biệt nào can dự vào làm cho sai lạc.

Dùng mọi phương cách để theo dõi tâm, nhận dạng tâm, hướng dẫn tâm, điều phục tâm chỉ là cách chế ngự ý, an lập ý của Nhị thừa bởi người kiểm duyệt và kẻ bị kiểm duyệt. Trong khi, người kiểm duyệt và kẻ bị kiểm duyệt cũng chỉ là tâm.

Song, “Tâm không thể nắm bắt từ bên ngoài, từ bên trong

ily go to the extreme, creating antecedents to separate these people from other people, this religion from other religion, this country from other country, this political system from other political system.

Meanwhile, “There are no social classes in the tears being equally salty, and in the blood being equally red.” How admirable is such saying!

Tight attachment to a subjective view, a personal perception, a doctrine narrowly limited to individual understanding creates an extremely protective point of view that heavily hinders our path to the truth.

So, it is critical to widely open our minds to welcome good winds from all directions, bringing freshness, peace, and happiness to ourselves and others. All quests for the truth characterized by subjectivity are similar to the blinds losing their way in thick jungles, very difficult to find a way home. All pre-conceived perceptions we have carried with us carry heavy pressure on our minds and divide reality. Meanwhile, the true nature of all existences is a lively and all-pervading entity, constantly functioning mysteriously and magnificently.

If one observes his own mind according to the criteria of his long-time worn-out memories, he unconsciously turns his back, lies upside down, and misses the reality with its originally fresh nature. If we merely need to free ourselves of everything, our mind will be delivered, freely communicating and purified. We will see our true selves as ever truthfully and exactly as they really are, undistorted by any preconceived perception, and any discriminating opinion.

hay ở giữa. Tâm vô hướng, vô niệm, không có chỗ sở y, không nơi chôn quy túc. Các đức Phật không thấy tâm trong thì quá khứ, trong hiện tại hoặc ở tương lai” (kinh Phật).

Cái mà chư Phật không thấy thì làm sao mà quán niệm được. Nếu có quán niệm, thì chẳng qua là sự quán niệm về những vọng tưởng sinh diệt của các đối tượng tâm ý...v.v...Một lưỡi gươm không thể tự cắt nó. Một ngón tay không thể tự sờ mó nó. Tâm không thể quán tâm.

Trong khi ấy, mọi thứ tích tập từ vô lượng kiếp đến nay, nó chỉ là những sản phẩm vay mượn của tiền nhân; cái mà người xưa gọi là “Đồ ỏi mưa của Thánh nhân”. Hãy quên đi tất cả mọi tư niệm, mà chính nó đã tạo nên những tràng hí luận hỗn man, dẫn ta về rồi rắm. Quên đi cả những gì đang nói và quên luôn cả cái quên, thì cánh cửa chân lý tức thời rộng mở. Những pháp môn được dựng lập bởi dòng thức chỉ tạo thêm vòng lẩn quẩn bởi chính công họa sư tâm ý và vẫn bị giam hãm trong cái rọ tư tưởng ngàn đời, chẳng khác nào kiến bò quanh miệng chén mãi tìm lối nhưng không thể thoát ra.

Đem tâm tìm tâm hay đem tâm quán tâm, thì chẳng khác nào muốn tránh cái bóng mà lại đứng giữa ánh nắng mặt trời. Chẳng biết đó chỉ là “Đầu mọc thêm đầu, tuyết rắc thêm sương” mà thôi.

Liễu ngộ chân lý không hạn cuộc bởi ngôn ngữ với mớ kiến thức vay mượn từ quá khứ, rồi đặt để cho hiện tại, hay dự phóng về tương lai.

Cái thấy biết chân thật nó siêu vượt khỏi tầm đối đãi của Nhị nguyên. Hành vô hành là lộ trình không tên gọi. Khi rã vọng

Using all means to observe one's mind, understand its nature, guide it, and control it is the Theravada's way to take control of the consciousness, and to pacify it via the observer and the observed. However, the observer and the observed are both merely the mind.

But "the Mind cannot be seen from outside, from inside, or from the middle. The Mind is without direction, without conception, without form, and without residence. All Buddhas do not see the Mind in the past, in the future, and at the present" (Buddha's sutras).

How could we visualize that the Buddha cannot see? If we can, we merely visualize the delusions that come and go away of the mental objects, etc. A sword cannot cut itself. A finger cannot touch itself. The mind cannot visualize itself. At the same time, all things having been accumulated from the very beginning of time to the present are just the products borrowed from people of the past. That are what people called "the vomited stuffs of the Saints." Forget all those personal conceptions, which themselves lead to all series of wild and useless arguments, taking us to confusion. Forget all what being spoken, and forget even the forgetting, the door to the truth immediately opens. All points of view formed by subjective perceptions just create more wandering closed circles of knowledge by human mental architects, and always imprisoned in the ever-existing human thoughts, similar to the ant crawling on the circling mouth of a bowl, ever desperately looking for a way out.

Looking for one's mind with his mind or contemplating about one's mind with his mind is not different than trying to

tâm không đất nương tựa thì vòng luân hồi vào chôn vô sinh. Khi mặt trời lên thì đêm đen lui bóng. Đừng cho chi cũng chẳng nhận gì. Thử tìm xem là gì???

Tỳ kheo Thích Minh Điền

HẾT



**ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO
ĐÊM 1-2 MẬU TÝ- 1948**

“Ôi ! kiếp sanh tại thế mang xác thịt hỏi sống được mấy lát? Nội một giấc thức, một giấc ngủ, là thấy sự sống chết của kiếp con người, mang thi hài bóng dáng này là giả. Cảnh thiệt không phải ở đây, mà ở chỗ khác kia, sao không tìm cảnh thiệt là cảnh tồn tại, lại chạy theo bóng dáng ...

Ước ao sao cả thầy biết điều trọng hệ bí mật đó mà thương yêu lẫn nhau, thương lún thương càng đi rồi ngày kia coi có làm chẳng... Bàn Đạo mong ước cả thầy con cái Chí Tôn, đừng tưởng mang hình hài này mà nam nữ phân biệt đa nghe! Biết đâu trong đám nữ này có người đã làm anh làm cha của người nào đó trong tiền kiếp. Giả cuộc đừng coi trọng hệ, đừng mơ sự giả. Đó là điều ước ao của Bàn Đạo hơn hết.

avoid one's shadow while standing under the sunshine. One doesn't understand that it is merely, "a head grows more head; a snow receives more snow."

Understanding the truth is not limited by a language of knowledge borrowed from the past, applied to the present, or planned for the future.

The real understanding transcends the two sides of duality. Doing without doing is the unnamed path. When the roots of delusions have no place to grow, the birth-and-death cycles vanish. When the sun rises, the dark recesses. Give nothing and also receive nothing. Try to find out what it is???

Bhikkhu Thich Minh Dien

True wisdom unveiled by the Heart sutra
Embodies all sentient beings
Guiding them to the non-attachment Nirvana
Helping all to enlightenment

Namasté

THE END



DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



ĐẶC BIỆT

Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đền bị
vàng và scratch làm ra
như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt & Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm.

**TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC
ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM**

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy, hộp số. Thay thắng tiện đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.
- *- Scanner set up Check engine light.

**REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT**

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

**Để biết thêm xin Liên Lạc:
NHỰT TƯỜNG & THÙY TRANG**



SANDY DENTAL P.C.

SANDY DENTAL P.C

served The North West since 1987

1672 McKee Road,
San Jose - CA 95116

(Góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King)

Điện Thoại: 408-272-3999

SANDY DENTAL P.C

Hệ thống Nha Khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tin nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành .

ĐẶC BIỆT

*- Giá cả nhẹ nhàng uy tín kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

*- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã có vườn cây suối nước cá vàng và nhạc êm dịu.

*- Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.



GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
Từ 9.00 AM - 6.00 PM

Nhận các Loại Bảo Hiểm
Medi-Cal, Healthy Family
Santa Clara Healthy Kids



“ Trong số anh em chúng ta ngồi đây, cùng sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật Tiên giáng thế, nhưng còn chờ chúng ta lập vị cho nó, bởi nó còn khờ nên giao chúng ta giáo hóa nó, để một ngày kia chúng nó đạt đến tinh thần cao trọng, đặng lãnh sứ mạng của Đức Chí Tôn phú thác”

(Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948 -
BTĐHN ấn hành năm 2016 tại Hoa Kỳ - Trang 122)

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
P O. Box 21577
San Jose, CA 95151
bantthedao@comcast.net